

CÔNG TY CỔ PHẦN HÀ THÀNH - BQP

**BÁO CÁO ĐỀ XUẤT
CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG**

CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG HẠ TẦNG KỸ THUẬT
CỤM CÔNG NGHIỆP XÀ CẦU – GIAI ĐOẠN 2

Địa điểm: xã Ứng Thiên, thành phố Hà Nội

Hà Nội, tháng 8 năm 2025

CÔNG TY CỔ PHẦN HÀ THÀNH - BQP

SAO Y BẢN CHÍNH
Ngày 16 tháng 8 năm 2025



GIÁM ĐỐC
Lưu Tiến Chuyên

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG HẠ TẦNG KỸ THUẬT
CỤM CÔNG NGHIỆP XÀ CẦU – GIAI ĐOẠN 2

Địa điểm: xã Ứng Thiên, thành phố Hà Nội

CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ
(Ký, ghi họ tên, đóng dấu)



GIÁM ĐỐC
Lưu Tiến Chuyên

Hà Nội, tháng 8 năm 2025

MỤC LỤC

DANH MỤC BẢNG	i
DANH MỤC HÌNH	ii
DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT	iii
Chương I. THÔNG TIN CHUNG VỀ DỰ ÁN ĐẦU TƯ	4
1. Tên chủ dự án đầu tư	4
2. Tên dự án đầu tư	4
3. Công suất, công nghệ, sản phẩm của dự án đầu tư.....	5
3.1. Công suất của dự án đầu tư	5
3.2. Công nghệ sản xuất của dự án đầu tư.....	7
3.3. Quy mô của dự án đầu tư.....	9
4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của dự án đầu tư.....	17
4.1. Nhu cầu sử dụng máy móc thiết bị trong giai đoạn vận hành dự án	17
4.2. Nhu cầu sử dụng nguyên, nhiên, vật liệu, hóa chất của dự án	17
4.3. Nhu cầu sử dụng nhiên liệu (điện, nước, gas/dầu)	18
5. Các thông tin khác liên quan đến dự án đầu tư	23
5.1. Các hạng mục công trình đã hoàn thành của Dự án.....	24
Chương II.....	31
SỰ PHÙ HỢP CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ VỚI QUY HOẠCH,	31
KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG	31
1. Sự phù hợp của dự án đầu tư với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường	31
2. Sự phù hợp của dự án đầu tư đối với khả năng chịu tải của môi trường.....	31
Chương III.	32
KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP	32
BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ	32
1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải.....	32
1.1. Thu gom, thoát nước mưa	32
1.2. Thu gom, thoát nước thải	33
1.3. Công trình xử lý nước thải.....	35
2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải.....	61
3. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường	63
4. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại.....	65
5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung.....	66
6. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường	66
6.1. Đối với sự cố hệ thống hệ thống xử lý nước thải	66

7. Các nội dung thay đổi so với quyết định phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường (nếu có)	69
Chương IV.	70
NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG.....	70
1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải	70
2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải	71
3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung	72
Chương V.	74
KẾ HOẠCH VẬN HÀNH THỬ NGHIỆM CÔNG TRÌNH XỬ LÝ CHẤT THẢI VÀ CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN	74
1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải của dự án đầu tư	74
1.1. Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm.....	74
1.2. Kế hoạch quan trắc chất thải, đánh giá hiệu quả xử lý của các công trình, thiết bị xử lý chất thải	74
2. Chương trình quan trắc chất thải (tự động, liên tục và định kỳ) theo quy định của pháp luật	75
2.1. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ.....	75
2.2. Chương trình quan trắc tự động, liên tục chất thải.....	75
2.3. Hoạt động quan trắc môi trường định kỳ, quan trắc môi trường tự động liên tục khác theo quy định của pháp luật có liên quan hoặc theo đề xuất của chủ dự án.....	76
3. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hàng năm.....	76
Chương VI.	77
CAM KẾT CỦA CHỦ ĐẦU TƯ	77

DANH MỤC BẢNG

Bảng 1. 1. Hiện trạng các hạng mục công trình của dự án.....	6
Bảng 1. 2. Bảng so sánh cơ cấu sử dụng đất trước và sau khi điều chỉnh.....	11
Bảng 1. 3. Chỉ tiêu sử dụng đất của dự án.....	15
Bảng 1. 4. Tọa độ ranh giới của Dự án.....	17
Bảng 1.5. Nhu cầu sử dụng hóa chất của hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 300 m ³ /ngày đêm	17
Bảng 1.2. Nhu cầu sử dụng nước sinh hoạt cho CCN Giai đoạn 2	18
Bảng 1.3. Nhu cầu sử dụng nước sản xuất cho CCN Xà Cầu - Giai đoạn 2.....	20
Bảng 1.5. Định mức lượng nước cấp - nước thải của Dự án.....	22
Bảng 1. 8. Tổng hợp hệ thống cấp nước.....	25
Bảng 1.9. Bảng tổng hợp khối lượng cấp điện.....	27
Bảng 1.10. Bảng tổng hợp hệ thống thu gom thoát nước mưa CCN Xà Cầu - giai đoạn 2	28
Bảng 1.11. Bảng tổng hợp hệ thống thu gom và thoát nước thải CCN.....	30
Bảng 3.1. Tiêu chuẩn đầu nổi nước thải của CCN Xà Cầu - giai đoạn 2.....	33
Bảng 3.2. Thông số kỹ thuật của hệ thống XLNT tập trung công suất 300m ³ /ngđ	44
Bảng 3.3. Danh mục các thiết bị phụ trợ hệ thống XLNT công suất 300 m ³ /ngđ	44
Bảng 3.4. Hóa chất sử dụng cho quá trình vận hành hệ thống XLNT tập trung.....	56
Bảng 3.5. Định mức tiêu hao điện năng của hệ thống XLNT	57
Bảng 3. 6. Chi phí vận hành hệ thống xử lý nước thải.....	60
Bảng 3.7. Tổng hợp khối lượng chất thải rắn sinh hoạt và thông thường dự kiến phát sinh tại dự án.....	64
Bảng 3.8. Khối lượng chất thải nguy hại trung bình năm	65

DANH MỤC HÌNH

Hình 1. 1. Mô hình hoạt động của Dự án	7
Hình 1. 2. Quy trình sản xuất cơ khí	8
Hình 1. 3. Quy trình sản xuất đồ gỗ	8
Hình 1.9. Vị trí Dự án Cụm công nghiệp Xà Cầu – giai đoạn 2	16
Hình 3.1. Sơ đồ thu gom, thoát nước mưa của Dự án	32
Hình 3.2. Sơ đồ thu gom và thoát nước thải của CCN	35
Hình 3.5. Sơ đồ công nghệ hệ thống XLNTTT công suất 300 m ³ /ngày đêm	36

DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT

- BOD₅: Nhu cầu oxy sinh hóa
- BVMT: Bảo vệ môi trường
- Bộ TNMT: Bộ Tài nguyên môi trường
- CCN: Cụm công nghiệp
- COD: Nhu cầu oxy hóa học
- CTR: Chất thải rắn
- CTNH: Chất thải nguy hại
- ĐTM: Đánh giá tác động môi trường
- GHCP: Giới hạn cho phép
- PCCC: Phòng cháy chữa cháy
- QCVN: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia
- QLMT: Quản lý môi trường
- TCVN: Tiêu chuẩn Việt Nam
- TSS: Tổng chất rắn lơ lửng
- TNHH: Trách nhiệm hữu hạn
- UBND: Ủy ban nhân dân
- XLNT: Xử lý nước thải

Chương I. THÔNG TIN CHUNG VỀ DỰ ÁN ĐẦU TƯ

1. Tên chủ dự án đầu tư

CÔNG TY CỔ PHẦN HÀ THÀNH - BQP

- Địa chỉ: Số nhà 4, ngõ 71 phố Cửa Quán, khu Văn Phú, Phường Kiến Hưng, Thành phố Hà Nội.

- Người đại diện theo pháp luật của chủ dự án đầu tư:

+ Ông: Lưu Tiến Thuyên Chức danh: Giám đốc

- Điện thoại: 02466865568

- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0106249854, đăng ký lần đầu ngày 31/7/2013, đăng ký thay đổi lần thứ 16 ngày 13/02/2025 do Phòng đăng ký kinh doanh Sở kế hoạch và đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

2. Tên dự án đầu tư

DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG HẠ TẦNG KỸ THUẬT

CỤM CÔNG NGHIỆP XÀ CẦU – GIAI ĐOẠN 2

a. Địa điểm dự án đầu tư

Địa điểm thực hiện dự án đầu tư: xã Ứng Thiên, thành phố Hà Nội

b. Giấy chứng nhận đầu tư

- Quyết định số 383/QĐ-UBND ngày 17/01/2020 của UBND thành phố Hà Nội về việc thành lập Cụm công nghiệp Xà Cầu – giai đoạn 2, huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội; Quyết định số 4395/QĐ-UBND ngày 10/11/2022 của UBND thành phố Hà Nội về việc điều chỉnh Quyết định số 383/QĐ-UBND ngày 17/01/2020 của UBND thành phố Hà Nội về việc thành lập Cụm công nghiệp Xà Cầu – giai đoạn 2, huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội; Quyết định số 6334/QĐ-UBND ngày 09/12/2024 của UBND thành phố Hà Nội về việc điều chỉnh Quyết định thành lập Cụm công nghiệp Xà Cầu – Giai đoạn 2, huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội (Quyết định số 383/QĐ-UBND ngày 17/01/2020 và Quyết định số 4395/QĐ-UBND ngày 10/11/2022 của UBND thành phố Hà Nội) ngành nghề hoạt động chủ yếu của CCN là: Tập trung thu hút doanh nghiệp sản xuất chế biến sản phẩm đồ gia dụng; chế biến lâm sản; sản xuất gia công cơ khí và các ngành nghề sản xuất, kinh doanh khác theo hướng công nghiệp sạch, phù hợp với Quy hoạch phát triển cụm công nghiệp thành phố Hà Nội đến năm 2020, có xét đến năm 2030; dịch vụ hỗ trợ cụm công nghiệp (kể cả xăng dầu)...

c. Các văn bản pháp lý có liên quan

- Quyết định số 07/QĐ-UBND ngày 11/01/2018) của Ủy ban nhân dân huyện Ứng Hòa về việc phê duyệt quy hoạch chi tiết Cụm công nghiệp Xà Cầu (đối với khu mở rộng).

- Quyết định số 8241/QĐ-UBND ngày 22/12/2023 của Ủy ban nhân dân huyện Ứng Hòa phê duyệt đồ án điều chỉnh cục bộ Quy hoạch chi tiết Cụm công nghiệp Xà Cầu (đối với khu mở rộng).

- Quyết định số 333/QĐ-UBND ngày 15/01/2025 của Ủy ban nhân dân huyện Ứng Hòa phê duyệt điều chỉnh quy hoạch chi tiết Cụm công nghiệp Xà Cầu giai đoạn 2, tỷ lệ

1/500 .

- Quyết định số 1172/QĐ-UBND ngày 11/3/2021 của UBND thành phố Hà Nội về việc phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án “Đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp Xà Cầu giai đoạn 2”.

- Giấy phép xây dựng: số 07/GPXD do UBND huyện Ứng Hòa cấp ngày 04/3/2024.

- Biên bản nghiệm thu hoàn thành các hạng mục công trình thi công: san nền, đường giao thông, cấp nước, cấp điện và chiếu sáng, thông tin liên lạc, thoát nước mưa, thoát nước thải và trạm xử lý nước thải.

d. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ của Dự án

- Dự án “Đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật Cụm công nghiệp Xà Bàu - giai đoạn 2” thuộc loại hình đầu tư: Dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng cụm công nghiệp.

e. Quy mô của dự án đầu tư theo quy định tại khoản 1 Điều 25 Nghị định 08/2022/NĐ-CP:

- Quy mô tổng mức đầu tư Dự án là: **201,33 đồng**, theo quy định của Luật đầu tư công số 39/2019/QH14 ngày 13/06/2019, Dự án thuộc **dự án nhóm B**.

f. Yếu tố nhạy cảm về môi trường quy định tại khoản 4 Điều 25 Nghị định 08/2022/NĐ-CP: Dự án có yêu cầu chuyển đổi mục đích sử dụng đất trồng lúa từ 02 vụ trở lên với diện tích khoảng 7,39 ha

g. Phân nhóm đầu tư quy định tại khoản 2 Điều 28 Luật Bảo vệ môi trường

- Phân nhóm đầu tư theo quy định tại khoản 2, điều 28 Luật bảo vệ môi trường: Tổng diện tích đất của Dự án là 79.246 m², trong đó diện tích đất trồng lúa nước 02 vụ trở lên là 73.951 m² = 7,39 ha đã được chuyển đổi mục đích sử dụng. Căn cứ số thứ tự 5c, Phụ lục IV kèm theo Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025: “Tổng diện tích của dự án dưới 50ha và có yêu cầu chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa nước từ 02 vụ trở lên từ 05ha trở lên”, Dự án thuộc danh mục các dự án đầu tư nhóm II có nguy cơ tác động xấu đến môi trường quy định tại khoản 4 Điều 28 Luật bảo vệ môi trường.

- Căn cứ theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều 41 của Luật Bảo vệ môi trường, dự án thuộc thẩm quyền cấp Giấy phép môi trường của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội.

3. Công suất, công nghệ, sản phẩm của dự án đầu tư

3.1. Công suất của dự án đầu tư

Dự án “Đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật Cụm công nghiệp Xà Cầu - giai đoạn 2” là dự án thuộc nhóm dự án về đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng kỹ thuật, không phải thuộc nhóm dự án sản xuất do đó không có công nghệ sản xuất.

Căn cứ quyết định số 383/QĐ-UBND ngày 17/01/2020 của UBND thành phố Hà Nội về việc thành lập Cụm công nghiệp Xà Cầu – giai đoạn 2, huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội; Quyết định số 4395/QĐ-UBND ngày 10/11/2022 của UBND thành phố Hà Nội về việc điều chỉnh Quyết định số 383/QĐ-UBND ngày 17/01/2020 của UBND thành phố Hà Nội về việc thành lập Cụm công nghiệp Xà Cầu – giai đoạn 2, huyện Ứng

Hòa, thành phố Hà Nội; Quyết định số 6334/QĐ-UBND ngày 09/12/2024 của UBND thành phố Hà Nội về việc điều chỉnh Quyết định thành lập Cụm công nghiệp Xà Cầu – Giai đoạn 2, huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội (Quyết định số 383/QĐ-UBND ngày 17/01/2020 và Quyết định số 4395/QĐ-UBND ngày 10/11/2022 của UBND thành phố Hà Nội) ngành nghề hoạt động chủ yếu của CCN là: Tập trung thu hút doanh nghiệp sản xuất chế biến sản phẩm đồ gia dụng; chế biến lâm sản; sản xuất gia công cơ khí và các ngành nghề sản xuất, kinh doanh khác theo hướng công nghiệp sạch, phù hợp với Quy hoạch phát triển cụm công nghiệp thành phố Hà Nội đến năm 2020, có xét đến năm 2030; dịch vụ hỗ trợ cụm công nghiệp (kể cả xăng dầu)...

Việc quản lý và vận hành dự án do Công ty Cổ phần Hà Thành - BQP làm chủ đầu tư thực hiện theo quy định của Nhà nước và quy định của UBND thành phố Hà Nội:

Bảng 1. 1. Hiện trạng các hạng mục công trình của dự án

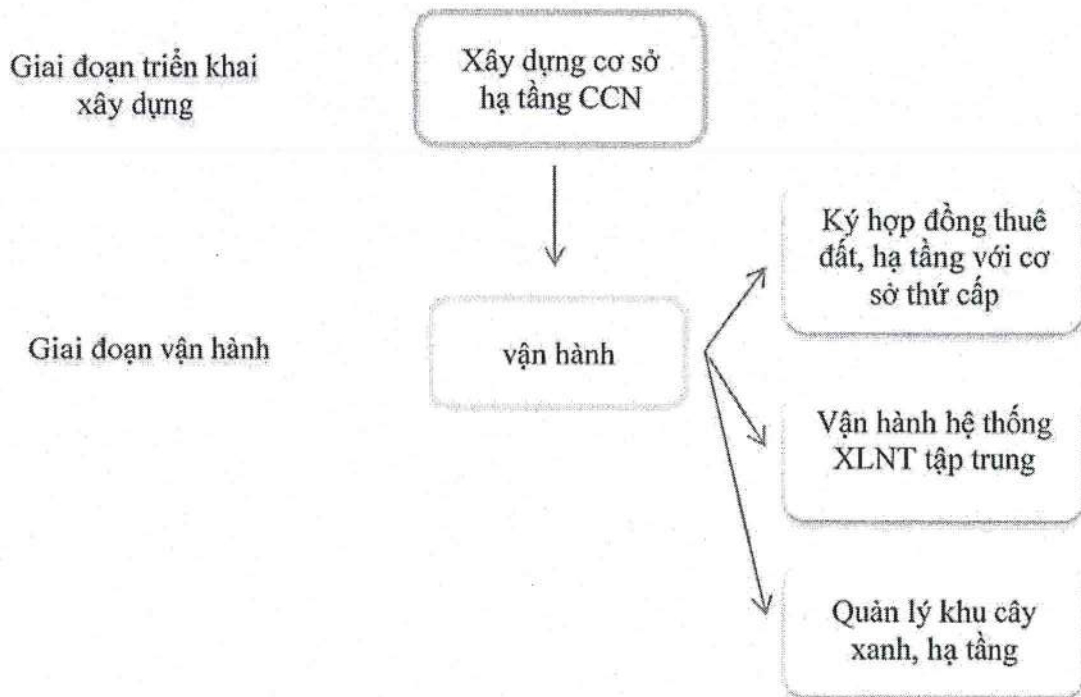
TT	Loại đất	Ký hiệu	Phân khu chức năng	Hiện trạng
1	Đất nhà xưởng sản xuất	NX-01	Xây dựng các nhà xưởng sản xuất	Đã hoàn thiện san nền các lô đất, hiện trạng chưa có nhà đầu tư thứ cấp (tỷ lệ lấp đầy: 0%).
		NX-02		
		NX-03		
		NX-04		
		NX-05		
		NX-06		
		NX-07		
		NX-08		
		NX-09		
		NX-10		
		NX-11		
		NX-12		
2	Đất cây xanh	CX-01	Cây xanh cảnh quan	Đã hoàn thiện, đảm bảo tỷ lệ cây xanh theo quy hoạch
		CX-02		
		CX-03		
		CX-04		
		CX-05		
		CX-06		
		CX-07		
3	Đất hạ tầng kỹ thuật	HT-01	Công trình đầu mối hạ tầng kỹ thuật	Đã xây dựng theo thiết kế gồm: hệ thống xử lý nước thải 300m ³ /ngày đêm (đã lắp đặt hệ thống quan trắc tự động), kho chứa chất thải, công trình phụ trợ

TT	Loại đất	Ký hiệu	Phân khu chức năng	Hiện trạng
4	Đất công trình hành chính điều hành	CC-01	Xây dựng trung tâm hành chính điều hành	Đã được xây dựng hoàn thiện
5	Đất giao thông		Hệ thống đường giao thông nội bộ	Đã hoàn thành

3.2. Công nghệ sản xuất của dự án đầu tư

3.2.1. Mô hình hoạt động của Cụm công nghiệp

Dự án khi đi vào hoạt động được thực hiện theo mô hình như sau:



Hình 1. 1. Mô hình hoạt động của Dự án

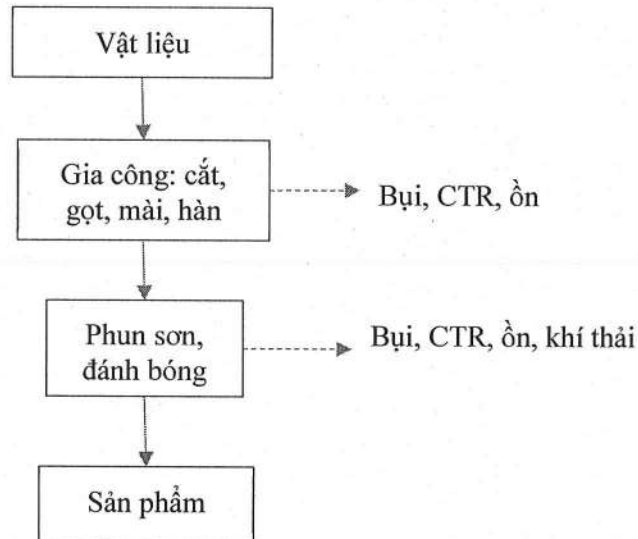
3.2.2. Quy trình công nghệ của các ngành nghề hoạt động trong CCN

Căn cứ quyết định số 383/QĐ-UBND ngày 17/01/2020 của UBND thành phố Hà Nội về việc thành lập Cụm công nghiệp Xà Cầu – giai đoạn 2, huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội; Quyết định số 4395/QĐ-UBND ngày 10/11/2022 của UBND thành phố Hà Nội về việc điều chỉnh Quyết định số 383/QĐ-UBND ngày 17/01/2020 của UBND thành phố Hà Nội về việc thành lập Cụm công nghiệp Xà Cầu – giai đoạn 2, huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội; Quyết định số 6334/QĐ-UBND ngày 09/12/2024 của UBND thành phố Hà Nội về việc điều chỉnh Quyết định thành lập Cụm công nghiệp Xà Cầu – Giai đoạn 2, huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội (Quyết định số 383/QĐ-UBND ngày 17/01/2020 và Quyết định số 4395/QĐ-UBND ngày 10/11/2022 của UBND thành phố Hà Nội) ngành nghề hoạt động chủ yếu của CCN là: Tập trung thu hút doanh nghiệp sản

xuất chế biến sản phẩm đồ gia dụng; chế biến lâm sản; sản xuất gia công cơ khí và các ngành nghề sản xuất, kinh doanh khác theo hướng công nghiệp sạch, phù hợp với Quy hoạch phát triển cụm công nghiệp thành phố Hà Nội đến năm 2020, có xét đến năm 2030; dịch vụ hỗ trợ cụm công nghiệp (kể cả xăng dầu)...

Loại hình sản xuất chính của Cụm công nghiệp là chế biến lâm sản, sản xuất gia công cơ khí,... nên quy trình sản xuất chung của các ngành nghề trong CCN được thể hiện trong các hình dưới đây:

(1). Gia công sản phẩm cơ khí



Hình 1. 2. Quy trình sản xuất cơ khí

Thuyết minh quy trình công nghệ:

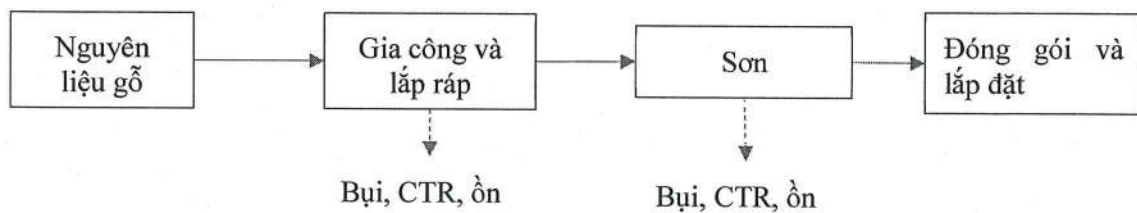
Nguyên liệu được nhập về làm các kim loại, hợp kim. Phôi kim loại được gia công, tiện, cắt gọt theo kích thước khách hàng yêu cầu.

Thực hiện gia công: cắt, gọt, mài, hàn tùy theo yêu cầu của sản phẩm, bán thành phẩm có thể phát sinh quy trình xử lý nhiệt. Quá trình này phát sinh bụi, chất thải rắn như vụn kim loại và tiếng ồn.

Bán thành phẩm sau khi được định hình theo yêu cầu sẽ được phun sơn, đánh bóng. Quá trình phát sinh bụi sơn, bụi kim loại, tiếng ồn, khí thải từ cửa trình phun sơn như VOCs.

Sản phẩm hoàn thiện được kiểm tra, nhập kho và xuất đơn hàng.

(2). Sản xuất đồ gỗ



Hình 1. 3. Quy trình sản xuất đồ gỗ

Thuyết minh quy trình sản xuất:

Nguyên liệu gỗ là các phôi nguyên liệu đã được sơ chế tại các nhà cung cấp. Nguyên liệu được gia công: cắt, cưa, bào, đục đẽo theo kích thước và hình dáng yêu cầu của khách hàng.. Sản phẩm bước sang quy trình hoàn thiện và lắp ráp thành sản phẩm, tại đây một số hóa chất được sử dụng như sơn, vecni, dầu bóng... trong quá trình này nếu phát sinh bụi, khí thải thì nhà máy phải có trách nhiệm lắp đặt hệ thống thu gom và xử lý khí thải phù hợp, đảm bảo khí sạch thoát ra môi trường. Sau đó, đóng gói và lắp đặt để bán sản phẩm.

3.3. Quy mô của dự án đầu tư

Theo nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt tại Quyết định số 1172/QĐ-UBND ngày 11/3/2021 của UBND thành phố Hà Nội và quyết định số 07/QĐ-UBND ngày 11/01/2018 của UBND huyện Ứng Hòa về việc phê duyệt quy hoạch chi tiết Cụm công nghiệp Xà Cầu (đối với khu mở rộng): Tổng diện tích đất quy hoạch cụm công nghiệp Xà Cầu khoảng 79.246 m² được chia thành 04 khu chính: khu nhà xưởng sản xuất; khu cây xanh; khu hạ tầng kỹ thuật và trung tâm hành chính điều hành của cụm công nghiệp:

+ Đất xây dựng nhà xưởng sản xuất: Xây dựng các nhà xưởng sản xuất với các ngành nghề: cơ khí, da-giày, điện tử tin học, sản xuất và lắp ráp nhựa,.. với tổng diện tích khoảng 49.076,5m² bao gồm 13 ô đất ký hiệu từ CN-01 đến CN-13 với mật độ xây dựng khoảng 70%, tầng cao 01 tầng, cụ thể như sau:

- Ô đất ký hiệu CN-01: diện tích đất khoảng 1.884,3m².
- Ô đất ký hiệu CN-02: diện tích đất khoảng 4.015,1 m².
- Ô đất ký hiệu CN-03: diện tích đất khoảng 4.166,5 m².
- Ô đất ký hiệu CN-04: diện tích đất khoảng 4.372,7 m².
- Ô đất ký hiệu CN-05: diện tích đất khoảng 4.523,7 m².
- Ô đất ký hiệu CN-06: diện tích đất khoảng 4.593,1 m².
- Ô đất ký hiệu CN-07: diện tích đất khoảng 3.652,3 m².
- Ô đất ký hiệu CN-08: diện tích đất khoảng 3.651 m².
- Ô đất ký hiệu CN-09: diện tích đất khoảng 3.670,3 m².
- Ô đất ký hiệu CN-10: diện tích đất khoảng 3.696 m².
- Ô đất ký hiệu CN-11: diện tích đất khoảng 3.715 m².
- Ô đất ký hiệu CN-02: diện tích đất khoảng 3.737,7 m².
- Ô đất ký hiệu CN-02: diện tích đất khoảng 3.595,2 m².

+ Đất xây dựng trung tâm hành chính điều hành Cụm công nghiệp với quy mô diện tích 836m²; Mật độ xây dựng khoảng 40%; Tầng cao trung bình: 2 tầng.

+ Đất cây xanh, mặt nước: Tổng diện tích khoảng 8.141,5m² gồm 07 ô đất ký hiệu từ CX-01 đến CX-07, cụ thể như sau:

- Ô đất ký hiệu CX-01: diện tích đất khoảng 2.280 m²
- Ô đất ký hiệu CX-02: diện tích đất khoảng 1.853 m²
- Ô đất ký hiệu CX-03: diện tích đất khoảng 1.854 m²

Ô đất ký hiệu CX-04: diện tích đất khoảng 677 m²

Ô đất ký hiệu CX-05: diện tích đất khoảng 651 m²

Ô đất ký hiệu CX-06: diện tích đất khoảng 474 m²

Ô đất ký hiệu CX-07: diện tích đất khoảng 352,5 m²

+ Đất hạ tầng kỹ thuật: Xây dựng trạm xử lý nước thải phục vụ khu vực diện tích khoảng 800m², Tầng cao 01 tầng. Mật độ xây dựng khoảng 40%, gồm 01 ô đất ký hiệu HTKT-01.

+ Hệ thống đường giao thông: Hệ thống đường giao thông diện tích 20.392 m², bố trí 1 điểm quay xe khu vực nút số 6 với kích thước 12mx12m.

Tuy nhiên, tại thời điểm hiện tại Dự án đã có thay đổi điều chỉnh cục bộ quy hoạch chi tiết và đã được UBND huyện Ứng Hòa phê duyệt tại quyết định số 333/QĐ-UBND ngày 15/01/2025 phê duyệt điều chỉnh quy hoạch chi tiết Cụm công nghiệp Xà Cầu giai đoạn 2, tỷ lệ 1/500. Trong đó các hạng mục công trình chính được điều chỉnh như sau:

- Điều chỉnh ký hiệu các lô đất nhà xưởng sản xuất từ CN thành NX.
- Gộp lô CN-08 (Diện tích 3.652,3m²) với một phần lô CX04 (diện tích 305,8m²) với lô CN-09 (diện tích 3670,3m²) thành một lô ký hiệu là NX-08 diện tích 7.628,4m².
- Tăng diện tích đất cây xanh các lô CX02, CX03, CX06, CX07 (diện tích tăng 155,7m²); giảm diện tích cây xanh lô CX04 (diện tích giảm 305,8m²). Tỷ lệ đất cây xanh đạt được sau khi điều chỉnh là 10,1% phù hợp quy định.
- Nhà xưởng sản xuất trong lô NX-08 cao tối đa ba tầng.
- Nhà xưởng sản xuất trong cụm công nghiệp (trừ nhà xưởng sản xuất trong lô NX-08) cao tối đa hai tầng.
- Nhà điều hành trong đất công cộng hành chính (CC-01) cao tối đa năm tầng. Khoảng lùi công trình so với Chi giới đường đỏ và ranh giới đất: Khoảng lùi 1,5m cho cạnh bên giáp ranh hai lô đất và khoảng lùi 0,5m cho cạnh sau giáp ranh hai lô đất.

Dự án chỉ thực hiện điều chỉnh cục bộ hạng mục công trình, không làm tăng phát thải so với báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt. Dưới đây là bảng so sánh cơ cấu sử dụng đất trước và sau khi điều chỉnh như sau:

Bảng 1. 2. Bảng so sánh cơ cấu sử dụng đất trước và sau khi điều chỉnh

STT	QUY HOẠCH ĐÃ DUYỆT TẠI QĐ SỐ 8241/QĐ-UBND NGÀY 22/12/2023 CỦA UBND HUYỆN ỨNG HÒA PHÊ DUYỆT ĐỒ ÁN ĐIỀU CHỈNH CỤC BỘ QUY HOẠCH CHI TIẾT CỤM CÔNG NGHIỆP XÃ CẦU (ĐỐI VỚI KHU MỎ RỘNG)				QUY HOẠCH ĐIỀU CHỈNH			SO SÁNH	GHI CHÚ ĐIỀU CHỈNH
	KÝ HIỆU	DIỆN TÍCH ĐẤT (M2)	TỶ LỆ (%)	KÝ HIỆU	DIỆN TÍCH ĐẤT (M2)	TỶ LỆ SAU ĐIỀU CHỈNH (%)			
1	Đất nhà xưởng sản xuất	49.076,5	61,9	Đất nhà xưởng sản xuất	49.366,3	62,3	289,84		
	CN-01	1.884,3		NX-01	1.884,3	2,4	0,0		GIỮ NGUYÊN VỊ TRÍ VÀ QUY MÔ ĐIỀU CHỈNH KÝ HIỆU, TẦNG CAO
	CN-02	4.015,1		NX-02	4.015,1	5,1	0,0		GIỮ NGUYÊN VỊ TRÍ VÀ QUY MÔ ĐIỀU CHỈNH KÝ HIỆU, TẦNG CAO
	CN-03	4.166,5		NX-03	4.166,5	5,3	0,0		GIỮ NGUYÊN VỊ TRÍ VÀ QUY MÔ ĐIỀU CHỈNH KÝ HIỆU, TẦNG CAO
	CN-04	4.372,7		NX-04	4.372,7	5,5	0,0		GIỮ NGUYÊN VỊ TRÍ VÀ QUY MÔ ĐIỀU CHỈNH KÝ HIỆU, TẦNG CAO
	CN-05	4.523,7		NX-05	4.523,7	5,7	0,0		GIỮ NGUYÊN VỊ TRÍ VÀ QUY MÔ ĐIỀU CHỈNH KÝ HIỆU, TẦNG CAO
	CN-06	4.593,1		NX-06	4.585,1	5,8	-8,0		GIẢM DIỆN TÍCH VÀ ĐIỀU CHỈNH KÝ HIỆU, TẦNG CAO

STT	QUY HOẠCH ĐÃ DUYỆT TẠI QĐ SỐ 8241/QĐ-UBND NGÀY 22/12/2023 CỦA UBND HUYỆN ỨNG HÒA PHÊ DUYỆT ĐỒ ÁN ĐIỀU CHỈNH CỤC BỘ QUY HOẠCH CHI TIẾT CỤM CÔNG NGHIỆP XÁ CẦU (ĐỐI VỚI KHU MỞ RỘNG)				QUY HOẠCH ĐIỀU CHỈNH			SO SÁNH	GHI CHÚ ĐIỀU CHỈNH
	KÝ HIỆU	DIỆN TÍCH ĐẤT (M2)	TỶ LỆ (%)	KÝ HIỆU	DIỆN TÍCH ĐẤT (M2)	TỶ LỆ SAU ĐIỀU CHỈNH (%)	TĂNG/ GIẢM		
	CN-07	3.090,6		NX-07	3.090,6	3,9	0,0		GIỮ NGUYÊN VỊ TRÍ VÀ QUY MÔ ĐIỀU CHỈNH KÝ HIỆU, TĂNG CAO
	CN-08	3.652,3		NX-08	7.628,4	9,6	305,8		GỘP 2 LÔ CN-08, 1 PHẦN Ô CX04 VÀ CN-09 THÀNH 1 LÔ KÝ HIỆU MỚI LÀ NX-08, ĐIỀU CHỈNH TĂNG CAO.
	CN-09	3.670,3							
	CN-10	3.696,0		NX-09	3.696,0	4,7	0,0		GIỮ NGUYÊN VỊ TRÍ VÀ QUY MÔ ĐIỀU CHỈNH KÝ HIỆU, TĂNG CAO
	CN-11	3.715,0		NX-10	3.715,0	4,7	0,0		GIỮ NGUYÊN VỊ TRÍ VÀ QUY MÔ ĐIỀU CHỈNH KÝ HIỆU, TĂNG CAO
	CN-12	3.737,7		NX-11	3.737,7	4,7	0,0		GIỮ NGUYÊN VỊ TRÍ VÀ QUY MÔ ĐIỀU CHỈNH KÝ HIỆU, TĂNG CAO
	CN-13	3.959,2		NX-12	3.951,2	5,0	-8,0		GIẢM DIỆN TÍCH VÀ ĐIỀU CHỈNH KÝ HIỆU, TĂNG CAO

STT	QUY HOẠCH ĐÃ DUYỆT TẠI QĐ SỐ 8241/QĐ-UBND NGÀY 22/12/2023 CỦA UBND HUYỆN ỨNG HÒA PHÊ DUYỆT ĐỒ ÁN ĐIỀU CHỈNH CỤC BỘ QUY HOẠCH CHI TIẾT CỤM CÔNG NGHIỆP XÁ CẦU (ĐỐI VỚI KHU MỞ RỘNG)				QUY HOẠCH ĐIỀU CHỈNH			SO SÁNH	GHI CHÚ ĐIỀU CHỈNH
	KÝ HIỆU	DIỆN TÍCH ĐẤT (M2)	TỶ LỆ (%)	KÝ HIỆU	DIỆN TÍCH ĐẤT (M2)	TỶ LỆ SAU ĐIỀU CHỈNH (%)	TĂNG/ GIẢM		
3	Đất cây xanh	8.141,5	10,3		7.991,4	10,1	-150,1		
	CX-01	2.280,0		CX-01	2.280,0	2,9	0,0		GIỮ NGUYÊN DIỆN TÍCH VÀ KÝ HIỆU
	CX-02	1.853,0		CX-02	1.853,1	2,3	0,1		TĂNG DIỆN TÍCH ĐẢM BẢO TỶ LỆ ĐẤT CÂY XANH TOÀN KHU
	CX-03	1.854,0		CX-03	1.875,3	2,4	21,3		TĂNG DIỆN TÍCH ĐẢM BẢO TỶ LỆ ĐẤT CÂY XANH TOÀN KHU
	CX-04	677,0		CX-04	371,3	0,5	-305,8		GIẢM DIỆN TÍCH 1 PHẦN GÓP VÀO Ô NX-08
	CX-05	651,0		CX-05	651,0	0,8	0,0		GIỮ NGUYÊN DIỆN TÍCH VÀ KÝ HIỆU
	CX-06	474,0		CX-06	537,8	0,7	63,8		TĂNG DIỆN TÍCH ĐẢM BẢO TỶ LỆ ĐẤT CÂY XANH TOÀN KHU
	CX-07	352,5		CX-07	423,0	0,5	70,5		TĂNG DIỆN TÍCH ĐẢM BẢO TỶ LỆ ĐẤT CÂY XANH TOÀN KHU

STT	QUY HOẠCH ĐÃ DUYỆT TẠI QĐ SỐ 8241/QĐ-UBND NGÀY 22/12/2023 CỦA UBND HUYỆN ỨNG HÒA PHÊ DUYỆT ĐỒ ÁN ĐIỀU CHỈNH CỤC BỘ QUY HOẠCH CHI TIẾT CỤM CÔNG NGHIỆP XÀ CẦU (ĐỐI VỚI KHU MỞ RỘNG)				QUY HOẠCH ĐIỀU CHỈNH			SO SÁNH	GHI CHÚ ĐIỀU CHỈNH
	KÝ HIỆU	DIỆN TÍCH ĐẤT (M2)	TỶ LỆ (%)	KÝ HIỆU	DIỆN TÍCH ĐẤT (M2)	TỶ LỆ SAU ĐIỀU CHỈNH (%)	TẦNG/ GIẢM		
4	Đất hạ tầng kỹ thuật	799,7	1,0	HT-01	799,7	1,0	0,0		GIỮ NGUYÊN DIỆN TÍCH VÀ KÝ HIỆU
5	Đất công cộng hành chính	836,3	1,1	CC-01	836,3	1,1	0,0		GIỮ NGUYÊN DIỆN TÍCH VÀ KÝ HIỆU, ĐIỀU CHỈNH TẦNG CAO LÊN 5 TẦNG
6	Đất giao thông	20.392,0	25,7		20.252,2	25,6	-139,8		
	TỔNG	79.246,0	100,0		79.246,0	100,0			

Quy mô sử dụng đất của Dự án được trình bày cụ thể như sau:

Bảng 1. 3. Chỉ tiêu sử dụng đất của dự án

STT	LOẠI ĐẤT	KÝ HIỆU	DIỆN TÍCH LÔ ĐẤT	MẬT ĐỘ XÂY DỰNG	TẦNG CAO TỐI ĐA	HỆ SỐ SỬ DỤNG ĐẤT	DIỆN TÍCH XÂY DỰNG	TỔNG DIỆN TÍCH SÀN	TỶ LỆ
			(m ²)	(%)	(tầng)	(lần)	(m ²)	(m ²)	(%)
1	Đất nhà xưởng sản xuất		49.366,3						62,3%
		NX-01	1.884,3	70,0	2,0	1,4	1.319,0	2.638,0	
		NX-02	4.015,1	70,0	2,0	1,4	2.810,6	5.621,1	
		NX-03	4.166,5	70,0	2,0	1,4	2.916,6	5.833,1	
		NX-04	4.372,7	70,0	2,0	1,4	3.060,9	6.121,8	
		NX-05	4.523,7	70,0	2,0	1,4	3.166,6	6.333,2	
		NX-06	4.585,1	70,0	2,0	1,4	3.209,6	6.419,2	
		NX-07	3.090,6	70,0	2,0	1,4	2.163,4	4.326,8	
		NX-08	7.628,4	70,0	3,0	2,1	5.339,9	16.019,6	
		NX-09	3.696,0	70,0	2,0	1,4	2.587,2	5.174,4	
		NX-10	3.715,0	70,0	2,0	1,4	2.600,5	5.201,0	
		NX-11	3.737,7	70,0	2,0	1,4	2.616,4	5.232,8	
		NX-12	3.951,2	70,0	2,0	1,4	2.765,8	5.531,7	
3	Đất cây xanh	CX	7.991,4						10,1%
		CX-01	2.280,0						
		CX-02	1.853,1						
		CX-03	1.875,3						
		CX-04	371,3						
		CX-05	651,0						
		CX-06	537,8						
		CX-07	423,0						
4	Đất hạ tầng kỹ thuật	HT-01	799,7	40,0	1,0	0,4	319,9	319,9	1,0%
5	Đất công cộng hành chính	CC-01	836,3	40,0	5,0	2,0	334,5	1.672,7	1,1%
6	Đất giao thông		20.252,2						25,5%
7	Tổng		79.246,0						100,0%

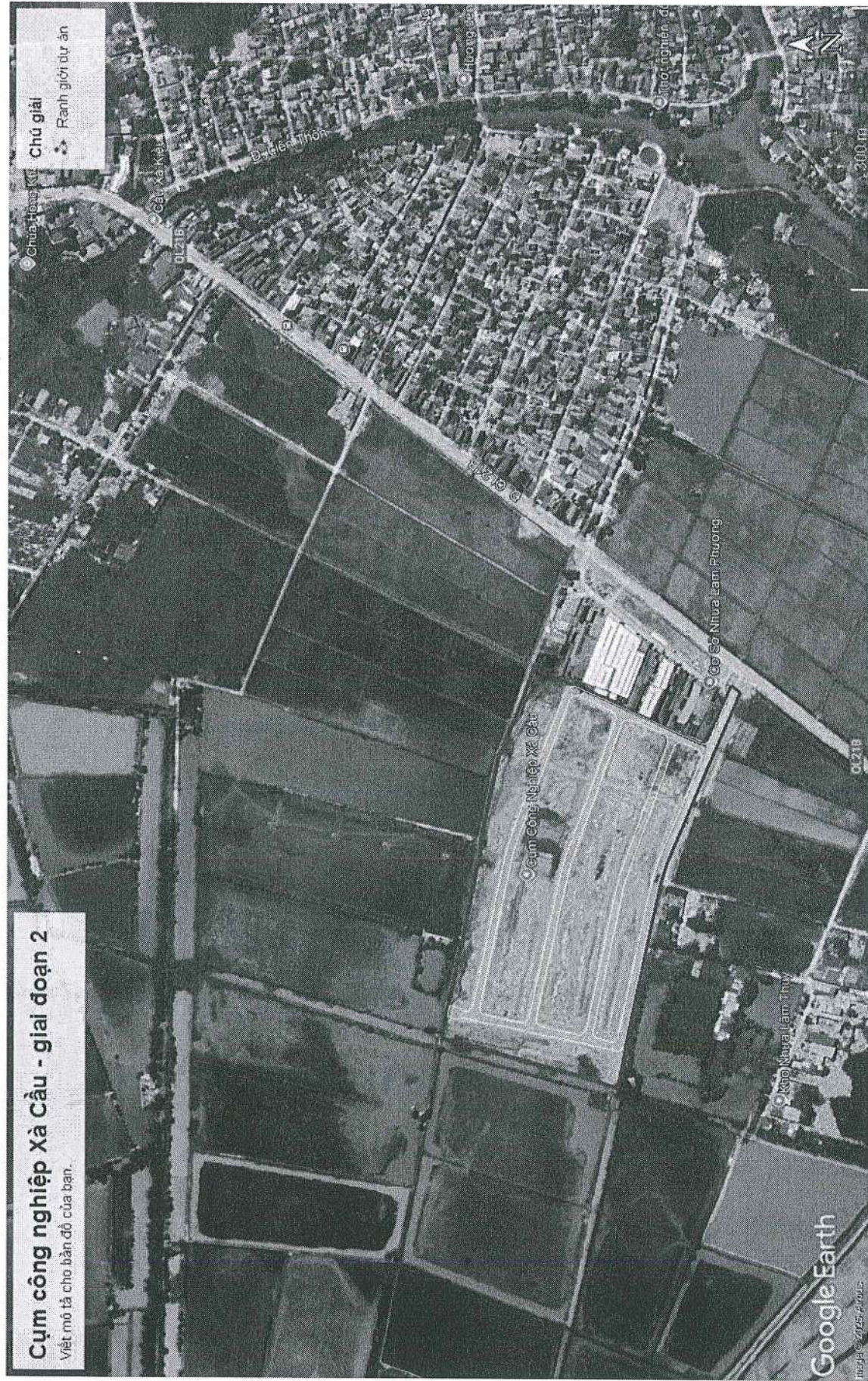
(Nguồn: Theo Quyết định số 333/QĐ-UBND ngày 15/01/2025 của UBND huyện Ứng Hòa)

Hiện nay, chủ đầu tư đã được UBND thành phố Hà Nội bàn giao toàn bộ diện tích đất thực hiện Dự án tại Quyết định số 785/QĐ-UBND ngày 06/2/2024. Dự án đã hoàn thiện san nền, phân lô và công trình hệ thống xử lý nước thải công suất 300 m³/ngày đêm.

Diện tích cây xanh thực tế Chủ dự án đã hoàn thiện theo đúng quy hoạch đã được phê duyệt với tổng diện tích là 7.991,4 m², chiếm 10,01 % tổng diện tích khu đất thực hiện Cụm công nghiệp.

Vị trí của CCN tiếp giáp với các đối tượng tự nhiên xung quanh như sau:

- + Phía Bắc giáp với cánh đồng Cửa Đình, Hồ Bom.
- + Phía Đông giáp với điểm công nghiệp 2,1 ha cạnh quốc lộ 21B.
- + Phía Nam giáp với cánh đồng Chùa Dâu.
- + Phía Tây giáp với cánh đồng Chuôm Tiều.



Hình 1.4. Vị trí Dự án Cụm công nghiệp Xà Cầu – giai đoạn 2

Tọa độ các điểm khép góc của Cụm công nghiệp Xà Cầu - giai đoạn 2 theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 105⁰ múi chiều 3⁰ là:

Bảng 1. 4. Tọa độ ranh giới của Dự án

TT	Tên mốc	Tọa độ		TT	Tên mốc	Tọa độ	
		X (m)	Y (m)			X (m)	Y (m)
1.	A1	2299069	580600	15.	A15	2299383	580237
2.	A2	2299079	580608	16.	A16	2299384	580228
3.	A3	2299104	580548	17.	A17	2299352	580220
4.	A4	2299110	580545	18.	A18	2299272	580198
5.	A5	2299290	580625	19.	A19	2299260	580194
6.	A6	2299321	580539	20.	A20	2299237	580188
7.	A7	2299325	580534	21.	A21	2299196	580177
8.	A8	2299345	580440	22.	A22	2299189	580213
9.	A9	2299345	580430	23.	A23	2299189	580229
10.	A10	2299354	580382	24.	A24	2299187	580284
11.	A11	2299356	580373	25.	A25	2299169	580318
12.	A12	2299363	580332	26.	A26	2299153	580393
13.	A13	2299368	580312	27.	A27	2299147	580415
14.	A14	2299371	580291				

4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của dự án đầu tư

4.1. Nhu cầu sử dụng máy móc thiết bị trong giai đoạn vận hành dự án

Dự án đi vào hoạt động chủ yếu là quản lý hạ tầng của CCN. Đối với các cơ sở hoạt động trong CCN, các máy móc, trang thiết bị phục vụ hoạt động sản xuất sẽ được các nhà đầu tư mua sắm và được đánh giá chi tiết trong hồ sơ môi trường của từng cơ sở. Do đó, trong giai đoạn dự án đi vào vận hành, chủ yếu là các máy móc, thiết bị phục vụ hoạt động của hệ thống xử lý nước thải công suất 300 m³/ngày đêm của CCN như: máy bơm nước, máy sục khí, máy khuấy, trạm biến áp, máy phát điện,... Ngoài ra còn một số máy móc phục vụ hoạt động của văn phòng như: máy tính, máy in,...

4.2. Nhu cầu sử dụng nguyên, nhiên, vật liệu, hóa chất của dự án

a. Nhu cầu sử dụng nguyên liệu, hóa chất

Nguyên liệu, hóa chất được sử dụng trong giai đoạn vận hành của Dự án chủ yếu là các hóa chất phục vụ hoạt động vận hành của hệ thống xử lý nước thải tập trung của Cụm công nghiệp. Khối lượng hóa chất cần sử dụng cho hệ thống xử lý nước thải tập trung khi hoạt động với công suất cực đại là 300 m³/ngày đêm như sau:

Bảng 1.5. Nhu cầu sử dụng hóa chất của hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 300 m³/ngày đêm

STT	Hóa chất sử dụng	Đơn vị	Lượng sử dụng (kg)/m ³	Lượng hóa chất 1 ngày (kg)
1	Hóa chất cụm phản ứng 1			

STT	Hóa chất sử dụng	Đơn vị	Lượng sử dụng (kg)/m3	Lượng hóa chất 1 ngày (kg)
1.1	Phèn PAC	kg	0,025	7,5
1.2	Polymer A	kg	0,0005	0,15
1.3	NaOH	kg	0,01	3
2	Hóa chất bổ sung bể sinh học			
2.1	NaOH	kg	0,01	3
2.2	Mật rỉ	kg	0,1	30
3	Hóa chất cụm phản ứng 2			
1.1	Phèn PAC	kg	0,025	7,5
1.2	Polymer A	kg	0,0005	0,15
1.3	NaOH	kg	0,01	3
4	Hóa chất khử trùng			
3.1	Javel	kg	0,0375	11,25
	Tổng cộng			65,55

Các hóa chất sử dụng được lưu giữ bảo quản tại kho chứa có diện tích 19m² tại lô HTKT, hóa chất được bố trí riêng theo từng loại, lưu chứa tại các thùng/bao bì kín. Bên trong kho có hệ thống quạt thông gió và cát chống chảy tràn hóa chất, kho đã được trang bị các thiết bị chữa cháy. Các hóa chất được Dự án sử dụng là loại được phân phối rộng rãi trên thị trường Việt Nam và được đơn vị cung cấp giao theo kế hoạch vận hành hệ thống xử lý nước thải tập trung. Dự án không có nhu cầu lưu giữ hóa chất dài hạn.

Đối với các cơ sở sản xuất trong cụm công nghiệp, tùy thuộc vào loại hình hoạt động và công nghệ sản xuất sẽ có yêu cầu về nhu cầu sử dụng hóa chất riêng biệt. Cụ thể khối lượng và thành phần hóa chất sử dụng sẽ được trình bày trong hồ sơ môi trường của mỗi cơ sở trước khi đi vào hoạt động.

4.3. Nhu cầu sử dụng nhiên liệu (điện, nước, gas/dầu)

- Nguồn cấp nước: Nước sạch cấp cho hoạt động của Dự án được lấy từ mạng lưới cấp nước hiện có của Công ty TNHH MTV nước sạch Hà Đông (đã được thỏa thuận cấp nước tại văn bản số 276/CTN-KH ngày 18/5/2020 của Công ty TNHH MTV nước sạch Hà Đông).

- Nhu cầu cấp nước chủ yếu bao gồm: nước cấp cho nhu cầu sinh hoạt, các nhà máy sản xuất, công trình hành chính, dịch vụ, nước tưới cây, rửa đường, nước hao phí, rò rỉ của các đường ống.

Nhu cầu sử dụng nước của cả Dự án khi đi vào hoạt động dự kiến như sau:

a. Nước cấp cho mục đích sinh hoạt

Căn cứ theo định mức tại TCVN 13606:2023, định mức lượng nước cấp cho mục đích sinh hoạt áp dụng là 40 lit/người/ngày. Lượng nước cấp cho mục đích sinh hoạt của CCN Giai đoạn 2 được tính toán tại bảng dưới đây:

Bảng 1.6. Nhu cầu sử dụng nước sinh hoạt cho CCN Giai đoạn 2

Stt	Mục đích sử dụng nước	Số lượng (người)	Chỉ tiêu	Đơn vị	Lưu lượng (m ³ /ngày)
1	Nước cấp sinh hoạt CCN Ninh Sở - Giai đoạn 2	900	40	l/người.ngày	36,0
	Nước dự phòng		Qdp= 15% Q		5,4
	Tổng lưu lượng nước sinh hoạt lớn nhất/ngày		Qmax=1,2xQngày.tb(m³/ngày) =1,2(ΣQ+ Qdp)		49,68

b. Nước cấp cho mục đích sản xuất và HTKT của CCN Xà Cầu – giai đoạn 2

Bảng 1.7. Nhu cầu sử dụng nước sản xuất cho CCN Xà Cầu - Giai đoạn 2

TT	Danh mục sử dụng đất	Ký hiệu lô đất	Diện tích (m ²)	Mật độ XD (%)	Diện tích xây dựng (m ²)	Tầng cao (tầng)	Quy mô	Đơn vị	Chỉ tiêu	Đơn vị
I	Đất nhà xưởng sản xuất	NX	49.366,30		32.982,0					
1.1	Đất nhà xưởng sản xuất 01	NX-01	1.884,3	70	1.319,0	2,00	0,19	ha	22	m ³ /ha/ngđ
1.2	Đất nhà xưởng sản xuất 02	NX-02	4.015,1	70	2.810,6	2,00	0,40	ha	22	m ³ /ha/ngđ
1.3	Đất nhà xưởng sản xuất 03	NX-03	4.166,5	70	2.916,6	2,00	0,42	ha	22	m ³ /ha/ngđ
1.4	Đất nhà xưởng sản xuất 04	NX-04	4.372,7	70	3.060,9	2,00	0,44	ha	22	m ³ /ha/ngđ
1.5	Đất nhà xưởng sản xuất 05	NX-05	4.523,7	70	3.166,6	2,00	0,45	ha	22	m ³ /ha/ngđ
1.6	Đất nhà xưởng sản xuất 06	NX-06	4.585,1	70	3.209,6	2,00	0,46	ha	22	m ³ /ha/ngđ
1.7	Đất nhà xưởng sản xuất 07	NX-07	3.090,6	70	2.163,4	2,00	0,31	ha	22	m ³ /ha/ngđ
1.8	Đất nhà xưởng sản xuất 08	NX-08	7.628,4	70	5.339,9	3,00	0,76	ha	22	m ³ /ha/ngđ
1.9	Đất nhà xưởng sản xuất 09	NX-09	3.696,0	70	2.587,2	2,00	0,37	ha	22	m ³ /ha/ngđ
1.10	Đất nhà xưởng sản xuất 10	NX-10	3.715,0	70	2.600,5	2,00	0,37	ha	22	m ³ /ha/ngđ
1.11	Đất nhà xưởng sản xuất 11	NX-11	3.737,7	70	2.616,4	2,00	0,37	ha	22	m ³ /ha/ngđ
1.12	Đất nhà xưởng sản xuất 12	NX-12	3.951,2	70	2.765,8	2,00	0,40	ha	22	m ³ /ha/ngđ
II	Đất cây xanh		7.991,4							
2.1	Cây xanh 01	CX-01	2.280,0				2.280,0	m ²	3	l/m ²
2.2	Cây xanh 02	CX-02	1.853,1				1.853,1	m ²	3	l/m ²
2.3	Cây xanh 03	CX-03	1.875,3				1.875,3	m ²	3	l/m ²
2.4	Cây xanh 04	CX-04	371,3				371,3	m ²	3	l/m ²
2.5	Cây xanh 05	CX-05	651,0				651,0	m ²	3	l/m ²
2.6	Cây xanh 06	CX-06	537,8				537,8	m ²	3	l/m ²
2.7	Cây xanh 07	CX-07	423,0				423,0	m ²	3	l/m ²
III	Đất hạ tầng kỹ thuật									

TT	Danh mục sử dụng đất	Ký hiệu lô đất	Diện tích (m ²)	Mật độ XD (%)	Diện tích xây dựng (m ²)	Tầng cao (tầng)	Quy mô	Đơn vị	Chỉ tiêu	Đơn vị
3.1	Đất hạ tầng kỹ thuật	HT-01	799,7	40	319,9	1,00	319,9	m ²	2	l/m ² sàn.ngđ
V	Đất công cộng hành chính									
5.1	Công cộng hành chính	CC-01	836,3	40	334,5	5,00	1.672,7	m ²	2	l/m ² sàn.ngđ
VI	Đất giao thông									
6.1	Đất giao thông		20.252,2				20.252,2	m ²	0,5	l/m ²
Tổng							ΣQ			
Nước dự phòng							Qdp= 15% Q			
Tổng lưu lượng nước ngày lớn nhất							Qmax=1,2xQngày.tb(m³/ngày)=1,2(ΣQ+ Qdp)			

c. Nước cấp dự phòng PCCC

Lưu lượng nước chữa cháy của CNN Xà Cầu - Giai đoạn 2 được tính dựa theo TCVN 2622:1995 về Phòng cháy, chữa cháy cho nhà và công trình – Yêu cầu thiết kế.

Lưu lượng nước tính toán cho mỗi đám cháy lấy bằng 30 l/s.

Tổng lượng nước dự trữ cho cứu hỏa trong 3 giờ liên tục:

$$W_{cc} = 1 \text{ đám cháy} \times 30 \text{ l/s} \times 3 \text{ giờ} \times 3600/1000 = 324,0 \text{ (m}^3\text{)}$$

Dự án sẽ thực hiện thu gom nước thải của CCN Xà Cầu – giai đoạn 1 và CCM Xà Cầu – giai đoạn 2 xử lý tại trạm XLNT có công suất 300 m³/ngày xử lý đảm bảo trước khi xả ra ngoài môi trường.

Cụm công nghiệp giai đoạn 1 do BQLDA đầu tư xây dựng huyện Ứng Hòa làm chủ đầu tư với chức năng là phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp (sản xuất cơ khí, thu gom tái chế phế liệu,...). Theo kết quả điều tra, khảo sát và thống kê trong quá trình thực hiện báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt tại CCN Xà Cầu, giai đoạn 1 thì tổng lưu lượng nước thải phát sinh lớn nhất là khoảng 120m³/ngày đêm.

Định mức lượng nước cấp – nước thải của Dự án khi đi vào hoạt động như sau:

Bảng 1.8. Định mức lượng nước cấp - nước thải của Dự án

TT	Hạng mục	Lưu lượng nước cấp	Chỉ tiêu phát sinh nước thải*	Lưu lượng
		(m ³ /ngày đêm)		xả thải (m ³ /ngày đêm)
A	NƯỚC THẢI LỚN NHẤT GIAI ĐOẠN 1			
	<i>(Bao gồm nước thải sinh hoạt và nước thải sản xuất)</i>			120,00
B	NƯỚC THẢI GIAI ĐOẠN 2			
I	NƯỚC THẢI SINH HOẠT			
	Nước cấp cho nhu cầu sinh hoạt của cán bộ công nhân viên	36,00	100%	36,00
II	Đất nhà xưởng sản xuất			
1	Đất nhà xưởng sản xuất 01	4,15	80%	3,32
2	Đất nhà xưởng sản xuất 02	8,83	80%	7,07
3	Đất nhà xưởng sản xuất 03	9,17	80%	7,33
4	Đất nhà xưởng sản xuất 04	9,62	80%	7,70
5	Đất nhà xưởng sản xuất 05	9,95	80%	7,96
6	Đất nhà xưởng sản xuất 06	10,09	80%	8,07
7	Đất nhà xưởng sản xuất 07	6,80	80%	5,44
8	Đất nhà xưởng sản xuất 08	16,78	80%	13,43
9	Đất nhà xưởng sản xuất 09	8,13	80%	6,50
10	Đất nhà xưởng sản xuất 10	8,17	80%	6,54
11	Đất nhà xưởng sản xuất 11	8,22	80%	6,58
12	Đất nhà xưởng sản xuất 12	8,69	80%	6,95
II	Đất cây xanh			
1	Cây xanh 01	6,84		-
2	Cây xanh 02	5,56	-	-
3	Cây xanh 03	5,63	-	-
4	Cây xanh 04	1,11	-	-
5	Cây xanh 05	1,95	-	-
6	Cây xanh 06	1,61	-	-
7	Cây xanh 07	1,27		-
III	Đất hạ tầng kỹ thuật			

TT	Hạng mục	Lưu lượng nước cấp	Chỉ tiêu phát sinh nước thải*	Lưu lượng
		(m ³ /ngày đêm)		xả thải (m ³ /ngày đêm)
	Đất hạ tầng kỹ thuật	0,64	100%	0,64
V	Đất công cộng hành chính			
	Công cộng hành chính	3,35	100%	3,35
VI	Đất giao thông			
	Đất giao thông	10,13	-	-
	Tổng lượng nước thải giai đoạn 2			126,87
	Lượng nước thải lớn nhất giai đoạn 2			152,24
	Tổng lượng nước thải lớn nhất cả giai đoạn 1+2			272,24

Ghi chú: (*) Chỉ tiêu phát sinh nước thải được tính bằng 80% chỉ tiêu cấp nước theo QCVN 01:2021/BXD.

5. Các thông tin khác liên quan đến dự án đầu tư

* Tóm tắt quá trình thực hiện dự án đầu tư:

- Dự án “Đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật Cụm công nghiệp Xà Cầu - giai đoạn 2” (sau đây gọi là Dự án) do Công ty Cổ phần Hà Thành - BQP làm chủ đầu tư đã được UBND thành phố Hà Nội cấp Quyết định số 383/QĐ-UBND ngày 17/01/2020 của UBND thành phố Hà Nội về việc thành lập Cụm công nghiệp Xà Cầu – giai đoạn 2, huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội; Quyết định số 4395/QĐ-UBND ngày 10/11/2022 của UBND thành phố Hà Nội về việc điều chỉnh Quyết định số 383/QĐ-UBND ngày 17/01/2020 của UBND thành phố Hà Nội về việc thành lập Cụm công nghiệp Xà Cầu – giai đoạn 2, huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội; Quyết định số 6334/QĐ-UBND ngày 09/12/2024 của UBND thành phố Hà Nội về việc điều chỉnh Quyết định thành lập Cụm công nghiệp Xà Cầu – Giai đoạn 2, huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội (Quyết định số 383/QĐ-UBND ngày 17/01/2020 và Quyết định số 4395/QĐ-UBND ngày 10/11/2022 của UBND thành phố Hà Nội).

- Dự án được UBND huyện Ứng Hòa phê duyệt Quy hoạch chi tiết xây dựng Cụm công nghiệp Xà Cầu (đối với khu mở rộng) tại Quyết định số 07/QĐ-UBND ngày 11/01/2018). Sau khi được phê duyệt quy hoạch chi tiết, Dự án có điều chỉnh cục bộ và được phê duyệt tại các quyết định số 8241/QĐ-UBND phê duyệt đồ án điều chỉnh cục bộ Quy hoạch chi tiết Cụm công nghiệp Xà Cầu (đối với khu mở rộng) ngày 22/12/2023 và quyết định số 333/QĐ-UBND phê duyệt điều chỉnh quy hoạch chi tiết Cụm công nghiệp Xà Cầu giai đoạn 2, tỷ lệ 1/500 ngày 15/01/2025.

- Dự án được UBND thành phố Hà Nội phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường tại Quyết định số 1172/QĐ-UBND ngày 11/3/2021;

- UBND thành phố Hà Nội bàn giao toàn bộ diện tích đất là 79.250,1 m² tại Quyết định số 785/QĐ-UBND ngày 06/02/2024 về việc cho Công ty cổ phần Hà Thành - BQP thuê 79.250,1m² đất tại xã Quảng Phú Cầu (nay là xã Ứng Thiên) để thực hiện dự án xây dựng hạ tầng kỹ thuật Cụm công nghiệp Xà Cầu – Giai đoạn 2, huyện Ứng Hòa.

- Dự án đã được UBND huyện Ứng Hòa cấp Giấy phép xây dựng số 07/GPXD

ngày 04/3/2024.

Đến nay, Dự án đã hoàn thành 100% công tác giải phóng mặt bằng, san nền, phân lô, hệ thống giao thông, hệ thống cấp điện, chiếu sáng, thông tin liên lạc, cấp nước, thoát nước mưa, thoát nước thải và xây dựng công trình hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 300 m³/ngày đêm. Dự kiến thời gian dự án đi vào hoạt động là tháng 9/2025.

Quy mô các hạng mục công trình đã hoàn thành của Dự án như sau:

5.1. Các hạng mục công trình đã hoàn thành của Dự án

a. Các hạng mục công trình chính

Đất công trình công cộng hành chính

Đất công trình công cộng hành chính được quy hoạch tại lô đất có ký hiệu CC-01 với diện tích 836,3m², mật độ xây dựng khoảng 40%, tầng cao trung bình 5 tầng. Đây là khu vực bố trí công trình Nhà điều hành/ Ban quản lý cụm Công nghiệp.

**** Đất xây dựng nhà xưởng sản xuất***

Gồm các lô đất được ký hiệu từ NX-01 đến NX-12 với tổng diện tích 49.366,3 m² (chiếm khoảng 62,3% diện tích đất cụm Công nghiệp) đây là khu vực được định hướng bố trí Xây dựng các nhà xưởng sản xuất với các ngành nghề: cơ khí, da-giày, điện tử-tin học, sản xuất và lắp ráp nhựa... Mật độ xây dựng khoảng 70%, tầng cao tối đa 2 tầng, riêng lô NX-8 tầng cao tối đa 3 tầng. Cụ thể như sau:

- Ô đất ký hiệu CX-01: diện tích đất khoảng 1.884,3m²
- Ô đất ký hiệu CX-02: diện tích đất khoảng 4.015,1m²
- Ô đất ký hiệu CX-03: diện tích đất khoảng 4.166,5m²
- Ô đất ký hiệu CX-04: diện tích đất khoảng 4.372,7m²
- Ô đất ký hiệu CX-05: diện tích đất khoảng 4.523,7m²
- Ô đất ký hiệu CX-06: diện tích đất khoảng 4.593,1m²
- Ô đất ký hiệu CX-07: diện tích đất khoảng 3.652,3m²
- Ô đất ký hiệu CX-08: diện tích đất khoảng 7.628,4m²
- Ô đất ký hiệu CX-09: diện tích đất khoảng 3.696,0m²
- Ô đất ký hiệu CX-10: diện tích đất khoảng 3.715,0m²
- Ô đất ký hiệu CX-11: diện tích đất khoảng 3.737,7m²
- Ô đất ký hiệu CX-12: diện tích đất khoảng 3.951,2m²

**** Đất giao thông***

Mạng lưới giao thông của Cụm công nghiệp Xà Cầu bao gồm các tuyến nội bộ có chức năng là trục cảnh quan và đường nội bộ trong đơn vị, được thiết kế quy hoạch đấu nối với tuyến đường quốc lộ 21B ở phía Đông dự án.

- Mặt bằng tuyến: mạng lưới đường giao thông cho khu vực gồm trục đường chính và đường nội bộ.

- Mạng đường đối ngoại: Đường quốc lộ nằm ngoài ranh giới dự án theo quy hoạch chung có bề rộng 35 m, hè hai bên mỗi bên 6 m, lòng đường 10,5x2 m, giải phân cách giữa 2 m.

- Mạng đường chính cụm công nghiệp: Được xác định đảm bảo mối liên hệ giao thông từ bên trong khu vực nghiên cứu ra trục đường chính, đảm bảo sự đầu nối hợp lý không gây ra ách tắc giao thông trong tương lai, cụ thể tuyến đường quy hoạch như sau:

- Tuyến đường trục chính cụm công nghiệp có mặt cắt 1 - 1: bề rộng mặt cắt ngang 11,5m, trong đó: Lòng đường chiều rộng lòng đường 7,5m, hè đường 2x2m.

b. Các hạng mục công trình phụ trợ

Các hạng mục công trình phụ trợ đã được đầu tư xây dựng theo đúng nội dung tại Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt của dự án. Quy mô các hạng mục công trình phụ trợ bao gồm: Hệ thống cấp nước; hệ thống cấp điện; hệ thống thông tin liên lạc; hệ thống cây xanh; hệ thống đường giao thông nội bộ, sân đường.

b.1. Hệ thống cấp nước

Các công trình trong hệ thống cấp nước bao gồm: Bể chứa nước và trạm bơm: có nhiệm vụ điều hoà lưu lượng nước cấp các giờ trong ngày và dự trữ lượng nước dùng trong 12h, dự trữ nước chữa cháy trong 2h liên tục và dự trữ nước dùng.

+ Xây dựng trong khu đất hành chính công cộng bể chứa nước và trạm bơm có $Q_{bể} = 530 \text{ m}^3$.

+ Mạng lưới cấp nước: Mạng lưới cấp nước của cụm công nghiệp là hệ thống đường ống cấp nước kết hợp giữa cấp nước sản xuất, sinh hoạt và chữa cháy theo một đường chung và được thiết kế theo mạng vòng đảm bảo cấp nước liên tục. Đường ống cấp nước đặt bên dưới vỉa hè, độ sâu đặt ống trung bình 0,7 m đối với ống phân phối và 0,5 m với ống dịch vụ. Mạng lưới cấp nước mạng vòng với ống phân phối và mạng cụt đối với ống dịch vụ. Trên mạng bố trí các trụ cứu hỏa với khoảng cách tối đa 150 m/trụ.

+ Mạng lưới cấp nước của khu vực sử dụng mạng lưới vòng. Sử dụng ống nhựa chịu lực HDPE, với tuyến ống phân phối sử dụng ống HDPE D110, các ống nhánh HDPE D40. Các tuyến ống được bố trí đi trên vỉa hè cách bó hè 1 m với ống phân phối và 0,7 m với ống dịch vụ.

- Cấp nước cứu hỏa:

+ Hệ thống cấp nước cứu hỏa cho khu dự án là hệ thống cấp nước cứu hỏa áp lực thấp. Khi có cháy xảy ra, xe cứu hỏa sẽ lấy nước tại các trụ cứu hỏa dọc đường.

+ Các họng cứu hỏa được đầu nối vào mạng lưới cấp nước phân phối có đường kính $D > 110\text{mm}$ và được bố trí gần ngã ba, ngã tư hoặc trục đường lớn thuận lợi cho công tác chữa cháy. Các họng cứu hỏa được bố trí dọc trên phần hè của các tuyến đường, cách mép vỉa hè không quá 2,5m. Khoảng cách giữa các họng cứu hỏa trên mạng lưới khoảng 100m — 150m, đảm bảo bán kính phục vụ là 150m.

+ Trên mỗi tuyến ống, bố trí các van chặn để ngắt nước khi có sự cố hoặc bảo trì, bảo dưỡng.

Tổng hợp khối lượng hạng mục cấp nước của dự án được thể hiện trong bảng dưới đây:

Bảng 1. 9. Tổng hợp hệ thống cấp nước

STT	Tên hạng mục	Đơn vị	Khối lượng	Tỷ lệ hoàn thành
1	Ống cấp nước HDPE D110	m	972	100%
2	Ống cấp nước HDPE D40	m	2188	
3	Trụ cứu hỏa	Cụm	6	
4	Bể, trạm bơm nước	Cụm	1	

b.2. Hệ thống cấp điện

*** Nguồn điện**

Nguồn điện cấp cho dự án là nguồn trung thế 35KV đi qua khu đất. Hiện tại Tổng công ty điện lực TP Hà Nội đã có thỏa thuận đấu nối cấp điện cho Dự án Cụm công nghiệp Xà Cầu - giai đoạn 2 tại biên bản thỏa thuận đấu nối số 8260/BB-EVNHA NOI ngày 27/9/2024 giữa Tổng công ty Điện lực TP Hà Nội và Công ty Cổ phần Hà Thành - BQP .

Vị trí đấu: Tại 3 điểm trong khu vực hành lang cách ly đường điện 35kV thuộc cụm công nghiệp. Trạm I đặt máy 1000KVA đấu nối tại cột 85 lộ ĐDK377E10.2, Trạm 2 đặt máy 1000KVA đấu nối tại cột 87 lộ ĐDK377E10.2 và trạm 3 đặt máy 1000KVA đấu nối tại cột 89 lộ ĐDK377E10.2.

Trạm biến áp được đặt ở các vị trí thuận tiện cho việc quản lý vận hành và phù hợp với cảnh quan kiến trúc của toàn khu và bán kính phục vụ 300-500 m.

- Sử dụng trạm biến áp kiểu kiot.
- Lưới hạ thế có cấp điện áp 380/220V. Cấp điện hạ áp dùng loại Cu/XLPE/SWA/PVC ngầm đất trực tiếp.
- Từ các trạm biến thế có các đường hạ thế 0,4KV đi ngầm đến cấp điện cho công trình nhà xưởng chiếu sáng cụm công nghiệp.
- Bán kính phục vụ mạng lưới hạ thế đảm bảo từ 250-300 m.
- Chiều sáng đường: Các tuyến đường có lòng đường rộng = 7,5 m, bố trí đèn một bên với khoảng cách giữa các cột cùng phía trung bình 25 — 30 m.
- Mạng lưới chiếu sáng của khu đô thị được bố trí đi ngầm, dùng cáp Cu/XLPE/SWA/PVC chôn trực tiếp trong đất hoặc đi trong hào kỹ thuật.
- Nguồn cấp điện lấy từ các trạm biến áp trong khu quy hoạch. Tủ điện điều khiển chiếu sáng đặt tại khu quản lý hoặc cây xanh.

*** Bố trí thiết bị trạm:**

- Trạm biến áp thi công được xây dựng kiểu trạm kiot.
- Ngăn trung thế: Lắp mới 01 tủ trung thế 3 ngăn (02 CD + 01 MC) 35kV-630A-16kA/s.
- Ngăn MBA: Lắp mới 01 máy biến áp 1000kVA - 35(22)/0.4kV.
- Ngăn hạ thế: Lắp đặt mới 01 tủ Hạ thế tổng 600V-1250A-70kA, 01 tủ Tủ bù hạ thế 415V-400kVAr.

Phân hạ thế:

Mạng lưới điện 0,4kv sử dụng cáp ngầm XLPE với tiết diện 95mm² đến 240mm².

Lưới điện chiếu sáng:

Nguồn điện cấp cho chiếu sáng đèn đường giao thông được lấy từ trạm biến áp

22/0.4kv.

Lưới điện chiếu sáng được bố trí đi ngầm trên vỉa hè. Cáp chiếu sáng được chôn ngầm trực tiếp trong các hào cáp tiêu chuẩn.

Nguồn cấp và công suất điện:

Hệ thống chiếu sáng dùng mạng điện 3 pha 4 dây có trung tính nối đất. Nguồn Điện được lấy từ TBA. số 2.

Bố trí đèn đường: Đèn được bố trí lắp một bên, cụ thể xem mặt cắt đường.

Loại đèn: Dùng đèn LED pha cao áp công suất từ 100W đến 150W loại vốn rất thông dụng để làm đèn đường do có màu sắc dễ nhận và có tính phân bố theo quang phổ rộng của nó. Đèn Led là loại đèn tiết kiệm năng lượng, quang thông và tuổi thọ cao, kích cỡ lớn, hiệu quả.

Cột đèn: Các trục đường chính sử dụng cột đèn bằng thép với chiều cao 8-11m và khoảng cách 30m/cột .

Cáp và dây điện cho đèn đường:

Dùng cáp 0,6KV-Cu/XLPE/DSDA/PVC 4x50mm² cho cáp cáp từ TBA đến tủ TCS và cáp 0,6KV-Cu/ XLPE /DSDA/PVC tiết diện 4x16mm² cho cáp dẫn từ tủ điện ĐKCS đến các cột đèn.

Dùng cáp 0,6KV-Cu/PVC /PVC 2x2,5mm² cho dây dẫn lên đèn.

Tất cả cáp được luồn trong ống nhựa xoắn HDPE. 65 chôn trong đất ở độ sâu 0.7m. Các vị trí cáp qua đường chôn sâu 1m.

Bảng 1.10. Bảng tổng hợp khối lượng cấp điện

STT	Tên gọi	ĐƠN VỊ	KHỐI LƯỢNG
1	Trạm biến áp 35KV/0.4	trạm	2
2	Cáp điện cao thế	m	1.210,0
3	Cáp hạ thế 0,4KV	m	2.091,0
4	Cáp chiếu sáng	m	3.352,0
5	Tủ điện chiếu sáng	tủ	1
6	Đèn chiếu sáng giao thông	cột	109

b.3. Hệ thống thông tin liên lạc

Nguồn cấp: Nguồn cấp cho khu vực dự án từ tổng đài vệ tinh Ứng Hòa, các tuyến cáp thông tin được bố trí ngầm trong dự án.

- Không cần sử dụng tổng đài vệ tinh riêng cho khu vực quy hoạch mà sử dụng tổng đài vệ tinh từ Ứng Hòa hiện có kéo về khu quy hoạch theo đường quốc lộ 21B.

Đường cống bể cáp chính được bố trí trên hè và lề đường trong ống PVC Φ110. Tại những đoạn cống bể cắt đường có xe trọng tải lớn chạy qua sử dụng ống siêu bền Φ110.

b.4. Cây xanh

Tổng diện tích đất trồng cây xanh 7.991,4 m² chiếm 10,1% tổng diện tích.

Việc lựa chọn các hình thức bố trí cây xanh, loại cây xanh trồng phải phù hợp với từng loại đường phố, điều kiện khí hậu và thổ nhưỡng, đảm bảo an toàn cho người và phương tiện giao tham gia giao thông, đáp ứng các yêu cầu về mỹ quan và vệ sinh môi

trường, hạn chế làm ảnh hưởng các công trình cơ sở hạ tầng trên mặt đất, dưới mặt đất cũng như trên không.

c. Các hạng mục công trình bảo vệ môi trường

c.1. Đối với hệ thống thu gom, thoát nước mưa

Hệ thống thu gom, thoát nước mưa của dự án được xây dựng riêng biệt với mạng lưới thu gom thoát nước thải. Hiện nay đã xây dựng hoàn thiện 100%.

Mạng lưới thoát nước mưa khu vực được thiết kế dựa theo điều kiện địa hình tự nhiên đảm bảo thoát nước triệt để trên nguyên tắc tự chảy.

Mạng lưới thoát nước sử dụng hệ thống rãnh thoát nước nắp đan tiết diện B400-B800 dọc các tuyến đường quy hoạch để thu gom nước mưa đưa khu hạ tầng kỹ thuật phía Nam dự án.

Ga thu, thu thăm của hệ thống thoát nước mưa được bố trí khoảng cách là <30m/1ga.

Hướng thoát nước khu quy hoạch gồm các lưu vực thoát nước chính theo từng lô cụm công nghiệp rồi theo trục giao thông thoát về phía Nam dự án rồi thoát ra mương hiện trạng.

- Nguồn tiếp nhận: Nước mưa được thoát qua 02 cửa xả rồi đầu nối vào kênh thủy lợi, cụ thể:

+ Cửa xả số 1(CX01): nằm tại vị trí K0+220 bên phía bờ tả kênh Mả Găng - Con Voi (nhánh kênh đất), kích thước cửa xả (BxH) = (1,2 x 1,2)m.

+ Cửa xả số 2(CX02): nằm tại vị trí K0+040 bên phía bờ tả kênh Mả Găng - Con Voi (nhánh kênh đất), kích thước cửa xả (BxH) = (1,2 x 1,2)m.

(Thỏa thuận đầu nối thoát nước mưa đã được Công ty TNHH MTV Đầu tư phát triển thủy lợi sông Nhuệ đồng thuận tại văn bản số 1598/CTSN-QLN.CT ngày 22/5/2020).

Khối lượng của hệ thống thoát nước mưa của dự án được thể hiện trong bảng dưới đây:

Bảng 1.11. Bảng tổng hợp hệ thống thu gom thoát nước mưa CCN Xà Cầu - giai đoạn 2

TT	Hạng mục	Đơn vị	Khối lượng
1	Rãnh thoát nước B400	m	953
2	Rãnh thoát nước B600	m	173
3	Rãnh thoát nước B800	m	303
4	Cống ngang D300	m	329
5	Cống BTCT D1000	m	15
6	Ga thu nước	cái	47
7	Ga thu nước mưa kết hợp ga	cái	47
8	Cửa xả	cái	1

c.2. Đối với hệ thống thu gom, thoát nước thải:

*) Phương pháp thiết kế :

Phần mạng lưới :

Hệ thống thu gom nước thải của CCN Xà Cầu - giai đoạn 2 được xây dựng tách

biệt với hệ thống thu gom thoát nước mưa, hiện nay đã hoàn thành xây dựng 100%.

Các tuyến cống thoát nước thải được tính toán theo lực vực đảm bảo đường kính đường cống và độ dốc dọc tự chảy tiêu thoát hết lượng nước thải của lưu vực. Tất cả các tuyến cống được vạch theo nguyên tắc hướng nước đi là ngắn nhất lợi dụng tối đa địa hình để thoát tự chảy về Trạm xử lý.

✦ Phương án đầu nối nước thải giai đoạn 1

- Hiện tại, toàn bộ nước thải phát sinh của giai đoạn 1 được thu gom vào hệ thống mương xây kín B40 (nước mưa không thu về hệ thống rãnh này), có tổng chiều dài khoảng 412m, độ dốc 0,1% chạy dọc phía Tây khu đất. Sau đó, nước thải được đầu vào mương xây thủy lợi phía Bắc khu đất, chiều rộng khoảng 4m.

- Để đảm bảo thu gom toàn bộ lượng nước thải phát sinh từ CCN giai đoạn 1 về trạm XLNT tập trung của giai đoạn 2, CĐT dự án tiến hành đầu nối đường ống thoát nước thải từ giai đoạn 1 sang hồ ga thu gom nước thải góc phía Đông Nam của giai đoạn 2 bằng đường ống D300 dài khoảng 50m.

✦ Phương án xây dựng hệ thống thoát nước thải giai đoạn 2

- Các tuyến ống thoát nước thải sử dụng ống BTCT đúc sẵn đặt trên vỉa hè đường để thu nước thải từ các khu xưởng sản xuất dẫn tự chảy về trạm xử lý nước thải tập trung của cả CCN. Các hồ ga được xây cách nhau 30-50m.

- Nước từ các nhà máy xí nghiệp, xưởng sản xuất thoát vào hệ thống thoát nước thải cụm công nghiệp được vận chuyển về trạm xử lý nước thải tập trung đặt ở phía Nam cụm công nghiệp (nghiêm cấm việc xả nước thải sau xử lý của các nhà máy thành viên vào hệ thống thoát nước mưa của CCN). Các nhà máy thành viên sẽ phải trả lệ phí sử dụng dịch vụ XLNT tập trung của CCN và phí bảo vệ môi trường đối với nước thải.

- Nước thải sản xuất trong từng nhà máy phải xử lý nước thải theo tiêu chuẩn Thoát nước thải của Cụm công nghiệp trước khi được dẫn ra hệ thống thoát nước thải chung của cụm công nghiệp. Nước thải thu gom về TXLNT công suất 300 m³/ngày đêm. Nước thải sau khi xử lý phải đạt QCTĐHN 02:2014/BTNMT cột A với $k_q=0,9$ và $k_f=1,1$ - Quy chuẩn kỹ thuật về nước thải công nghiệp trên địa bàn Thủ đô Hà Nội. (Căn cứ áp dụng các hệ số: Theo mục 2.3.3 của QCTĐHN 02:2014/BTNMT Khi nguồn tiếp nhận là mương tiêu nội đồng không có số liệu về lưu lượng dòng chảy nên $K_q=0,9$; Theo bảng 4: Hệ số lưu lượng nguồn thải K_f thì lưu lượng nguồn thải của dự án lớn nhất: $F=300 \text{ m}^3/\text{ngày đêm} < 500$ nên $k_f=1,1$).

Vị trí điểm xả nước thải: theo Văn bản số 1598/CTSN-QLN.CT ngày 22/05/2020 của Công ty TNHH MTV Đầu tư phát triển thủy lợi Sông Nhuệ về việc thỏa thuận xin đầu nối thoát nước vào kênh thủy lợi của Dự án đầu tư xây dựng cụm công nghiệp Xà Cầu giai đoạn 2, huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội: Nước thải sau khi được xử lý được dẫn vào hồ điều hòa nằm trong khu công nghiệp, sau đó chảy qua công D300 vào hệ thống thoát nước mưa, chảy ra kênh Mả Găng - Con Voi tại cửa xả 01 (CX01).

- Tọa độ vị trí điểm đầu nối xả nước thải:

$$X_{NT} = 2297686.130 \text{ (m)};$$

$$Y_{NT} = 582140.295 \text{ (m)}.$$

- Chế độ xả thải: xả liên tục 24/24 giờ hoặc gián đoạn theo ca làm việc

- Lưu lượng xả thải lớn nhất: 300 m³/ngày đêm

- Chất lượng nước thải sau xử lý đảm bảo đạt QCTĐHN 02:2014/BTNMT (cột A,

$K_f = 1,1$; $K_q = 0,9$).

Khối lượng hệ thống thoát nước thải của CCN được thể hiện trong bảng dưới đây:

Bảng 1.12. Bảng tổng hợp hệ thống thu gom và thoát nước thải CCN

TT	Hạng mục	Đơn vị	Khối lượng
1	Ống thoát nước BTCT D300 (đã bao gồm phần đầu nổi nước thải từ giai đoạn 1)	m	1591
2	Ống thoát nước BTCT D400	m	196
3	Hồ sinh học (hồ điều hòa) thể tích khoảng 2000m ³ tại ô CX2	Cụm	1
4	Trạm xử lý	Cụm	1

c.3. Công trình xử lý nước thải

Chủ dự án đã hoàn thiện việc đầu tư xây dựng hệ thống xử lý nước thải tập trung tại lô đất HTKT của Dự án với quy mô công suất như sau:

Quy mô, công suất hệ thống xử lý nước thải: 300 m³/ngày đêm

Nước thải sau xử lý đảm bảo đạt QCTĐHN 02:2014/BTNMT (Cột A, $K_f = 1,1$; $K_q = 0,9$) – Quy chuẩn kỹ thuật về nước thải công nghiệp trên địa bàn thủ đô Hà Nội trước khi thoát ra hệ thống thoát nước của khu vực.

Để đảm bảo lưu lượng và chất lượng nước thải xử lý Dự án đã hoàn thành lắp đặt 01 hệ thống các đầu đo online quan trắc chất lượng nước thải và lưu lượng sau bể khử trùng tại đầu ra của TXLNT. Hệ thống quan trắc tự động các chỉ tiêu đầu ra: Lưu lượng đầu vào (Flow in 1), Lưu lượng đầu ra (Flow out 1), pH, nhiệt độ, nhu cầu oxi hóa học (COD), tổng chất rắn lơ lửng (TSS), Amoni (NH₄⁺).

Trong trường có sự cố xảy ra, nước thải được dẫn về ngăn chứa nước xả sự cố 1.000m³, có thể lưu giữ nước trong ba ngày. Khi trạm xử lý hoạt động bình thường trở lại, nước thải từ ngăn chứa nước xả sự cố được quay về hệ thống xử lý để xử lý trước khi xả vào hồ chỉ thị sinh học 1000 m³ thuộc hồ điều hòa, sau đó xả ra môi trường.

Chi tiết Công nghệ xử lý nước thải; quy mô xây dựng các khối bể xử lý sẽ được trình bày tại mục 1.3 (chương III) của Báo cáo.

Chương II.

SỰ PHÙ HỢP CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG

1. Sự phù hợp của dự án đầu tư với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường

Dự án đầu tư xây dựng phù hợp với các quy hoạch đã được phê duyệt:

+ Quyết định số 1292/QĐ-UBND ngày 14/03/2018 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội về việc phê duyệt Quy hoạch phát triển Cụm công nghiệp thành phố Hà Nội đến năm 2020, định hướng đến năm 2030;

+ Quyết định số 383/QĐ-UBND ngày 17/01/2020 của UBND thành phố Hà Nội về việc thành lập Cụm công nghiệp Xà Cầu – giai đoạn 2, huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội; Quyết định số 4395/QĐ-UBND ngày 10/11/2022 của UBND thành phố Hà Nội về việc điều chỉnh Quyết định số 383/QĐ-UBND ngày 17/01/2020 của UBND thành phố Hà Nội về việc thành lập Cụm công nghiệp Xà Cầu – giai đoạn 2, huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội; Quyết định số 6334/QĐ-UBND ngày 09/12/2024 của UBND thành phố Hà Nội về việc điều chỉnh Quyết định thành lập Cụm công nghiệp Xà Cầu – Giai đoạn 2, huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội (Quyết định số 383/QĐ-UBND ngày 17/01/2020 và Quyết định số 4395/QĐ-UBND ngày 10/11/2022 của UBND thành phố Hà Nội);

+ Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Cụm công nghiệp Xà Cầu - giai đoạn 2, huyện Ứng Hòa.

2. Sự phù hợp của dự án đầu tư đối với khả năng chịu tải của môi trường

Dự án đã được đánh giá trong quá trình thực hiện đánh giá tác động môi trường và không có sự thay đổi.

Chương III.

KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ

1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải

1.1. Thu gom, thoát nước mưa

Hệ thống thu gom, thoát nước mưa của dự án được xây dựng riêng biệt với mạng lưới thu gom thoát nước thải. Hiện nay đã xây dựng hoàn thiện 100%, cụ thể như sau:

Hướng thoát nước khu quy hoạch gồm các lưu vực thoát nước chính theo từng lô cụm công nghiệp rồi theo trục giao thông thoát về phía Nam dự án rồi thoát ra mương hiện trạng.

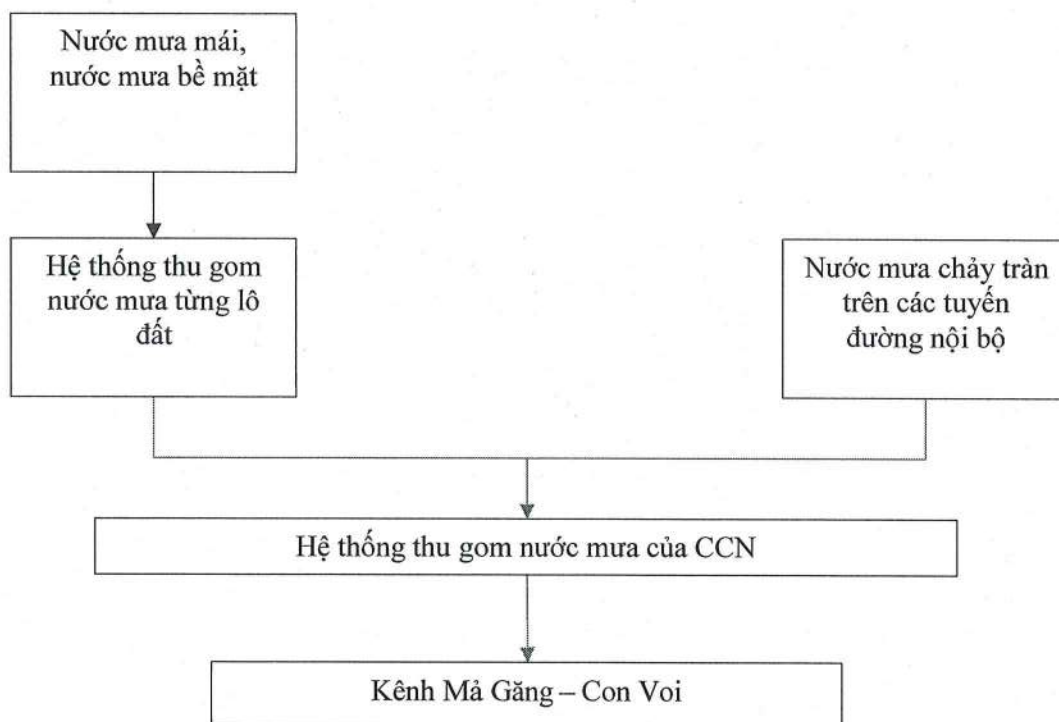
- Nguồn tiếp nhận: Nước mưa được thoát qua 02 cửa xả rồi đầu nối vào kênh thủy lợi, cụ thể:

+ Cửa xả số 1(CX01): nằm tại vị trí K0+220 bên phía bờ tả kênh Mả Găng - Con Voi (nhánh kênh đất), kích thước cửa xả (BxH) = (1,2 x 1,2)m.

+ Cửa xả số 2(CX02): nằm tại vị trí K0+040 bên phía bờ tả kênh Mả Găng - Con Voi (nhánh kênh đất), kích thước cửa xả (BxH) = (1,2 x 1,2)m.

(Thỏa thuận đầu nối thoát nước mưa đã được Công ty TNHH MTV Đầu tư phát triển thủy lợi sông Nhuệ đồng thuận tại văn bản số 1598/CTSN-QLN.CT ngày 22/5/2020).

- Dưới đây là sơ đồ thu gom, thoát nước mưa của Dự án:



Hình 3.1. Sơ đồ thu gom, thoát nước mưa của Dự án

(Bản đồ tổng thể thoát nước mưa của Dự án được đính kèm Phụ lục của Báo cáo)

Định kỳ 03 tháng/lần, Chủ dự án tiến hành kiểm tra, nạo vét hệ thống cống thoát và các hố ga lắng cặn nước mưa, thực hiện tốt công tác vệ sinh công nghiệp để giảm bớt nồng độ các chất bẩn trong nước mưa.

1.2. Thu gom, thoát nước thải

a. Nguồn phát sinh nước thải

- Nước thải sinh hoạt: phát sinh từ khu vệ sinh của Công cộng hành chính của CCN Xà Cầu - giai đoạn 2 được thu gom, xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại, sau đó dẫn về xử lý tại hệ thống xử lý nước thải tập trung CCN Xà Cầu - giai đoạn 2 có công suất 300 m³/ngày đêm.

- Nước thải (sinh hoạt và công nghiệp) phát sinh từ các đơn vị thứ cấp hoạt động trong CCN Xà Cầu - giai đoạn 1, 2 phải được xử lý sơ bộ đảm bảo các thông số ô nhiễm đạt tiêu chuẩn đầu vào trước khi đầu nối vào hệ thống xử lý nước thải tập trung CCN Xà Cầu - giai đoạn 2 có công suất 300 m³/ngày đêm.

Bảng 3.1. Tiêu chuẩn đầu nối nước thải của CCN Xà Cầu - giai đoạn 2

STT	Thông số	Đơn vị	Giá trị giới hạn chất ô nhiễm
1	Nhiệt độ	°C	40
2	Màu	Pt/Co	150
3	pH	-	5,5-9
4	BOD5 (20°C)	mg/l	200
5	COD	mg/l	250
6	TSS	mg/l	150
7	Asen	mg/l	0,05
8	Thủy ngân	mg/l	0,005
9	Chì	mg/l	0,099
10	Cadimi	mg/l	0,05
11	Crom (VI)	mg/l	0,05
12	Crom (III)	mg/l	0,20
13	Đồng	mg/l	1,98
14	Kẽm	mg/l	2,97
15	Niken	mg/l	1
16	Mangan	mg/l	1
17	Sắt	mg/l	5
18	Tổng xianua	mg/l	0,069
19	Tổng phenol	mg/l	0,099
20	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/l	4,95
21	Sunfua	mg/l	0,5
22	Florua	mg/l	5
23	Amoni	mg/l	10
24	Tổng nitơ	mg/l	40
25	Tổng phốt pho	mg/l	6
26	Clorua	mg/l	495
27	Clo dư	mg/l	0,99
28	Tổng hóa chất bảo vệ thực vật hữu cơ	mg/l	0,05
29	Tổng hóa chất bảo vệ thực vật phốt pho hữu cơ	mg/l	0,30
30	Tổng PCB	mg/l	0,00

STT	Thông số	Đơn vị	Giá trị giới hạn chất ô nhiễm
31	Coliform	mg/l	5000
32	Tổng hoạt độ phóng xạ α	mg/l	0,10
33	Tổng hoạt độ phóng xạ β	mg/l	0,99

b. Hệ thống thu gom nước thải

Hệ thống thu gom nước thải của CCN Xà Cầu - giai đoạn 2 được xây dựng tách biệt với hệ thống thu gom thoát nước mưa, hiện nay đã hoàn thành xây dựng 100%.

- Hướng thoát nước thải: Các tuyến cống thoát nước thải được tính toán theo lực vực đảm bảo đường kính đường cống và độ dốc dọc tự chảy tiêu thoát hết lượng nước thải của lưu vực. Tất cả các tuyến cống được vạch theo nguyên tắc hướng nước đi là ngắn nhất lợi dụng tối đa địa hình để thoát tự chảy về Trạm xử lý công suất 300m³/ngày.đêm tại lô đất hạ tầng kỹ thuật của dự án.

- Độ dốc tối thiểu của các tuyến cống thoát nước bản phải đảm bảo $i \geq 1/D$. với D là đường kính cống.

- Mạng lưới thoát nước thải dùng cống tròn BTCT đi trên hè, có đường kính cống D300 và D400 với chiều sâu chôn ống tối thiểu là 0,7m tính từ mặt hè đến đáy cống.

c. Hệ thống thoát nước thải

Các loại nước thải sau khi đã được xử lý sơ bộ được tiếp tục thu gom về hệ thống xử lý nước thải tập trung của CCN, công suất 300 m³/ngày đêm. Nước thải sau xử lý đạt QCTĐHN 02:2014/BTNMT, cột A ($K_f = 1,1$; $K_q = 0,9$) và thoát ra kênh Mã Măng – Con Voi theo phương thức tự chảy bằng đường ống D300 qua 01 điểm xả (Văn bản số 1598/CTSN-QLN.CT ngày 22/05/2020 của Công ty TNHH MTV Đầu tư phát triển thủy lợi Sông Nhuệ về việc thỏa thuận xin đầu nối thoát nước vào kênh thủy lợi của Dự án đầu tư xây dựng cụm công nghiệp Xà Cầu giai đoạn 2, huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội, trong đó có nội dung thỏa thuận đầu nối nước thải).

- Tọa độ vị trí điểm đầu nối xả nước thải:

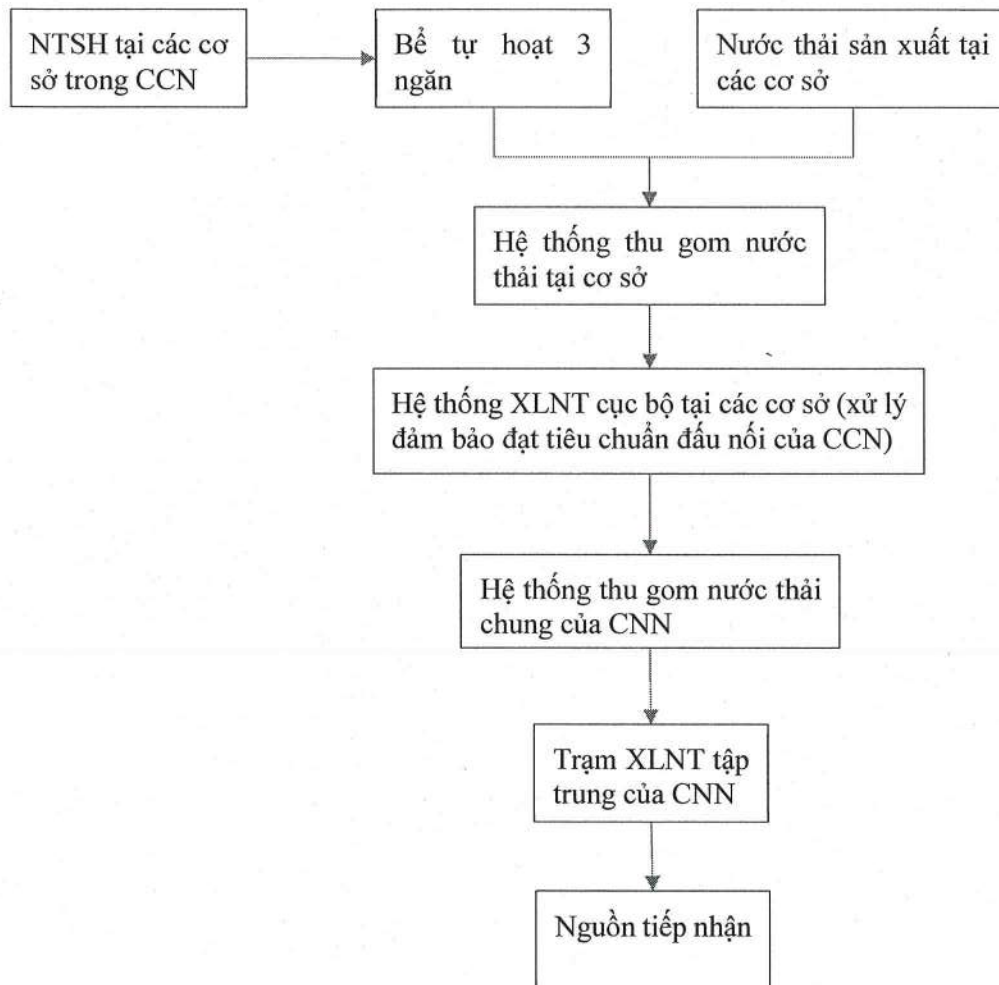
$$X_{NT} = 2297686.130 \text{ (m)};$$

$$Y_{NT} = 582140.295 \text{ (m)}.$$

- Chế độ xả thải: xả liên tục 24/24 giờ hoặc gián đoạn theo ca làm việc

- Lưu lượng xả thải lớn nhất: 300 m³/ngày đêm

- Chất lượng nước thải sau xử lý đảm bảo đạt QCTĐHN 02:2014/BTNMT (cột A, $K_f = 1,1$; $K_q = 0,9$).



Hình 3.2. Sơ đồ thu gom và thoát nước thải của CCN

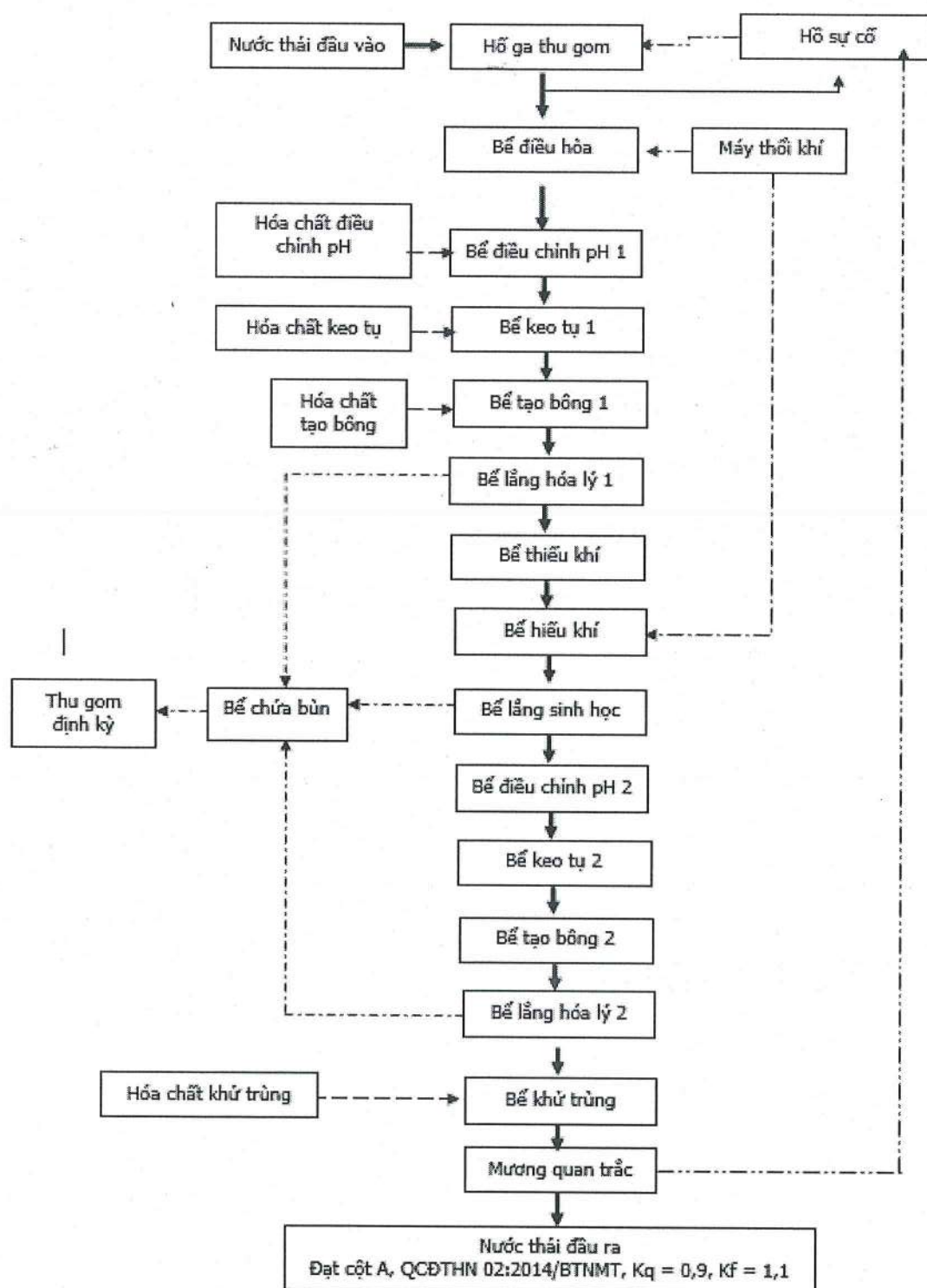
1.3. Công trình xử lý nước thải

Chủ dự án đã đầu tư xây dựng hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 300 m³/ngày đêm, công nghệ xử lý: hóa lý kết hợp sinh học.

Hệ thống xử lý nước thải được bố trí tại lô đất hạ tầng kỹ thuật (HT-01) tổng diện tích 799,7 m² (vị trí đặt hệ thống XLNT phù hợp và không có thay đổi so với quy hoạch được phê duyệt tại Quyết định số 07/QĐ-UBND ngày 11/01/2018 của UBND huyện Ứng Hòa và Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường số 1172/QĐ-UBND ngày 11/3/2021 của UBND thành phố Hà Nội). Trong đó, công trình hệ thống xử lý nước thải được nửa nổi nửa chìm, nhà điều hành được bố trí giáp hệ thống xử lý nước thải.

- Đơn vị tư vấn thiết kế: Công ty cổ phần tư vấn thiết kế đầu tư và xây dựng Hà Tây.
- Đơn vị tư vấn giám sát: Công ty TNHH HALECO.
- Đơn vị thi công: Công ty Cổ phần tư vấn và xây dựng môi trường TNT Việt Nam.

a. Sơ đồ công nghệ



Hình 3.3. Sơ đồ công nghệ hệ thống XLNTTT công suất 300 m³/ngày đêm

b. Thuyết minh quy trình

Bể thu gom:

Nước thải được gom theo hệ thống đường ống thu gom đưa về bể thu gom, bể thu gom có nhiệm vụ tiếp nhận nước thải từ các nhà máy trước khi vào hệ thống xử lý nước thải.

Tại bể gom có bố trí 01 rọ chắn rác và 02 bơm chìm nước thải và đi vào bể điều

hòa nước thải

Bể điều hòa:

Do bản chất và tính chất nước thải và hoạt động sản xuất của nhà máy, dòng nước thải không ổn định và điều này sẽ ảnh hưởng lớn đến các công đoạn xử lý sau. Khi lượng nước lớn hơn lưu lượng thiết kế trung bình đi vào hệ thống xử lý, nước thải sẽ không được xử lý triệt để và có thể nước đầu ra không đáp ứng được chất lượng nước thải theo tiêu chuẩn. Hơn nữa, điều này có thể dẫn đến sốc và quá tải hệ thống xử lý. Để ngăn chặn điều này, bể điều hòa sẽ giúp ổn định lưu lượng và nồng độ chất ô nhiễm trong nước thải, giúp tối ưu hóa năng lượng cũng như hóa chất sử dụng.

Bơm nước thải từ bể điều hòa sẽ bơm nước với lưu lượng ổn định sang cụm xử lý tiếp theo, lưu lượng này được điều chỉnh bởi đồng hồ đo lưu lượng.

Bể điều chỉnh pH:

- ❖ pH trong bể sẽ được tối ưu hóa cho quá trình keo tụ thông qua đầu dò pH tự động, đầu dò này sẽ xuất tín hiệu để điều khiển các bơm định lượng NaOH và H₂SO₄ nhằm duy trì pH trong khoảng 7 đến 7,5

Hóa chất sử dụng để điều chỉnh pH là NaOH và H₂SO₄. Khi đó, phản ứng trung hòa xảy ra: $H^+ + OH^- \rightarrow H_2O$

Cũng tại bể này, các ion kim loại sẽ tác động với ion OH⁻ để tạo thành hydroxit kim loại kết tủa: $Fe^{3+} + OH^- \rightarrow Fe(OH)_3 \downarrow$

Nước thải sau bể điều chỉnh pH chảy sang bể keo tụ.



Bể keo tụ:

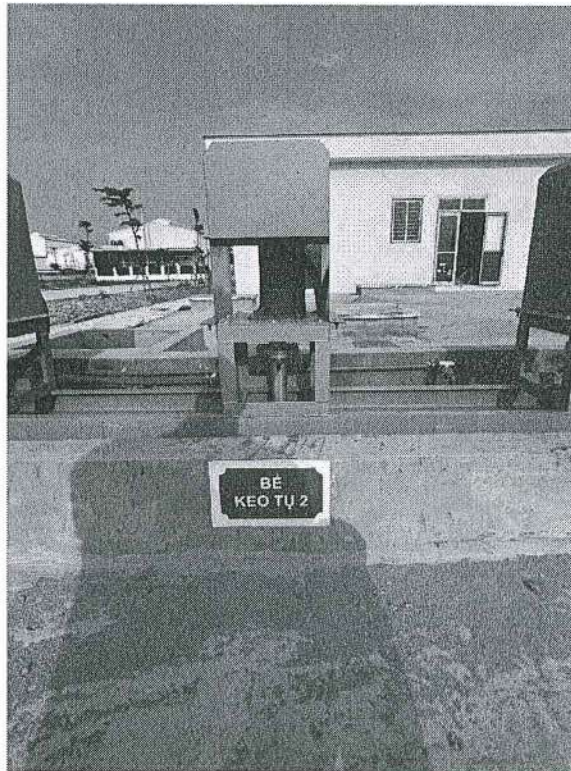
Hóa chất sử dụng là poly aluminum chloride (PAC).

Keo tụ là một quá trình được sử dụng để trung hòa các chất mang điện và tạo thành mạng gel để bắt (hoặc nổi) các hạt, dẫn đến tạo thành hạt đủ lớn để lắng hoặc được giữ lại trong thiết bị lọc.

Chất keo tụ là các hạt mang điện trái dấu với điện tích của chất rắn lơ lửng. Chất keo tụ được thêm vào nước để trung hòa các điện tích âm trong các chất rắn không lắng phân tán trong nước thải, ví dụ như đất sét hay các chất hữu cơ.

Trong nước thải, các hạt keo được tích điện âm và PAC được thêm vào để tạo ra ion mang điện dương (Al^{3+}). Một khi các hạt mang điện âm đã được trung hòa (do các hạt trái dấu hút nhau), lực van der Waals sẽ khiến các hạt bám lấy nhau để tạo thành các bông nhỏ.

Sau bể keo tụ, nước chảy đến bể tạo bông.

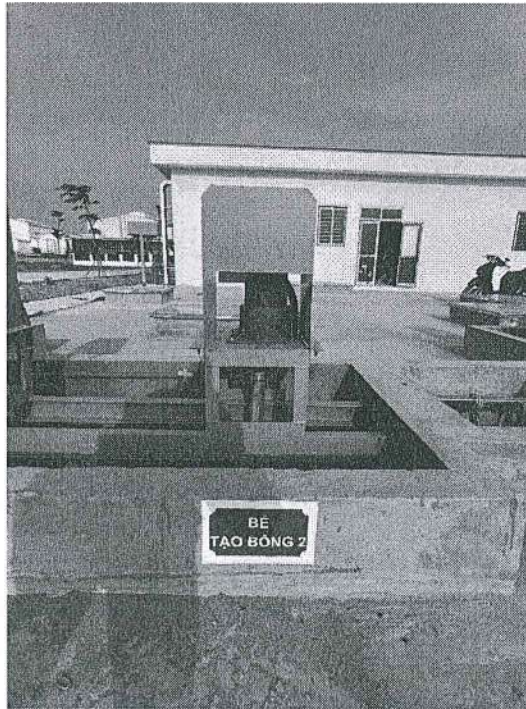


Bể tạo bông:

Quá trình tạo bông gắn với việc thêm các polymer để kết các hạt nhỏ, đã được trung hòa lại thành khối lớn hơn để chúng có thể được tách ra một cách dễ dàng khỏi nước. Tạo bông là một quá trình vật lý và không liên quan đến việc trung hòa điện tích. Keo tụ và tạo bông được sử dụng cùng nhau để làm sạch nước.

Cả quá trình được kiểm soát bởi bơm định lượng với nồng độ hóa chất được tính toán trước.

Sau quá trình xử lý hóa lý, các hạt có thể lắng được sẽ lắng trong bể lắng hóa lý.



Bể lắng hóa lý

Tạo điều kiện thuận lợi nhất để các hạt keo phân tán trong nước sau quá trình hòa trộn PAC đã mất ổn định có khả năng va chạm, kết dính với nhau để tạo thành các hạt cặn có kích thước lớn.

Quá trình keo tụ sẽ làm phát sinh và gia tăng liên tục lượng bùn. Do đó, bể lắng 1 (hay còn gọi là bể lắng hóa lý) được thiết kế để thu gom lượng bùn này.

Bể lắng bùn được thiết kế đặc biệt tạo môi trường tĩnh cho bông bùn lắng xuống đáy bể và được gom vào tâm nhờ hệ thống thu gom bùn lắp đặt dưới đáy bể. Bùn sau khi lắng được đưa về bể chứa bùn. Phần nước trong sau lắng được thu hồi lại bằng hệ thống máng thu nước tràn cửa được bố trí trên bề mặt bể và tiếp tục được dẫn sang hệ thống xử lý sinh học.

Bùn lắng sẽ được bơm định kỳ sang bể nén bùn để ổn định

Bể xử lý sinh học thiếu khí

Nước sau khi qua bể trung gian được đưa tới bể Thiếu khí tại bể này có nhiệm vụ khử các hợp chất hữu cơ chứa Nitơ và photpho trong nước thải.

Tại bể này có đặt hệ thống khuấy trộn chìm nhằm tạo dòng rối trong nước tăng khả năng hòa trộn, khuấy đảo dòng nước.

Trong bể xử lý diễn ra quá trình khử nitơ (denitrification) từ nitrat thành nitơ dạng khí N_2 đảm bảo nồng độ nitơ trong nước thải đầu ra đạt tiêu chuẩn môi trường. Quá trình sinh học khử nitơ liên quan tới quá trình ôxi hoá sinh học của nhiều cơ chất hữu cơ trong nước thải sử dụng Nitrat hoặc Nitrit như chất nhận điện tử thay vì dùng ôxi. Trong điều kiện thiếu ôxi diễn ra phản ứng khử nitơ:



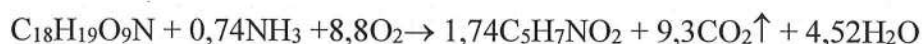
Quá trình chuyển hoá này được thực hiện bởi vi khuẩn nitrat chiếm khoảng 10 - 80% khối lượng vi khuẩn trong bùn hoạt tính. Tốc độ khử nitơ đặc biệt dao động 0,04 đến 0,42 gN-NO₃⁻/g MLSS.ngày, tỉ số F/M càng cao thì tốc độ khử Nitơ càng lớn.

Bể xử lý sinh học hiếu khí:

Bể hiếu khí có giá thể vi sinh làm tăng khả năng xử lý các chất ô nhiễm có trong nước thải. Quá trình này là quá trình vi khuẩn sinh trưởng hiếu khí, chuyển hóa các hợp chất hữu cơ tan trong nước thành bùn hoạt tính tồn tại ở dạng rắn.

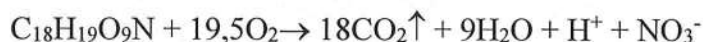
Quá trình xử lý này gồm 2 bước:

Vi sinh vật hiếu khí sử dụng oxy và các hợp chất hữu cơ tan trong nước để tổng hợp các tế bào vi sinh vật mới (sinh tổng hợp tế bào). Quá trình này được mô tả trong phương trình sau:



(Theo Mogens Henze, Poul Harremoës, Jes la Cour Jansen, Erik Arvin, Wastewater Treatment: Biological and Chemical Processes, trang 68)

Vi khuẩn sử dụng oxy để oxy hóa các hợp chất hữu cơ tan trong nước, chuyển hóa chúng thành khí (chủ yếu là CO₂) và các thành phần khác. Ngoài ra lượng oxy dư còn được dùng để chuyển hoá các hợp chất chứa nitơ (chủ yếu là NH₄⁺) thành NO₂⁻ và NO₃⁻. Quá trình được mô tả chi tiết bằng phương trình sau:



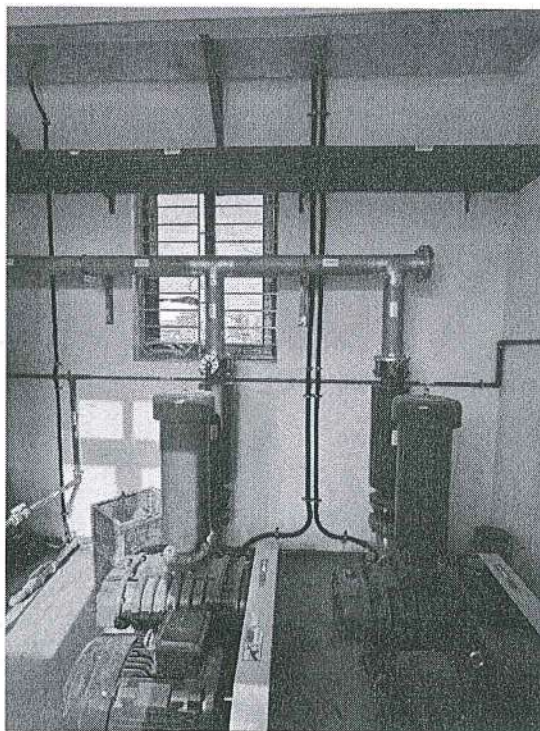
(Theo Mogens Henze, Poul Harremoës, Jes la Cour Jansen, Erik Arvin, Wastewater Treatment: Biological and Chemical Processes, trang 66)

Quá trình xử lý này chủ yếu sử dụng các chủng vi sinh vật như: chủng VSV Nitrosomonas, Nitrobacter.

Do yêu cầu công nghệ, nồng độ oxy hòa tan trong bể hiếu khí phải luôn được giữ ổn định để cung cấp cho quá trình sinh tổng hợp các tế bào vi sinh, để chuyển hóa tối đa tải lượng các chất ô nhiễm thành tế bào vi sinh vật.

Không khí cấp cho bể hiếu khí sẽ được cấp bởi máy thổi khí.

Nước thải từ 2 bể hiếu khí sẽ đổ chung vào bể tuần hoàn. Nước thải từ bể này sẽ tiếp tục chảy vào bể lắng để phân tách bùn – nước thải. Một phần nước thải sẽ được tuần hoàn lại bể thiếu khí.



Bể lắng sinh học

Hỗn hợp bùn hoạt tính và nước từ Bể Aeroten sẽ được dẫn tự chảy đến Bể lắng vi sinh. Nước thải được dẫn vào bể qua ống phân phối trung tâm. Bùn sinh học có tỷ trọng lớn sẽ lắng xuống đáy bể, trong khi nước trong sẽ chảy theo hướng ly tâm và được thu qua máng tràn xây dựng xung quanh thành bể.

Bùn lắng xuống đáy được thu bùn về rón thu bùn trung tâm bể sau đó được bơm bùn bơm hồi lưu trở lại Bể Anoxic và bùn dư được đưa vào Bể phân hủy bùn.

Bể khử trùng

Nước thải sau khi qua bể lọc được cấp một lượng hóa chất khử trùng phù hợp (hóa chất sử dụng là dung dịch Javen (NaOCl) nồng độ 8%). Khi đó các chất oxy hóa sẽ tiêu diệt các loại vi khuẩn, virus có trong nước thải. Hóa chất khử trùng được bơm tự động vào hệ thống bằng bơm định lượng.

Nước thải sau khi được khử trùng đảm bảo yêu cầu chất lượng cột A, QCTĐHN 02:2014/BTNMT ($K_q=0,9$; $K_f=1,1$) – Quy chuẩn kỹ thuật về nước thải công nghiệp trên địa bàn thủ đô Hà Nội.

Mương quan trắc

Nước thải từ bể khử trùng tự chảy về kênh quan trắc. Tại đây, nước thải được đo các thông số đầu ra theo quy định và truyền tín hiệu kết nối về Sở TNMT theo quy định. Các chỉ tiêu quan trắc bao gồm: Lưu lượng nước thải đầu vào và đầu ra, COD, pH, TSS, nhiệt độ, Amoni.

Quy chuẩn so sánh : QCTĐHN 02:2014/BTNMT Cột A– Quy chuẩn kỹ thuật về nước thải công nghiệp trên địa bàn thủ đô Hà Nội.



Hồ điều hòa

Nước sau khi qua mương quan trắc online được dẫn vào hồ điều hòa với diện tích khoảng 142 m². Tại đây, nước thải sau khi xử lý sẽ lưu tại hồ điều hòa để ổn định chất lượng nước đầu ra trước khi xả ra nguồn tiếp nhận là kênh Mả Găng - Voi Con.

❖ Hồ điều hòa được thiết kế với chiều sâu 4,65 m bờ hồ cao hơn mặt đất 0,15m; gia cố đáy và chống thấm.

Xử lý bùn:

Bể chứa bùn

Bùn dư của cả 2 quá trình xử lý sinh học và hóa lý sẽ được gom lại bể chứa bùn. Bể chứa bùn có tác dụng giảm thể tích bùn từ bể lắng hóa lý và bể lắng sinh học. Dưới tác động của trọng lực, bùn sẽ lắng xuống đáy bể, tăng nồng độ bùn, phần nước trong phía trên sẽ chảy tràn về bể điều hòa.

Đối với bùn sinh học sau khi ép được lấy mẫu phân tích, nếu thành phần vượt ngưỡng nguy hại theo QCVN 50:2013/BTNMT thì sẽ tiến hành xử lý như CTNH, nếu không vượt thì bùn thải thuộc danh mục chất thải thông thường, chủ dự án thực hiện quản lý bùn thải sinh học theo quy định về quản lý chất thải. Chủ dự án ký hợp đồng với đơn vị xử lý có chức năng theo quy định.

+ Nước thải sau khi qua TXLNT của CCN đạt QCTĐHN 02:2014/BTNMT cột A với $k_q=0,9$ và $k_f=1,1$ - Quy chuẩn kỹ thuật về nước thải công nghiệp trên địa bàn Thủ đô Hà Nội (Căn cứ xác định hệ số k : Theo mục 2.3.3. QCTĐHN 02:2014/BTNMT khi không có số liệu về lưu lượng dòng chảy của mương tiếp nhận thì lấy $K_q=0,9$; theo Bảng 4 Hệ số lưu lượng lưu lượng K_f mà $50 < F < 500 \text{ m}^3/24\text{h}$ thì $K_f=1,1$). Nguồn tiếp nhận nước thải sau khi qua TXLNT là ao trũng tự nhiên sau đó thoát ra tuyến kênh Mả Găng - Voi Con.

* *Tính toán khối lượng bùn thải từ hệ thống XLNT*

✚ *Bùn thải từ công đoạn xử lý hóa lý:*

Lượng bùn sinh ra mỗi ngày của hệ thống XLNT tập trung được tính theo công thức như sau:

$$G = e \times C_{ss} \times 10^{-6} \times Q_{T\text{ngày}} \times 1000$$

Với:

- e : hiệu suất xử lý của bể đối với chất rắn lơ lửng, $e = 40 - 70\%$.
- Chọn $e = 50\%$
- C_{ss} : hàm lượng SS đầu vào bể, $C_{ss} = 150 \text{ mg/l}$ (theo tiêu chuẩn tiếp nhận đầu vào của hệ thống)

Tổng lượng bùn thải từ quá trình xử lý hóa lý là:

$G = 50\% \times 150 \times 10^{-6} \times 300 \times 1000 = 24 \text{ kg/ngày}$, tương đương 5.595 kg/tháng hay 7.070 kg/năm .

✚ Bùn thải từ công đoạn xử lý sinh học

Từ sơ đồ công nghệ xử lý nước thải, ta có:

Khối lượng bùn thải = Khối lượng bùn phát sinh – Khối lượng bùn tuần hoàn

Trong giai đoạn vận hành, hoạt động của hệ thống XLNT tập trung của CCN sẽ phát sinh một lượng khá lớn bùn. Lượng bùn phát sinh từ hoạt động của hệ thống XLNT tập trung của CCN được tính toán theo công thức sau:

$$M = M_1 + M_2 + M_3$$

Trong đó:

M_1 : Lượng bùn phát sinh từ cặn SS (kg/ngày). Công thức tính toán:

$$M_1 = \frac{70\% \times S_0 \times Q}{1000}$$

Trong đó:

+ S_0 : Thông số SS trong tiêu chuẩn nước thải đầu vào hệ thống XLNT sau khi đi qua hệ thống xử lý hóa lý đã giảm nồng độ 50% (mg/l) ($S_0 = 150 \times 50\% = 75 \text{ mg/l}$)

+ Q : Lưu lượng nước thải ($\text{m}^3/\text{ngày đêm}$) ($Q = 300 \text{ m}^3/\text{ngày}$).

M_2 : Lượng bùn phát sinh từ việc sử dụng hóa chất keo tụ (kg/ngày). Công thức tính toán:

$$M_2 = 0,6 \times m$$

+ m : lượng hóa chất keo tụ (PAC) sử dụng (kg/ngày) ($m = 10 \text{ kg/ngày}$)

M_3 : lượng phát sinh từ quá trình xử lý sinh học (kg/ngày). Công thức tính toán:

$$M_3 = \frac{Y \times (BOD_{in} - BOD_{out}) \times Q}{1000}$$

Trong đó:

+ Y : Hệ số tạo cặn từ BOD. Chọn $Y = 0,4$.

+ BOD_{in} , BOD_{out} : Thông số BOD đầu vào và đầu ra của hệ thống XLNT (mg/l) ($BOD_{in} = 200 \text{ mg/l}$; $BOD_{out} = 29,7 \text{ mg/l}$)

+ Q : lưu lượng nước thải ($\text{m}^3/\text{ngày đêm}$).

Căn cứ theo công suất thiết kế, chất lượng nước thải đầu vào, chất lượng nước thải đầu ra và lượng hóa chất sử dụng của hệ thống XLNT tập trung CCN đã được trình bày trong chương 1 của báo cáo, lượng bùn thải phát sinh từ quá trình XLNT tại hệ thống khi hoạt động 100% công suất được ước tính cụ thể như sau:

$$M_1 = (70\% \times S_0 \times Q)/1000 = (0,7 \times 150 \times 300)/1000 = 31,5 \text{ kg/ngày}$$

$$M_2 = 0,6 \times m = 0,6 \times 10 = 6 \text{ kg/ngày}$$

$$M_3 = (Y \times (BOD_{in} - BOD_{out}) \times Q)/1000 = (0,4 \times (200 - 29,7) \times 300)/1000 = 20,4 \text{ kg/ngày.}$$

Tổng khối lượng bùn phát sinh trong quá trình XLNT:

$$M = M_1 + M_2 + M_3 = 31,5 + 6 + 20,4 = 57,9 \text{ (kg/ngày)}$$

Theo thuyết minh công nghệ hệ thống xử lý nước thải của dự án, tại bể chứa bùn sẽ được tuần hoàn khoảng 80% lượng bùn về bể thiếu khí, khối lượng bùn tuần hoàn là:

$$57,9 \times 80\% = 46,32 \text{ kg/ngày}$$

Khối lượng bùn thải từ xử lý sinh học là:

$$57,9 - 46,32 = 11,58 \text{ kg/ngày, tương đương với 3,61 tấn/năm.}$$

** Hồ sự cố*

Chủ đầu tư đã xây dựng hồ điều hòa có thể tích 2.000 m³, trong đó có ngăn sự cố có thể tích 1.000 m³ cho hệ thống xử lý công suất 300 m³/ngđ, đảm bảo nước thải không rò rỉ ra ngoài môi trường, hồ có khả năng quay vòng nước thải, dung tích hồ đảm bảo lưu chứa nước thải trong trường hợp khi hệ thống xử lý nước thải gặp sự cố, tối đa 3,3 ngày đảm bảo không xả nước thải ra môi trường, quay vòng xử lý lại nước thải, đảm bảo không xả nước thải vượt quy chuẩn cho phép ra ngoài môi trường.

Bảng 3.2. Thông số kỹ thuật của hệ thống XLNT tập trung công suất 300m³/ngđ

TT	HẠNG MỤC	Ký hiệu	Dài	Rộng	H_cn	H_bv	H_tt	V_cn	V_tt
			m	m	m	m	m	(m3)	(m3)
1	Bể gom	TK101	3,5	1,5	2,89	2,11	5	15,17	26,25
2	Bể điều hòa	TK102	4,5	4,5	4,5	0,5	5	91,13	101,25
3	Bể điều chỉnh pH 1	TK103	1,1	0,9	4,5	0,5	5	4,46	4,95
4	Bể keo tụ 1	TK104	1,1	0,9	4,5	0,5	5	4,46	4,95
5	Bể tạo bông 1	TK105	1,1	0,9	4,5	0,5	5	4,46	4,95
6	Bể lắng hóa lý 1	TK106	3,2	3,2	4,5	0,5	5	46,08	51,2
7	Bể sinh học thiếu khí	TK201	5,5	3,2	4,5	0,5	5	79,20	88
8	Bể sinh học hiếu khí	TK202	5,5	4,5	4,5	0,5	5	111,4	123,8
9	Bể lắng sinh học	TK203	4,5	4,5	4,4	0,6	5	89,10	101,25
10	Bể điều chỉnh pH 2	TK204	1,1	0,9	4,3	0,7	5	4,26	4,95
11	Bể keo tụ 2	TK205	1,1	0,9	4,3	0,7	5	4,26	4,95
12	Bể tạo bông 2	TK206	1,1	0,9	4,3	0,7	5	4,26	4,95
13	Bể lắng hóa lý 2	TK207	3,2	3,2	4,3	0,7	5	44,03	51,2
14	Bể khử trùng	TK208	2,3	1,7	4,25	0,75	5	16,62	19,55
15	Bể chứa bùn	TK209	6	2,3	4,6	0,4	5	63,48	69

Danh mục các thiết bị phụ trợ của hệ thống xử lý nước thải:

Bảng 3.3. Danh mục các thiết bị phụ trợ hệ thống XLNT công suất 300 m³/ngđ

STT	CÔNG VIỆC	YÊU CẦU KỸ THUẬT	XX	SL G	ĐV
A	HẠNG MỤC: THIẾT BỊ CÔNG NGHỆ XỬ LÝ				

STT	CÔNG VIỆC	YÊU CẦU KỸ THUẬT	XX	SL G	ĐV
I	Bể thu gom				
1	Rọ tách rác		ETM	1	Bộ
		Kích thước: 400x400x500mm, lỗ lưới 5-10mm			
		Vật liệu: inox 304			
		Giá đỡ, xích kéo: inox 304			
2	Bơm chìm nước thải		Đài Loan	2	Cái
		Kiểu: bơm chìm			
		$Q_m=26 \text{ m}^3/\text{giờ}$, $H=10\text{mH}_2\text{O}$			
		Công suất: 1,5kw/380V/50Hz			
		Bao gồm: Auto coupling, thanh dẫn hướng, xích kéo inox 304	Việt Nam		
3	Phao báo mức nước		Italy	1	Cái
II	Bể điều hòa				
1	Bơm chìm nước thải		Đài Loan	2	Cái
		Kiểu: bơm chìm			
		$Q_m=15\text{m}^3/\text{giờ}$, $H=8\text{mH}_2\text{O}$			
		Công suất: 0.75kw/380V/50Hz			
		Bao gồm: Auto coupling, thanh dẫn hướng, xích kéo inox 304	Việt Nam		
2	Phao báo mức nước		Italy	1	Cái
3	Hệ thống phân phối khí thô		Việt Nam	1	Bộ
		Loại: uPVC đục lỗ			
III	Bể điều chỉnh pH 1				
1	Động cơ khuấy bể điều chỉnh pH		Đài Loan	1	Bộ
		Công suất động cơ: 0.75kW			
		Tốc độ vòng quay: 60-80 RPM			
		Điện áp: 3 pha/380V/50Hz			

STT	CÔNG VIỆC	YÊU CẦU KỸ THUẬT	XX	SL G	ĐV
		Phụ kiện: trục, cánh khuấy inox 304, mái che động cơ			
2	Thiết bị đo pH online		ASIA	1	Bộ
		Bao gồm điện cực (sensor) và màn hình hiển thị			
		Thang đo: 0-14			
		Loại kiểm tra 2 điểm (2 relays)			
IV	Bể keo tụ 1				
1	Động cơ khuấy bể keo tụ		Đài Loan	1	Bộ
		Công suất động cơ: 0.75kW			
		Tốc độ vòng quay: 60-80 RPM			
		Điện áp: 3 pha/380V/50Hz			
		Phụ kiện: trục, cánh khuấy inox 304, mái che động cơ			
V	Bể tạo bông 1				
1	Động cơ khuấy bể tạo bông		Đài Loan	1	Bộ
		Công suất động cơ: 0.75kW			
		Tốc độ vòng quay: 30-50 RPM			
		Điện áp: 3 pha/380V/50Hz			
		Phụ kiện: trục, cánh khuấy inox 304, mái che động cơ			
VI	Bể lắng hóa lý 1				
1	Bơm chìm hút bùn		Đài Loan	2	Cái
		Kiểu: bơm chìm			
		$Q_m=5-8m^3/giờ$, $H=8mH_2O$			
		Công suất: 0.37kw/380V/50Hz			
		Bao gồm: Auto coupling, thanh			

STT	CÔNG VIỆC	YÊU CẦU KỸ THUẬT	XX	SL G	ĐV
		dẫn hướng, xích kéo inox 304			
2	Máng răng cưa và tấm chắn bùn		ETM	1	Bộ
		Kích thước: chế tạo theo thiết kế			
		Vật liệu: inox 304 dày 2mm			
3	Ống phân phối nước trung tâm		ETM	1	Bộ
		Kích thước: chế tạo theo thiết kế			
		Vật liệu: inox 304 dày 1.5mm			
VI	Bể thiếu khí				
1	Máy khuấy chìm		Đài Loan	2	Cái
		Máy khuấy chìm			
		Công suất: 0,75kW/380V/50 Hz			
		Bao gồm: Thanh dẫn hướng, xích kéo SUS304 Việt Nam			
VII	Bể hiếu khí				
1	Đĩa khuấy tán khí tinh và phụ kiện		EU/G7	54	Cái
		Đường kính đĩa: 268 mm			
		Lưu lượng hoạt động: 2-6m ³ /giờ			
2	Máy thổi khí		Đài Loan	2	Cái
		Kiểu thổi khí dạng: Root			
		Q= 7.52m ³ / phút, H=5mH ₂ O			
		Công suất: 11kw, 380V/50Hz			
		Bao gồm: van 1 chiều: ống giảm thanh, đồng hồ đo áp			
3	Bơm tuần hoàn nước thải		Đài Loan	2	Cái
		Kiểu: bơm chìm			
		Q _m =15m ³ /giờ, H=8mH ₂ O			

STT	CÔNG VIỆC	YÊU CẦU KỸ THUẬT	XX	SL G	ĐV
		Công suất: 0.75kw/380V/50Hz			
		Bao gồm: Auto coupling, thanh dẫn hướng, xích kéo inox 304			
4	Thiết bị đo pH online		ASIA	1	Bộ
		Bao gồm điện cực (sensor) và màn hình hiển thị			
		Thang đo: 0-14			
		Loại kiểm tra 2 điểm (2 relays)			
5	Thiết bị đo DO		ASIA	1	Bộ
		Dải đo: 0-20ppm			
		Độ chính xác: 0.01ppm			
VIII	Bể lắng sinh học				
1	Ống phân phối trung tâm		ETM	1	Bộ
		Vật liệu: SUS304			
		Kích thước: Chế tạo theo thiết kế			
2	Máng răng cưa và tấm chắn bọt		ETM	1	Bộ
		Vật liệu: SUS304			
		Kích thước: Chế tạo theo thiết kế			
		Thi công theo thiết kế			
3	Bơm hồi lưu bùn		Đài Loan	2	Cái
		Kiểu: bơm chìm			
		$Q_m=15m^3/giờ$, $H=8mH_2O$			
		Công suất: 0.75kw/380V/50Hz			
		Bao gồm: Auto coupling, thanh dẫn hướng, xích kéo inox 304	Việt Nam		
IX	Bể điều chỉnh pH 2				
1	Động cơ khuấy bể điều chỉnh pH		Đài Loan	1	Bộ
		Công suất động cơ: 0.75kW			
		Tốc độ vòng quay: 60-80 RPM			

STT	CÔNG VIỆC	YÊU CẦU KỸ THUẬT	XX	SL G	ĐV
		Điện áp: 3 pha/380V/50Hz			
		Phụ kiện: trục, cánh khuấy inox 304, mái che động cơ			
2	Thiết bị đo pH online		ASIA	1	Bộ
		Bao gồm điện cực (sensor) và màn hình hiển thị			
		Thang đo: 0-14			
		Loại kiểm tra 2 điểm (2 relays)			
X	Bể keo tụ 2				
1	Động cơ khuấy bể keo tụ		Đài Loan	1	Bộ
		Công suất động cơ: 0.75kW			
		Tốc độ vòng quay: 60-80 RPM			
		Điện áp: 3 pha/380V/50Hz			
		Phụ kiện: trục, cánh khuấy inox 304, mái che động cơ			
XI	Bể tạo bông 2				
1	Động cơ khuấy bể tạo bông		Đài Loan	1	Bộ
		Công suất động cơ: 0.75kW			
		Tốc độ vòng quay: 30-50 RPM			
		Điện áp: 3 pha/380V/50Hz			
		Phụ kiện: trục, cánh khuấy inox 304, mái che động cơ			
XII	Bể lắng hóa lý 2				
1	Bơm chìm hút bùn		Đài Loan	2	Cái
		Kiểu: bơm chìm			
		$Q_m=5-8m^3/giờ$, $H=8mH_2O$			
		Công suất: 0.37kw/380V/50Hz			

STT	CÔNG VIỆC	YÊU CẦU KỸ THUẬT	XX	SL G	ĐV
		Bao gồm: Auto coupling, thanh dẫn hướng, xích kéo inox 304			
2	Máng răng cưa và tấm chắn bùn		ETM	1	Bộ
		Kích thước: chế tạo theo thiết kế			
		Vật liệu: inox 304			
3	Ổng phân phối nước trung tâm		ETM	1	Bộ
		Kích thước: chế tạo theo thiết kế			
		Vật liệu: inox 304			
XIII	Bể khử trùng				
XIV	Bể chứa bùn				
XV	Hồ sục cố				
1	Bơm chìm nước thải		Đài Loan	2	Cái
		Kiểu: bơm chìm			
		$Q_m=15m^3/giờ$, $H=8mH_2O$			
		Công suất: $0.75kw/380V/50Hz$			
		Bao gồm: Auto coupling, thanh dẫn hướng, xích kéo inox 304			
2	Phao báo mức nước		Italy	1	Cái
3	Trụ Pa lăng nâng bơm	Bao gồm trụ, pa lăng Vật liệu thép sơn epoxy Xích kéo inox sus304 Gia công chế tạo cơ khí	Việt Nam	1	Cái
XVI	Phòng hóa chất				
1	Động cơ khuấy bồn NaOH, H ₂ SO ₄ , PAC, polimer, Dinh dưỡng, Javen		Đài Loan	6	Bộ
		Công suất: $0.4kW$, 3pha, $380V/50Hz$			
		Tốc độ vòng quay: 60-80 vòng/phút			

STT	CÔNG VIỆC	YÊU CẦU KỸ THUẬT	XX	SL G	ĐV
		Phụ kiện: Trục cánh khuấy inox 304			
2	Bồn chứa dung dịch NaOH, H ₂ SO ₄ , PAC, polimer, Dinh dưỡng, Javen		Việt Nam	6	Cái
		Vật liệu: Nhựa PE			
		Thể tích: 1000L			
3	Bơm định lượng NaOH, H ₂ SO ₄ , PAC, polimer, Dinh dưỡng, Javen		Ý	14	Cái
		Lưu lượng: 75 lít/h			
		Điện áp: 0,25kW/380V/50 Hz			
		Áp suất: 10Bar			
XVI I	Tháp xử lý mùi				
1	Quạt hút mùi		Việt Nam	1	Cái
		Q=1500-2000m ³ /h			
		Cột áp: 500-1000 Pa, Công suất 1.1kW/380V/50Hz Vật liệu: SS400			
2	Tháp xử lý mùi		ETM	1	Bộ
		Vật liệu: SUS304, dày 2mm			
		Kích thước: DxH = 1000x 2400			
		Bao gồm vật liệu than hoạt tính			
3	Bơm tuần hoàn dung dịch khử mùi		Italia	1	Cái
		Lưu lượng: 3-15m ³ /h			
		Cột áp: 10-20m			
		Điện năng: 0.75kW/380V/3ph /50Hz			
XVI II	Thiết bị khác				
1	Hệ thống giá đỡ		ETM	1	Bộ
		Kích thước: chế tạo theo thiết kế			
		Vật liệu: inox 304/ SS400 tùy từng vị trí			

STT	CÔNG VIỆC	YÊU CẦU KỸ THUẬT	XX	SL G	ĐV
XIX	Hệ thống điện động lực điều khiển				
1	Tủ điện động lực điều khiển		ASIA	1	Bộ
		Vỏ tủ điện thép sơn tĩnh điện (kiểu trong nhà)			
		Bộ điều khiển PLC			
		Thiết bị đóng ngắt trong tủ Mitsubishi/LS			
		Hệ thống điều khiển giám sát Scada- ASIA			
		Máy tính điều khiển + WINCC + Bàn ghế			
		Bao gồm biến tần cho máy thổi khí			
		Dây dẫn điều khiển Cadisun/Trần phú/Cadivi			
2	Dây điện động lực tại trạm xử lý		Việt Nam	1	Bộ
		Dây dẫn động lực Cadisun/Trần phú/Cadivi			
		Dây dẫn điện bọc XLPE/PVC			
		Máng cáp điện, ống luồn gen và phụ kiện kết nối			
3	Hệ thống máng cáp điện		Việt Nam	1	Bộ
		Máng cáp điện, ống luồn gen và phụ kiện kết nối			
XX	Hệ thống đường ống công nghệ và hệ thống van điều khiển				
1	Đường ống nước, bùn, hóa chất, mùi		Việt Nam	1	Hệ
		Sử dụng ống uPVC cho toàn bộ đường ống công nghệ (Không bao gồm đường ống thu gom nước thải về trạm xử lý và đường ống từ trạm			

STT	CÔNG VIỆC	YÊU CẦU KỸ THUẬT	XX	SL G	ĐV
		xử lý đến điểm xả thải)			
2	Đường ống khí		Việt Nam	1	Hệ
		Sử dụng đường SUS304 trên mặt bể, dưới bể dùng ống uPVC			
3	Hệ thống van, phụ kiện đường ống		Việt Nam	1	Hệ
		Sử dụng van vật liệu: Gang/SUS304/uPVC			
XXI	Lắp đặt hệ thống, vận hành hệ thống và chi phí khác				
1	Chi phí vận chuyển		ETM	1	Gói
		Vận chuyển toàn bộ vật tư, thiết bị tới công trình Cầu vào vị trí			
2	Lắp đặt hệ thống công nghệ		ETM	1	Bộ
		Lắp đặt toàn bộ thiết bị công nghệ theo hồ sơ			
		Kết nối đường ống công nghệ, dây dẫn điện			
		Dọn dẹp vệ sinh công trình sau thi công			
3	Chi phí bùn/men vi sinh khởi động hệ thống		ETM	1	Bộ
4	Chi phí hướng dẫn vận hành, chuyển giao công nghệ		ETM	1	Bộ
		Kỹ thuật vận hành, nuôi cấy vi sinh			
		Tài liệu hướng dẫn vận hành kèm theo			
5	Chi phí hóa chất: Xút, H ₂ SO ₄ , PAC, Polimer, dinh dưỡng, Javen		Việt Nam	1	Gói
		Chi phí hóa chất vận hành, nuôi cấy vi sinh (trong 01 tháng)			
6	Chi phí phân tích mẫu sau xử lý		Việt Nam	1	Mẫu

STT	CÔNG VIỆC	YÊU CẦU KỸ THUẬT	XX	SL G	ĐV
		Thông số phân tích theo QCTĐHN 02:2014/BTNMT			
XXI I	Hệ thống quan trắc môi trường				
1	Hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục	Lắp đặt hệ thống đo các chỉ tiêu pH, COD, NH ₄ , TSS, lưu lượng đầu vào- đầu ra, nhiệt độ	ASIA	1	Gói
		Gồm thiết bị quan trắc tự động, liên tục và thiết bị lấy mẫu tự động, có camera theo dõi, truyền số liệu trực tiếp cho Sở TNMT Hà Nội			
2	Chi phí lắp đặt internet ban đầu (IP tính tối thiểu 30 Mbs)		VN	1	Gói

Ghi chú:

Hiện tại Công ty Cổ phần Hà Thành - BQP đã lắp đặt trạm quan trắc nước thải tự động liên tục và đang tiến hành các thủ tục xin tiếp nhận dữ liệu quan trắc môi trường từ trạm quan trắc nước thải tự động. Bao gồm 06 thông số quan trắc tự động: Lưu lượng đầu vào (Flow in 1), Lưu lượng đầu ra (Flow out 1), pH, nhiệt độ, nhu cầu oxi hóa học (COD), tổng chất rắn lơ lửng (TSS), Amoni (NH₄⁺).

c. Quy trình vận hành của hệ thống xử lý nước thải tập trung

Tủ điện của hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt được vận hành theo hai chế độ tự động và bằng tay. Ở chế độ bằng tay thì hệ thống sẽ được chạy theo sự điều khiển của người vận hành. Ở chế độ tự động thì hệ thống sẽ chạy theo sự điều khiển của phao mức, rơ le thời gian,.....

Bước 1: Kiểm tra các thiết bị trước khi vận hành

+ Kiểm tra nguồn cấp: Đảm bảo đèn báo 3 pha (đỏ, vàng, xanh) trên mặt tủ điện đều sáng để chắc chắn có nguồn cấp vào tủ điện.

+ Kiểm tra sự hoạt động của các thiết bị điện như bơm, máy thổi khí, bơm định lượng, máy khuấy, quạt hút...v.v

+ Kiểm tra và bổ sung thêm hóa chất nếu thấy nước trong bồn hóa chất bị cạn.

Bước 2 : Bật Aptomat tổng của tủ điện.

Bước 3 : Kiểm tra nút **Emergency** (nút dừng khẩn cấp) xem đóng hay mở, nếu mở thì phải đóng vào, xoay theo chiều kim đồng hồ

Bước 4 : Bật **Aptomat** của các thiết bị trong tủ điện.

Bước 5 : Bật nút chuyển mạch các thiết bị từ chế độ “**Off**” sang chế độ tự động “**Auto**”

Chú ý:

+ Khi bật công tắc bơm sang “Auto” thì tiến hành kiểm tra chiều quay của động cơ bơm cạn và lên nước đối với bơm chìm – nếu trong khoảng 5s không thấy lên nước thì chuyển công tắc về “Off” và thông báo lại cho kỹ thuật phụ trách. Nếu bơm vận hành bình thường thì kiểm tra lưu lượng bơm đồng thời điều chỉnh van hồi lưu (nếu có) trước khi chuyển sang bật bơm tiếp theo.

+ Trước khi bật bơm định lượng cần phải kiểm tra bồn hóa chất còn nước hay không (kiểm tra thường xuyên, ngày 2 lần vào sáng và chiều). Nếu kiểm tra hết hoặc gần cạn thì tiến hành pha bổ sung hóa chất.

Hệ thống sẽ hoạt động tự động theo chế độ đã được cài đặt sẵn. Chế độ bằng tay chỉ sử dụng khi có sự cố hoặc chạy hệ thống theo sự điều khiển của người vận hành (hạn chế đến mức tối đa chế độ bằng tay nhằm đảm bảo độ bền và ổn định của hệ thống).

Lưu ý:

Người tham gia vận hành hệ thống phải:

- Đào tạo an toàn lao động theo quy định hiện hành.
- Thực hiện nghiêm chỉnh những quy định an toàn về việc sử dụng hóa chất, an toàn lao động.
- Mặc trang phục bảo hộ lao động trong quá trình vận hành.
- Khi kiểm tra động cơ, bơm phải chú ý: đầu tóc, quần áo gọn gàng.
- Tuyệt đối không bấm, tắt nút khởi động máy khi tay ướt nước.
- Thường xuyên kiểm tra hệ thống để đảm bảo các thiết bị đang hoạt động bình thường.
- Khi phát hiện hệ thống có sự cố xảy ra phải dừng ngay hệ thống, tắt aptomat và thực hiện kiểm tra từng phần từ điện đến phần cơ khí của hệ thống, sau đó mới đưa ra biện pháp sửa chữa, khắc phục.
- Sau khi sửa chữa, khắc phục xong cần kiểm tra lại một lần nước trước khi khởi động lại hệ thống.

Các bình cứu hỏa, phương tiện phòng chống cháy nổ phải kiểm tra thường xuyên,

để đúng nơi quy định, dễ thấy, dễ lấy khi cần.

d. Định mức sử dụng hoá chất, điện năng tiêu thụ của hệ thống XLNT

Bảng 3.4. Hóa chất sử dụng cho quá trình vận hành hệ thống XLNT tập trung

STT	Hóa chất sử dụng	Đơn vị	Lượng sử dụng (kg)/m ³	Lượng hóa chất 1 ngày (kg)	Đơn giá (vnd/kg)	Thành tiền (vnd)
1	Hóa chất cụm phản ứng 1					
1.1	Phèn PAC	kg	0,025	7,5	9.500	71.250
1.2	Polymer A	kg	0,0005	0,15	55.000	8.250
1.3	NaOH	kg	0,01	3	20.000	60.000
2	Hóa chất bổ sung bể sinh học					-
2.1	NaOH	kg	0,01	3	20.000	60.000
2.2	Mật rỉ	kg	0,1	30	12.000	360.000
3	Hóa chất cụm phản ứng 2					-
1.1	Phèn PAC	kg	0,025	7,5	9.500	71.250
1.2	Polymer A	kg	0,0005	0,15	55.000	8.250
1.3	NaOH	kg	0,01	3	20.000	60.000
4	Hóa chất khử trùng					-
3.1	Javel	kg	0,0375	11,25	10.000	112.500
	Chi phí hóa chất trong ngày					811.500

Chi phí điện năng tiêu thụ cho nhà máy xử lý nước thải được tính theo công suất thực tế sử dụng và giá điện theo Quyết định 648/ QĐ - BTC ngày 20-03-2019 của Bộ Công Thương quy định về giá bán điện cho sản xuất với cấp điện áp từ 6KV đến dưới 22KV.

Bảng 3.5. Định mức tiêu hao điện năng của hệ thống XLNT

TT	Mô tả thiết bị	Tổng số thiết bị	Số thiết bị hoạt động	Số giờ hoạt động (giờ/ngày)	Công suất (KW)		Số giờ hoạt động (giờ/ngày)	Tổng điện tiêu thụ 1 ngày (Kw)
					Công suất động cơ	Công suất tiêu thụ		
1	Bơm hồ gom	2	1	3 phase	1,5	1,5	12	18
	Hệ nước thải sản xuất							0
1	Bơm điều hòa	2	1	3 phase	0,75	0,75	12	9
	Bể điều chỉnh pH 1							0
1	Động cơ khuấy bể điều chỉnh pH 1	1	1	3 phase	0,75	0,75	24	18
	Bể keo tụ 1							0
1	Động cơ khuấy keo tụ 1	1	1	3 phase	0,75	0,75		0
	Bể tạo bông 1						24	0
1	Động cơ khuấy bể tạo bông 1	1	1	3 phase	0,75	0,75		0
	Bể lắng hóa lý 1							0
1	Bơm bùn bể lắng hóa lý 1	2	1	3 phase	0,37	0,37	24	8,88
	Bể thiếu khí							0
1	Máy khuấy chìm	2	1	3 phase	0,75	0,75	12	9
	Bể hiếu khí							0
1	Máy thổi khí	2	1	3 phase	11	11	12	132
2	Bơm tuần hoàn	2	1	3 phase	0,75	0,75	12	9
	Bể lắng sinh học							0
1	Bơm bùn sinh học	2	1	3 phase	0,75	0,75	2	1,5
	Bể điều chỉnh pH 2							0
1	Động cơ khuấy bể điều chỉnh pH 2	1	1	3 phase	0,75	0,75	24	18
	Bể keo tụ 2							0
1	Động cơ khuấy keo tụ 2	1	1	3 phase	0,75	0,75	24	18
	Bể tạo bông 2							0

TT	Mô tả thiết bị	Tổng số thiết bị	Số thiết bị hoạt động	Số giờ hoạt động (giờ/ngày)	Công suất		Số giờ hoạt động (giờ/ngày)	Tổng điện tiêu thụ 1 ngày (Kw)
					Công suất động cơ (KW)	Công suất tiêu thụ (KW)		
1	Động cơ khuấy bể tạo bóng 2	1	1	3 phase	0,75	0,75	24	18
	Bể lắng hóa lý 2							0
1	Bơm bùn bể lắng hóa lý 2	2	1	3 phase	0,37	0,37	2	0,74
	Hồ sục cở							0
1	Bơm nước thải	2	1	3 phase	0,75	0,75		0
	Phòng hóa chất							0
1	Bơm định lượng NaOH 1, 2	2	1	3phase	0,25	0,25	12	3
2	Bơm định lượng NaOH 3	1	1	3phase	0,25	0,25	12	3
3	Bơm định lượng NaOH 4	1	1	3phase	0,25	0,25	12	3
4	Máy khuấy bồn NaOH	1	1	3phase	0,4	0,4	0,25	0,1
5	Bơm định lượng axit 1	1	1	3phase	0,25	0,25	12	3
6	Bơm định lượng axit 2	1	1	3phase	0,25	0,25	12	3
7	Máy khuấy bồn NaOH	1	1	3phase	0,4	0,4	0,25	0,1
8	Bơm định lượng PAC 1	1	1	3phase	0,25	0,25	12	3
9	Bơm định lượng PAC 2	1	1	3phase	0,25	0,25	12	3
10	Máy khuấy bồn PAC	1	1	3phase	0,4	0,4	0,25	0,1
11	Bơm định lượng Polymer 1	1	1	3phase	0,25	0,25	12	3
12	Bơm định lượng Polymer 2	1	1	3phase	0,25	0,25	12	3
13	Máy khuấy bồn Polymer	1	1	3phase	0,4	0,4	0,25	0,1
14	Bơm định lượng dinh dưỡng 1, 2	2	1	3phase	0,25	0,25	12	3
15	Máy khuấy bồn Polymer	1	1	3phase	0,4	0,4	0,25	0,1
16	Bơm định lượng Javen 1, 2	2	1	3phase	0,25	0,25	12	3
17	Máy khuấy bồn Javen	1	1	3phase	0,4	0,4	0,25	0,1
	Tháp xử lý mùi							0
1	Quạt hút	1	1	3 phase	1,1	1,1	16	17,6
2	Bơm tuần hoàn khử mùi	1	1	3 phase	0,75	0,75	16	12

TT	Mô tả thiết bị	Tổng số thiết bị	Số thiết bị hoạt động	Số giờ hoạt động (giờ/ngày)	Công suất cơ		Công suất tiêu thụ		Số giờ hoạt động (giờ/ngày)	Tổng điện tiêu thụ 1 ngày (Kw)
					(KW)	(KW)	(KW)	(KW)		
	Tủ điều khiển hệ thống quan trắc online	1	1	3 phase	1,5	1,5	1,5	1,5	24	36
Tổng điện năng tiêu thụ trên ngày (kw/ngày)										
Tổng chi phí điện năng tiêu thụ trên ngày (2500 VNĐ/1kw)										
										359,32
										898.300

Chi phí vận hành hệ thống như sau:

Bảng 3. 6. Chi phí vận hành hệ thống xử lý nước thải

STT	Hóa chất sử dụng	Đơn vị	Lượng sử dụng (kg)/m ³	Lượng hóa chất 1 ngày (kg)	Đơn giá (vnd/kg)	Thành tiền (vnd)
1	Hóa chất cụm phản ứng 1					
1.1	Phèn PAC	kg	0,025	7,5	9.500	71.250
1.2	Polymer A	kg	0,0005	0,15	55.000	8.250
1.3	NaOH	kg	0,01	3	20.000	60.000
2	Hóa chất bổ sung bề sinh học					-
2.1	NaOH	kg	0,01	3	20.000	60.000
2.2	Mật rỉ	kg	0,1	30	12.000	360.000
3	Hóa chất cụm phản ứng 2					-
1.1	Phèn PAC	kg	0,025	7,5	9.500	71.250
1.2	Polymer A	kg	0,0005	0,15	55.000	8.250
1.3	NaOH	kg	0,01	3	20.000	60.000
4	Hóa chất khử trùng					-
3.1	Javel	kg	0,0375	11,25	10.000	112.500
	Chi phí hóa chất trong ngày					811.500

e. Các sự cố thường gặp và cách xử lý

* Đối với sự cố hư hỏng máy móc, thiết bị xử lý

Để phòng ngừa sự cố này, CCN áp dụng một số biện pháp sau:

- Các thiết bị chính của hệ thống xử lý như bơm nước thải đầu vào, bơm tuần hoàn bùn, máy cấp khí cho hệ thống xử lý sinh học đều có thiết bị dự phòng;
- Các máy bơm nước thải chìm (đặt dưới đáy bể): Công ty có thể đầu tư hệ thống ròng rọc để có thể dễ dàng nâng bơm lên trong quá trình sửa chữa;
- Các thiết bị máy móc của hệ thống xử lý được bảo dưỡng định kỳ theo hướng dẫn của nhà cung cấp, nhằm đảm bảo những thiết bị này hoạt động ổn định cũng như kịp thời phát hiện để sửa chữa và thay thế khi cần thiết;
- Các thiết bị trong hệ thống xử lý nước thải đều được kết nối với aptomat để tránh

hiện tượng chập điện, cháy nổ;

Đối với lỗi sự cố do quá trình vận hành:

- Khi sự cố xảy ra, phòng kỹ thuật và công nhân vận hành phải rà soát lại toàn bộ các thông số vận hành để điều chỉnh theo đúng thiết kế.

- Nếu sự cố vượt quá khả năng của BQL thì BQL CCN sẽ mời chuyên gia về xử lý nước thải về kiểm tra điều chỉnh.

** Đối với sự cố nồng độ nước thải sau xử lý không đạt quy chuẩn xả thải:*

- Chặn nguồn nước thải đầu ra, không để xả ra ngoài môi trường xung quanh

- Bơm nước thải ra hồ sự cố

- Báo cáo tình hình lên Ban quản lý CCN ;

- Đối với nước thải từ các nhà máy: Yêu cầu các Công ty kiểm tra lại hệ thống xử lý nước thải sơ bộ. Song song với đó tổ kỹ thuật cần nhanh chóng khắc phục sự cố, tìm hiểu nguyên nhân dẫn đến tình trạng trên.

- Toàn bộ lượng nước thải sau xử lý không đạt tiêu chuẩn xả được lưu giữ lại hồ sự cố sau đó tiến hành xử lý lại.

** Đối với sự cố quá tải: Lưu lượng nước tăng cao; nước thải đầu vào có nồng độ quá cao:*

- Yêu cầu các đơn vị quan trắc nước thải đầu ra định kỳ và gửi về BQL CCN;

- Thường xuyên kiểm tra đầu vào của hệ thống tránh trường hợp vượt quá khả năng xử lý của hệ thống. Đối với một số doanh nghiệp có nồng độ các chất ô nhiễm trong nước thải cao, sẽ ngưng tiếp nhận và ngưng cấp nước đến khi Doanh nghiệp kiểm soát được nước thải đầu ra của đơn vị.

- Đối với trường hợp lưu lượng tăng cao: Cần tích trữ lượng nước thải vượt quá công suất của nhà máy trong các bể điều hòa, hồ sự cố đồng thời tìm hiểu nguyên nhân gây ra sự cố.

- Đối với trường hợp nồng độ ô nhiễm cao: Trong trường hợp này cần hạn chế nguồn nước thải đưa vào nhà máy, pha loãng nước tại bể điều hòa hoặc đưa vào hồ sự cố pha loãng nhằm đảm bảo nồng độ theo quy định để tiếp tục vận hành hệ thống cũng như giảm tải một phần lưu lượng nước thải. Cùng với đó, cần tập trung kiểm tra các doanh nghiệp đang xả thải, đặc biệt là các doanh nghiệp có tính chất nước thải tương đồng với các chỉ tiêu đang tăng cao.

** Đối với sự cố hệ thống phải ngưng hoạt động thời gian dài:*

- Yêu cầu các Doanh nghiệp đang hoạt động tích nước thải tại các bể điều hòa của hệ thống xử lý nước thải của Doanh nghiệp;

- Báo với các cơ quan chức năng để phối hợp đưa ra phương án xử lý.

2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải

2.1. Công trình, biện pháp giảm thiểu bụi và khí thải của chủ dự án

** Biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu ô nhiễm môi trường do bụi, khí thải từ các phương tiện giao thông*

- Tuân thủ nghiêm chỉnh về thiết kế kỹ thuật hệ thống đường giao thông nội bộ và các nút giao thông với các trục đường chính trong khu vực.

- Thường xuyên làm vệ sinh, thu gom rác, quét bụi, phun nước trên tuyến đường

nội bộ để giảm thiểu lượng bụi phát sinh do các phương tiện ra vào CCN, đặc biệt vào những ngày thời tiết hanh khô, nắng nóng.

- Tổ chức giao thông hợp lý, chỉ sử dụng phương tiện vận tải có nguồn gốc, các phương tiện phải đảm bảo đủ các điều kiện lưu hành, trong thời hạn cho phép theo đúng quy định của Bộ Giao thông vận tải.

- Bố trí trồng cây xanh theo đúng quy định QCVN 01:2021/BXD.

2.2. Biện pháp giảm thiểu mùi từ hệ thống XLNT tập trung và khu vực lưu giữ chất thải của CCN

a. Mùi từ hệ thống xử lý nước thải tập trung

- Hệ thống xử lý nước thải tập trung của cụm công nghiệp được bố trí cách xa các công trình công cộng, tuân thủ theo yêu cầu của QCVN 01:2021/BXD. Các bể xử lý của trạm được bố trí chìm giúp giảm thiểu mùi hôi từ hệ thống.

- Các nắp hố ga được đậy kín để tránh phát tán mùi hôi

- Trong quá trình vận hành hệ thống xử lý nước thải, mùi phát sinh chủ yếu từ bể thu từ bể điều hòa, bể lắng hóa lý, bể thiếu khí và bể chứa bùn. Chủ dự án đã bố trí lắp đặt hệ thống xử lý mùi bằng phương pháp hấp phụ sử dụng than hoạt tính. Hệ thống xử lý mùi được bố trí lắp đặt đồng bộ với các thiết bị của hệ thống xử lý nước thải tập trung.

- Khí thải phát sinh từ Trạm xử lý nước thải công nghiệp tập trung: Khí thải phát sinh từ quá trình xử lý được thu gom bằng đường ống hút mùi đặt tại bể điều hòa, bể thiếu khí, bể hiếu khí và bể chứa bùn. Khí thải được thu gom dẫn vào hệ thống xử lý khí tháp đôi trước khi xả ra ngoài. Tháp cao 2,2m; đường kính $d=1,0m$. Bậc 1 xử lý H_2S , SO_2 , CO_2 bằng $Ca(OH)_2$; bậc 2 xử lý CH_4 và các khí dư còn lại bằng hấp phụ than hoạt tính.

Định kỳ 03 tháng/lần sẽ tiến hành thay than hoạt tính. Than hoạt tính thải được thu gom vào kho CTNH, định kỳ chủ dự án sẽ thuê đơn vị có năng lực thực hiện thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định.

b. Mùi từ khu vực lưu giữ chất thải của cụm công nghiệp

- Yêu cầu các nhà đầu tư thứ cấp lưu giữ CTR sinh hoạt bằng các thùng chứa rác (loại thùng kín) đặt tại khu vực kho lưu giữ của mỗi đơn vị

- Chất thải rắn sinh hoạt được thu gom, vận chuyển hàng ngày để hạn chế mùi phát sinh

- Thu gom và xử lý triệt để lượng chất thải rắn phát sinh hàng ngày từ đường giao thông, hệ thống thoát nước mưa, hệ thống thu gom thoát nước thải và từ kho lưu giữ chất thải. Chủ dự án sẽ ký hợp đồng với đơn vị có chức năng định kỳ thu gom xử lý theo đúng quy định.

- Khí thải từ hoạt động sinh hoạt của công nhân: tại các đơn vị có bếp ăn tập trung cần tự bố trí hệ thống máy hút khử mùi tại các khu vực nhà bếp.

2.3. Công trình, biện pháp giảm thiểu bụi và khí thải của nhà đầu tư thứ cấp

Các nhà đầu tư vào CCN khi có phát sinh khí thải phải thực hiện theo quy định của Luật BVMT năm 2020 và các quy định khác có liên quan, cụ thể như sau:

- Đầu tư lắp đặt hệ thống xử lý khí thải đảm bảo theo tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện

hành của Việt Nam, có sẵn thao tác đảm bảo an toàn tại vị trí lấy mẫu khí thải;

- Thực hiện quan trắc khí thải theo đúng quy định;
- Lập Báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc Giấy phép môi trường, trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt;
- Tuân thủ tỉ lệ diện tích cây xanh trong từng nhà máy thành viên, đạt tối thiểu 20% theo QCVN 01:2021/BXD;
- Nghiêm túc thực hiện chế độ vận hành, định lượng chính xác nguyên liệu, chấp hành đúng quy trình công nghệ để giảm thiểu tiêu hao nguyên liệu, giảm phát thải;
- Sử dụng công nghệ tiên tiến, hiện đại, áp dụng công nghệ ít phát sinh bụi, khí thải và khuyến khích sử dụng các loại nhiên liệu sạch, nhiên liệu sinh học;
- Áp dụng các biện pháp an toàn phòng chống sự cố cháy nổ tại khu vực sản xuất;
- Xây dựng kế hoạch định kỳ kiểm tra, bảo dưỡng, thay thế hoặc đổi mới các máy móc thiết bị sản xuất kịp thời nhằm tránh rò rỉ các chất ô nhiễm, các chất độc hại ra môi trường, hạn chế các nguy cơ cháy nổ.

3. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường

Công tác quản lý CTR công nghiệp và chất thải sinh hoạt tại các doanh nghiệp đầu tư thứ cấp và quá trình vận hành các công trình hạ tầng kỹ thuật của Chủ Dự án được thực hiện theo đúng quy định của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư 02/2022/TT-BTNMT Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

a. Đối với chất thải rắn sinh hoạt:

** Đối với chủ dự án (Đối với hoạt động quản lý vận hành CCN)*

Dự kiến số lượng cán bộ công nhân viên làm việc tại khu nhà điều hành CCN là khoảng 10 người.

** Đối với chất thải rắn sinh hoạt:*

- *Thành phần, khối lượng phát sinh:*

- + Các hợp chất có nguồn gốc hữu cơ như thực phẩm, rau quả, thức ăn dư thừa
- + Các hợp chất có nguồn gốc từ giấy như các loại bao gói đựng đồ ăn, thức uống
- + Các hợp chất vô cơ như nhựa, plastic, PVC, thủy tinh...
- + Tổng khối lượng CTR sinh hoạt phát sinh từ cán bộ, nhân viên BQL, khu dịch vụ là: $0,5 \text{ kg/người.ngày} \times 6 \text{ người} = 3 \text{ kg/ngày}$ tương đương 0,078 tấn/tháng.
- + Hoạt động công cộng dọc theo các tuyến đường giao thông nội bộ trong CCN (chủ yếu là sinh khối thực vật), ước tính khoảng 5 kg/ngày.

- *Biện pháp phân loại chất thải rắn tại nguồn, thu gom, xử lý:*

Khu văn phòng trung tâm điều hành bố trí khoảng 2 thùng dung tích 50 lít/thùng để thu gom rác phát sinh.

Rác thải khu vực BQL cụm: Hàng ngày sẽ được công nhân dọn vệ sinh thu gom bằng xe thùng đẩy tay dung tích 220 lít đưa ra khu vực tập kết ở phía gần khu vực bãi đỗ xe cho xe thu gom vận chuyển đi xử lý.

Bố trí khoảng 2 xe thu gom dạng xe thùng đẩy tay dung tích 220 lít. Hàng ngày công nhân thực hiện quét dọn tuyến đường giao thông trong CCN và khu vực trung tâm quản lý điều hành CCN.

Toàn bộ chất thải rắn phát sinh trên các tuyến đường trong CCN và nhà điều hành BQL được công nhân dọn vệ sinh thu gom hàng ngày.

Chủ dự án sẽ ký hợp đồng với đơn vị có chức năng sẽ thu gom vận chuyển để xử lý theo đúng quy định. Tần suất thu gom: 01 ngày/lần.

** Đối với nhà đầu tư thứ cấp:*

Các nhà đầu tư thứ cấp trong CCN sẽ được yêu cầu:

+ Các nhà đầu tư thứ cấp tự bố trí khu vực lưu giữ CTR sinh hoạt tạm thời trong đơn vị, đảm bảo các yêu cầu về BVMT theo quy định.

+ Tự thu gom, phân loại và ký hợp đồng đơn vị có chức năng để xử lý theo quy định.

b. Đối với chất thải rắn công nghiệp thông thường:

** Đối với chủ dự án:*

- Khối lượng phát sinh:

Thành phần chất thải rắn phát sinh chủ yếu từ các nguồn sau:

+ Bùn thải sinh học từ hệ thống xử lý nước thải tập trung: theo tính toán tại mục 1.3 chương III ước tính khoảng 11,58 kg/ngày.

+ Bùn thải từ bể tự hoại: Số lượng cán bộ công nhân viên làm việc tại khu nhà điều hành CCN là khoảng 10 người. Lượng bùn từ bể tự hoại khoảng $10 \times 0,05 = 0,5$ (Lít/ngày) $\approx 0,55$ kg/ngày tương đương 0,28 tấn/năm (*định mức tính toán căn cứ theo TCXDVN 51:2008 lượng bùn cặn lắng là 0,05 Lít/người/ngày; khối lượng riêng của bùn thải: $1m^3 \approx 1,5$ tấn*).

Như vậy, tổng khối lượng CTR công nghiệp thông thường phát sinh của Dự án là khoảng 12,13 kg/ngày tương đương 0,32 tấn/tháng

- Biện pháp phân loại chất thải rắn tại nguồn, thu gom, xử lý:

+ Đối với bùn thải sinh học từ hệ thống xử lý nước thải tập trung: lưu giữ tại bể chứa bùn, sau khi được ép sẽ được bàn giao cho đơn vị có đủ năng lực thực hiện thu gom, vận chuyển và xử lý.

Chủ dự án sẽ ký hợp đồng với đơn vị có đủ năng lực thực hiện thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn theo đúng quy định. Tần suất thu gom: 01 tuần/lần hoặc theo thực tế phát sinh.

Bảng 3.7. Tổng hợp khối lượng chất thải rắn sinh hoạt và thông thường dự kiến phát sinh tại dự án

STT	Tên chất thải	Khối lượng phát sinh (kg/ngày)
1	Chất thải rắn sinh hoạt	3,0
2	Sinh khối thực vật	50
3	Bùn thải sinh học từ hệ thống xử lý nước thải tập trung	11,58
4	Bùn thải từ bể tự hoại	0,55
Tổng cộng		65,13

* Đối với nhà đầu tư thứ cấp:

- Các nhà đầu tư thứ cấp trong CCN tự chịu trách nhiệm thực hiện thu gom, phân loại và thuê đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

- Tiến hành phân loại CTR sản xuất tại nguồn để thu gom các loại CTR có thể tái sử dụng trong các công đoạn sản xuất hoặc bán cho các đơn vị thu mua để tái chế.

4. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại

* Đối với chủ dự án:

Chất thải nguy hại phát sinh khi dự án đi vào hoạt động bao gồm: Giẻ lau găng tay dính dầu, bóng đèn huỳnh quang thải, bao bì mềm thải, bao bì cứng thải bằng nhựa/kim loại, than hoạt tính thải,... Khối lượng phát sinh CTNH của dự án trong 1 năm như sau:

Bảng 3.8. Khối lượng chất thải nguy hại trung bình năm

STT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Mã CTNH	Khối lượng phát sinh (kg/năm)
1	Pin, ắc quy thải	Rắn	16 01 12	120
2	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	Rắn	16 01 06	
3	Dầu thải, dầu động cơ hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	Rắn, lỏng	17 02 03	
4	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (giẻ lau dính dầu)	Rắn	18 02 01	
5	Than hoạt tính đã qua sử dụng	Rắn	12 01 04	300
6	Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải tập trung (bể bùn hóa lý)	Rắn	12 06 05	7.070
Tổng cộng				7.490

Kho chứa có diện tích khoảng 5 m² tại khu đất điều hành chung của CCN, được xây bằng gạch, nền và mái đổ bê tông, có biển báo, vách ngăn, có rãnh thu gom chất thải lỏng. Khi dự án đi vào hoạt động, các loại chất thải sẽ được thu gom vào các thùng chứa riêng biệt. Sử dụng 06 thùng chứa bằng nhựa HDPE, dung tích từ 100 đến 120 lít/thùng. Trên mỗi thùng chứa đều có mã quản lý CTNH, đáp ứng yêu cầu tại thông tư

số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường. Kho chứa CTNH được bố trí thiết bị chữa cháy; có vật liệu hấp thụ và xéng sử dụng trong trường hợp rò rỉ, rơi vãi, đổ tràn CTNH ở thể lỏng.

Bùn thải hóa lý từ hệ thống xử lý nước thải tập trung: được ép và đóng gói bằng bao bì PP, PE sau đó chuyển về kho chứa chất thải nguy hại để lưu giữ. CTNH được quản lý theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Chủ đầu tư sẽ ký hợp đồng với đơn vị có chức năng đến thu gom, vận chuyển định kỳ đi xử lý theo quy định. Tần suất khoảng 03 tháng/lần hoặc theo thực tế phát sinh.

** Đối với nhà đầu tư thứ cấp:*

- Các nhà đầu tư thứ cấp tự chịu trách nhiệm thu gom, phân loại; bố trí kho lưu giữ đảm bảo các quy định về quản lý chất thải nguy hại tại Nghị định 08/2022/NĐ-CP; ký hợp đồng với đơn vị có chức năng xử lý chất thải nguy hại.

- Có phương án phòng chống sự cố, đảm bảo an toàn trong khu vực lưu giữ.

- Lưu giữ các liên chứng từ liên quan đến CTNH; hằng năm lập báo cáo công tác bảo vệ môi trường trong đó có nội dung thống kê khối lượng, mã CTNH phát sinh và đã vận chuyển xử lý với CCN Xà Cầu - giai đoạn 2 và các cơ quan chức năng.

5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

Để giảm thiểu tác động của tiếng ồn và độ rung do hoạt động của các doanh nghiệp trong CCN. Chủ dự án yêu cầu các đơn vị trong phạm vi CCN thực hiện các biện pháp đề xuất sau:

- Xây dựng phòng đặt máy hợp lý.
- Các chân đế, bệ máy cần được gia cố bằng bê tông chất lượng cao.
- Lắp đặt các đệm chống rung bằng cao su.
- Lắp đặt thiết bị cách âm.
- Kiểm tra độ cân bằng và hiệu chỉnh nếu cần thiết.
- Tiến hành kiểm tra, bôi trơn và bảo dưỡng định kỳ.
- Trang bị các vật dụng cá nhân như nút bịt tai và chế độ ca kíp thích hợp để tránh làm việc quá lâu trong khu vực có tiếng ồn cao.

6. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường

6.1. Đối với sự cố hệ thống hệ thống xử lý nước thải

Sự cố gây ô nhiễm nguồn nước có khả năng xảy ra đối với hệ thống xử lý nước thải của CCN bao gồm:

- Sự cố xảy ra do mất điện, hư hỏng thiết bị.
- Sự cố trạm XLNT hoạt động quá công suất.
- Sự cố nước thải sau xử lý không đạt quy chuẩn theo quy định.
- Sự cố trong quá trình thu gom nước thải về trạm XLNT.

Các biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường đối với hệ thống xử lý nước thải tập trung của CCN được trình bày chi tiết như sau:

** Sự cố xảy ra do mất điện, hư hỏng thiết bị*

- Phòng ngừa và ứng phó sự cố của hệ thống xử lý nước thải: Định kỳ hàng ngày kiểm tra và bảo dưỡng hệ thống xử lý, vận hành ổn định, khi gặp sự cố sẽ khắc phục kịp thời và kịp thời sửa chữa đảm bảo hệ thống vận hành trong thời gian sớm nhất, cam kết không xả nước thải ra môi trường trong thời gian xảy ra sự cố; Khi gặp sự cố, toàn bộ nước thải phát sinh của Dự án sẽ được lưu giữ trong bể chứa (bể điều hòa) của trạm xử lý nước thải tập trung và được dẫn về hồ sự cố trong Dự án không để nước thải chưa được xử lý đạt quy chuẩn cho phép xả ra môi trường, hoặc đơn vị vận hành sẽ thuê đơn vị chức năng vận chuyển xử lý lượng nước thải tồn đọng trong thời gian chờ sửa chữa hệ thống xử lý nước thải.

- Để ứng phó với sự cố mất điện, chủ đầu tư sẽ trang bị các máy phát điện dự phòng có bộ chuyển đổi nguồn tự động (ATS) đi kèm để cung cấp điện cho các phụ tải trong đó hệ thống xử lý nước thải tập trung là một trong những đối tượng được ưu tiên hàng đầu.

- Trong trường hợp hệ thống XLNT ngừng hoạt động, quy trình khắc phục như sau:

+ Dừng hệ thống, kiểm tra các bộ phận, tham khảo lỗi từ hướng dẫn sử dụng thiết bị, cách khắc phục để tiến hành khắc phục ngay.

+ Thông báo cho các doanh nghiệp và ngừng nhận nước thải

+ Ngừng toàn bộ hệ thống XLNT

+ Bơm nước thải ra hồ sự cố

+ Kiểm tra, khắc phục bảo dưỡng hệ thống máy. Sau khi kiểm tra sửa chữa xong thực hiện bơm nước thải tại hồ sự cố vào lại bể gom để xử lý.

+ Khi gặp sự cố, chủ dự án cần tiến hành rà soát công việc thực hiện của các CBCNV vận hành trạm. Sau đó, khắc phục các sự cố ở mức tối đa và thực hiện các báo cáo cấp có thẩm quyền theo quy định.

+ Khi TXLNT ngừng hoạt động trong thời gian dài, chủ đầu tư cần liên hệ với các ban ngành để giải quyết kịp thời (ví dụ hợp đồng với đơn vị có chức năng đến vận chuyển khối lượng nước thải chưa xử lý đi xử lý theo đúng quy định, ...).

+ Sau khi sửa chữa xong thông báo đã khắc phục sự cố tới các doanh nghiệp và tiếp nhận lại nguồn nước thải của các doanh nghiệp vào TXLNT.

- Trường hợp xảy ra sự cố, nước thải từ trạm xử lý sẽ được dẫn về bể sự cố để lưu trữ tạm thời. Khi trạm XLNT được khắc phục và hoạt động ổn định nước thải sẽ được bơm trở lại trạm XLNT để xử lý. Bể sự cố nước thải của dự án có khả năng lưu chứa nước thải 1 ngày nên trường hợp trạm XLNT không được khắc phục kịp thời ban quản lý CCN sẽ ký kết hợp đồng với các đơn vị có chức năng hút nước thải từ bể sự cố để xử lý đảm bảo theo quy định.

** Phòng ngừa, ứng phó khi trạm XLNT hoạt động quá công suất*

- Khi xảy ra sự cố lưu lượng nước thải lớn bất thường, hoặc có mùi hôi nồng nặc tức là hệ thống đã bị quá tải. Trong trường hợp này, cán bộ vận hành sẽ có trách nhiệm kiểm tra ngay để tìm hiểu nguyên nhân và liên hệ với đơn vị cung cấp xử lý để xem xét áp dụng một số biện pháp như:

+ Tăng lưu lượng lưu thông nước (trong trường hợp nguyên nhân làm tăng lưu lượng nước là nước sạch bị rò rỉ vào hệ thống thoát nước).

- + Tăng lưu lượng khí thổi vào bể hiếu khí và bể điều hòa.
- + Tăng lượng bùn tuần hoàn.
- + Bổ sung thêm chế phẩm vi sinh.
- Quy trình khắc phục:
- + Lấy mẫu phân tích
- + Tạm thời ngưng xả ra môi trường
- + Tìm nguyên nhân, khoanh vùng nhà máy xả nước thải không đạt yêu cầu khắc phục.

+ Khắc phục sự cố và vận hành trở lại.

** Biện pháp đối với sự cố liên quan đến hệ thống thu gom và thoát nước thải*

- Định kỳ hàng ngày cán bộ vận hành trạm XLNTTT kiểm tra các tuyến ống thu gom và thoát nước thải, nếu thấy dấu hiệu bục vỡ có phương án thay thế kịp thời.

- Cần tiến hành thử áp lực nước 2 năm/lần, để kiểm tra rò rỉ nước, cần phát hiện và sửa chữa, thay thế kịp thời, tránh tổn thất nguồn nước, gây lãng phí.

- Định kỳ 1 năm kiểm tra đường ống, mỗi nối, van khoá để xem xét khả năng làm việc bình thường, độ rò rỉ nước để có biện pháp sửa chữa, thay thế kịp thời.

** Biện pháp quản lý, phát hiện nước thải từ các cơ sở hoạt động trong CCN xả vượt tiêu chuẩn thỏa thuận đầu nối*

Yêu cầu các cơ sở thực hiện quan trắc nước thải và báo cáo định kỳ về Ban quản lý cụm công nghiệp để theo dõi và phối hợp xử lý;

Quan trắc định kỳ đối với mẫu nước thải tại bể thu gom đầu vào của Trạm xử lý nước thải để quản lý, phát hiện xem chất lượng nước thải có đáp ứng tiêu chuẩn đầu vào.

Ngoài ra, có thể tiến hành lấy mẫu đột xuất để đánh giá và thông báo cho các cơ sở trong CCN để có biện pháp khắc phục đảm bảo nước thải luôn luôn đáp ứng tiêu chuẩn thỏa thuận thoát nước thải vào hệ thống thoát nước chung của CCN.

6.2. Đối với sự cố cháy nổ, chập điện

- Xây dựng nội quy PCCC chung cho CCN Xà Cầu - giai đoạn 2, chủ dự án yêu cầu các nhà máy thứ cấp trong CCN phải xây dựng phương án và trang thiết bị PCCC cho từng nhà máy

- Tăng cường các biện pháp giáo dục ý thức chấp hành nội quy PCCC cho bảo vệ, nhân viên, thường xuyên kiểm tra, đôn đốc, nhắc nhở việc chấp hành nội quy PCCC đã đề ra

- Thường xuyên bổ sung phương án PCCC và tổ chức tập huấn phương án chữa cháy chung cho toàn CCN

6.3. Đối với sự cố tai nạn lao động, tai nạn giao thông

** Biện pháp đảm bảo an toàn lao động:*

- Các máy móc, thiết bị làm việc ở nhiệt độ, áp suất cao sẽ có hồ sơ lý lịch được kiểm tra, đăng kiểm định kỳ tại cơ quan đăng kiểm nhà nước.

- Đối với các loại nhiên liệu dễ cháy sẽ được lưu trữ trong các kho cách ly riêng biệt, tránh xa các nguồn có khả năng phát lửa và tia lửa điện, các bồn chứa sẽ được lắp đặt các van an toàn, thiết bị theo dõi nhiệt độ và báo cháy.

- Trong các khu sản xuất, kho nguyên liệu và thành phẩm sẽ lắp đặt hệ thống báo cháy, hệ thống thông tin, báo động.

- Các nhà máy, xí nghiệp công nghiệp luôn được vệ sinh sạch sẽ, bảo đảm đủ ánh sáng, đủ nước, bảo đảm vệ sinh công nghiệp và vệ sinh sinh hoạt tốt.

- Đảm bảo cung cấp nước về chất lượng và đầy đủ cho người lao động để vệ sinh cá nhân và đủ nước uống trong quá trình sản xuất.

- Trạm y tế có trang thiết bị và dự trữ đủ thuốc đáp ứng công tác giám sát, bảo vệ sức khỏe cho công nhân, cấp cứu khi có trường hợp bệnh nghề nghiệp hoặc tai nạn xảy ra trong sản xuất. Tại các nhà máy sản xuất sẽ thực hiện nghiêm ngặt quy phạm an toàn ở từng công đoạn trong suốt thời gian làm việc.

** Biện pháp đảm bảo an toàn giao thông:*

- CBCNV phải chấp hành nghiêm Luật an toàn giao thông đường bộ;

- Tuyên truyền, phổ biến kiến thức, tập huấn cho các cán bộ công nhân viên làm việc trong Công ty về an toàn giao thông đường bộ;

- Thường xuyên duy tu, bảo dưỡng các phương tiện, máy móc tham gia giao thông để tránh những tai nạn giao thông khi tham gia trên đường;

- Các loại xe vận tải thường xuyên kiểm tra, kiểm định tại các Trung tâm Nhà nước, tuân thủ các nội quy, quy chế vận tải;

- Tuyệt đối không sử dụng lái xe chưa qua đào tạo, chưa có kinh nghiệm vận tải;

- Nghiêm cấm dùng các loại xe vận tải chở người đi đến nơi làm việc hoặc về nơi nghỉ và cấm chở người trên thùng xe trong khi hoạt động;

- Cấm người ngồi trên mui xe hoặc đứng bám sát vào thành xe;

- Cấm người lên xuống xe khi xe chưa dừng hẳn.

7. Các nội dung thay đổi so với quyết định phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường (nếu có)

Dự án không có thay đổi so với Quyết định số 1172/QĐ-UBND ngày 11/3/2021 của UBND thành phố Hà Nội về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường cho Dự án và Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án.

Chương IV.

NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải

- Nguồn phát sinh nước thải:

+ Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt từ khu vệ sinh của trung tâm điều hành (TTĐH)

+ Nguồn số 02: Nước thải (sinh hoạt và công nghiệp) từ các đơn vị thứ cấp trong CCN

Xà Cầu - giai đoạn 2.

- Lưu lượng xả nước thải tối đa: 300 m³/ngày đêm.

- Dòng nước thải: 01 dòng nước thải sau hệ thống xử lý nước thải tập trung.

- Các chất ô nhiễm theo dòng nước thải: chất lượng nước thải sau xử lý phải đáp ứng Quy chuẩn kỹ thuật về nước thải công nghiệp trên địa bàn Thủ đô Hà Nội QCTĐHN 02:2014/BTNMT (cột A, K_q=0,9, K_f=1,1), cụ thể như sau:

Stt	Thông số	Đơn vị	Giá trị giới hạn	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	Nhiệt độ	°C	40	-	Thuộc đối tượng phải quan trắc nước thải tự động, liên tục theo quy định tại khoản 2 Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP. Các chỉ tiêu giám sát: Lưu lượng (đầu vào và đầu ra), pH, nhiệt độ, TSS, COD, Amoni.
2	pH	mg/l	6-9		
3	TSS	mg/l	49,5		
4	COD	mg/l	74,25		
5	Amoni	mg/l	4,95		
6	Màu	P _t /C ₀	50	03 tháng/lần	
7	BOD ₅	mg/l	29,7		
8	Asen	mg/l	0,0495		
9	Thủy ngân	mg/l	0,00495		
10	Chì	mg/l	0,099		
11	Cadimi	mg/l	0,0495		
12	Crom (VI)	mg/l	0,0495		
13	Crom (III)	mg/l	0,198		
14	Đồng	mg/l	1,98		
15	Kẽm	mg/l	2,97		
16	Niken	mg/l	0,198		
17	Mangan	mg/l	0,495		
18	Sắt	mg/l	0,99		

Stt	Thông số	Đơn vị	Giá trị giới hạn	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
19	Tổng xianua	mg/l	0,0693		
20	Tổng phenol	mg/l	0,099		
21	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/l	4,95		
22	Sunfua	mg/l	0,198		
23	Florua	mg/l	4,95		
24	Tổng N	mg/l	19,8		
25	Tổng P	mg/l	3,96		
26	Clorua	mg/l	495		
27	Clo dư	mg/l	0,99		
28	Coliform	MPN/100ml	3.000		
29	Tổng hoạt độ phóng xạ α	mg/l	0,1	01 năm/lần	
30	Tổng hoạt độ phóng xạ β	mg/l	1,0		
31	Tổng hóa chất bảo vệ thực vật clo hữu cơ	mg/l	0,0495		
32	Tổng hóa chất bảo vệ thực vật photpho hữu cơ	mg/l	0,297		
33	Tổng PCB	mg/l	0,00297		

- Nguồn tiếp nhận nước thải: kênh Đồng Trung.

- Vị trí xả thải: Điểm xả cuối trước khi xả ra kênh Mả Măng – Con Voi.

- Tọa độ vị trí xả nước thải ra ao trung tự nhiên (VN2000, kinh tuyến trực 105°, múi chiều 3°):

$$X_{NT} = 2297686.130 \text{ (m)};$$

$$Y_{NT} = 582140.295 \text{ (m)}.$$

- Phương thức xả thải: Tự chảy.

- Chế độ xả thải: xả liên tục 24/24 giờ.

2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải

- Nguồn số 01: Mùi phát sinh từ hệ thống xử lý nước thải tập trung.

- Dòng khí thải: 01 dòng khí thải sau hệ thống xử lý mùi bằng than hoạt tính được thoát theo đường ống thoát khí ra ngoài môi trường.

- Lưu lượng khí thải lớn nhất: 500 m³/giờ.

- Vị trí xả khí thải: Tại ống thoát khí D160 mm của hệ thống xử lý mùi của hệ thống xử lý nước thải tập trung.

- Tọa độ vị trí xả khí thải sau xử lý (VN2000, kinh tuyến trực 105°, múi chiều 3°)

$$X = 2297546.305;$$

$$Y = 582098.750$$

- Phương thức xả khí thải: xả liên tục 24/24 giờ.

- Các chất ô nhiễm theo dòng khí thải và giá trị giới hạn: Khí thải sau xử lý phải đáp ứng QCVN 20:2009/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ và QCTĐHN 01:2014/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ trên địa bàn thủ đô Hà Nội (cột B, K_p = 1,0 và K_v = 1,0), cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	Metyl mercaptan	mg/Nm ³	15	Không thuộc đối tượng	Không thuộc đối tượng
2	H ₂ S	mg/Nm ³	7,5		
3	NH ₃	mg/Nm ³	50		

3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung

* Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Nguồn số 01: Tiếng ồn, độ rung phát sinh tại khu vực quạt hút của hệ thống xử lý mùi.

- Nguồn số 02: Tiếng ồn, độ rung phát sinh tại khu vực máy máy thổi khí của hệ thống xử lý nước thải.

* Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Vị trí nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung (Hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 105°00', múi chiều 3°):

+ Nguồn số 01: Khu vực quạt hút của hệ thống xử lý mùi, tọa độ X= 2297546.375; Y = 582098.735.

+ Nguồn số 02: Khu vực máy máy thổi khí của hệ thống xử lý nước thải, tọa độ X= 2297546.602; Y= 582096.724.

Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về độ rung; cụ thể như sau:

* Tiếng ồn:

TT	Giới hạn tối đa cho phép		Ghi chú
	Từ 6-21 giờ (dBA)	Từ 21-6 giờ (dBA)	

1	70	55	Khu vực thông thường
---	----	----	----------------------

* *Độ rung:*

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép, dB		Ghi chú
	Từ 6-21 giờ	Từ 21-6 giờ	
1	70	60	Khu vực thông thường

Chương V.

**KẾ HOẠCH VẬN HÀNH THỬ NGHIỆM CÔNG TRÌNH XỬ LÝ CHẤT THẢI VÀ
CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN**

1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải của dự án đầu tư

1.1. Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm

Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải được căn cứ dựa trên thời gian hoàn thiện xây dựng các hạng mục công trình và tỷ lệ lấp đầy CCN: bắt đầu từ tháng 09/2025 đến tháng 10/2025. Dự kiến kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình bảo vệ môi trường của Dự án như sau:

TT	Công trình VHTN	Thời gian bắt đầu vận hành thử nghiệm (dự kiến)	Thời gian kết thúc vận hành thử nghiệm (dự kiến)
1	Hệ thống xử lý nước thải công suất 300 m ³ /ngày đêm.	09/2025	10/2025

1.2. Kế hoạch quan trắc chất thải, đánh giá hiệu quả xử lý của các công trình, thiết bị xử lý chất thải

Để thực hiện công tác quan trắc chất thải phục vụ quá trình vận hành thử nghiệm các công trình, thiết bị xử lý chất thải, Chủ dự án dự kiến phối hợp với đơn vị có đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường để khảo sát, lấy mẫu đo đạc, phân tích các mẫu môi trường để đánh giá hiệu quả xử lý của công trình xử lý chất thải, cụ thể như sau:

Công ty Cổ phần Công nghệ và Kỹ thuật Hatico Việt Nam (VIMCERTS 269)

- Địa chỉ liên hệ: Số 45, ngách 14/20 ngõ 214 đường Nguyễn Xiển, Phường Hạ Đình, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

- Mã số doanh nghiệp: 0107529124

- Điện thoại: 0962092626 Email:haticovietnam2016@gmail.com

- Người đại diện: Bà Đỗ Thị Duyên

- Chức vụ: Giám đốc

- Công ty Cổ phần Công nghệ và Kỹ thuật Hatico Việt Nam đã được Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động quan trắc môi trường và VIMCERTS 269.

Căn cứ khoản 5 điều 21 thông tư 02/2022/TT-BTNMT- Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật bảo vệ môi trường. Dự án thuộc đối tượng chủ dự án tự quyết định việc quan trắc chất thải nhưng phải đảm bảo quan trắc ít nhất 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định các công trình xử lý chất thải.

Kế hoạch lấy mẫu, đánh giá hiệu suất của hệ thống xử lý nước thải như sau:

* *Giai đoạn điều chỉnh*

- Thời gian đánh giá: 75 ngày

- Chủ cơ sở chịu trách nhiệm lấy mẫu đánh giá trong giai đoạn điều chỉnh để có các giải pháp cải thiện hệ thống xử lý nước thải theo hướng tốt hơn

** Giai đoạn vận hành ổn định*

- Thời gian đánh giá: 3 ngày liên tiếp sau giai đoạn điều chỉnh
- Tần suất lấy mẫu: 1 ngày/lần trong vòng 3 ngày liên tiếp (đo đạc, lấy và phân tích mẫu đơn đối với 01 mẫu nước thải đầu vào và 03 mẫu nước thải đầu ra trong 03 ngày liên tiếp.

- Vị trí lấy mẫu:

+ Vị trí lấy mẫu nước thải đầu vào: Nước thải đầu vào được lấy tại hồ thu gom.

+ Vị trí lấy mẫu nước thải đầu ra: Nước thải đầu ra được lấy tại mương quan trắc.

- Thông số: pH, nhiệt độ, màu, TSS, COD, BOD₅, As, Hg, Cd, Cr(VI), Cr(III), Cu, Zn, Ni, Mn, Fe, Amoni, Tổng xianua, tổng phenol, tổng dầu mỡ khoáng, sunfua, florua, tổng nito, tổng P, clorua, clo dư, tổng hóa chất BVTV clo hữu cơ, tổng hóa chất BVTV photpho hữu cơ, Coliform.

- Quy chuẩn so sánh: QCTĐHN 02:2014/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật về nước thải công nghiệp trên địa bàn Thủ đô Hà Nội, cột A ($K_f=1,1$; $K_q=0,9$).

2. Chương trình quan trắc chất thải (tự động, liên tục và định kỳ) theo quy định của pháp luật

2.1. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ

- Vị trí quan trắc nước thải:

+ Vị trí lấy mẫu nước thải đầu vào: Nước thải đầu vào được lấy tại hồ thu gom.

+ Vị trí lấy mẫu nước thải đầu ra: Nước thải đầu ra được lấy tại bể chứa nước đầu ra.

- Thông số quan trắc: tổng hóa chất BVTV clo hữu cơ, tổng hóa chất BVTV photpho hữu cơ. Tần suất lấy mẫu: 01 năm/lần.

- Thông số quan trắc: màu, BOD₅, As, Hg, Cd, Cr(VI), Cr(III), Cu, Zn, Ni, Mn, Fe, Tổng xianua, tổng phenol, tổng dầu mỡ khoáng, sunfua, florua, tổng N, tổng P, clorua, clo dư, coliform. Tần suất lấy mẫu: 03 tháng/lần.

- Quy chuẩn so sánh: QCTĐHN 02:2014/BTNMT, cột A ($K_f=1,1$; $K_q=0,9$).

2.2. Chương trình quan trắc tự động, liên tục chất thải

Hệ thống quan trắc tự động nước thải sau xử lý được kết nối internet để truyền dữ liệu về hệ thống giám sát môi trường của Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Nội.

Hiện tại Công ty Cổ phần Hà Thành - BQP đã lắp đặt trạm quan trắc nước thải tự động liên tục và đang tiến hành các thủ tục xin tiếp nhận dữ liệu quan trắc môi trường từ trạm quan trắc nước thải tự động.

- Các thông số giám sát: Lưu lượng đầu vào (Flow in 1), Lưu lượng đầu ra (Flow out 1), pH, Nhiệt độ (Temp), Nhu cầu oxi hóa học (COD), Tổng chất rắn lơ lửng (TSS) và Amoni (NH_4^+).

- Vị trí lấy mẫu: mẫu nước tại mương quan trắc trước khi xả ra nguồn tiếp nhận;

- Tần suất giám sát: tự động, liên tục 24h/24h.

- Tần suất truyền: 5 phút/lần

- Quy chuẩn so sánh: QCTĐHN 02:2014/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật về nước thải

công nghiệp trên địa bàn Thủ đô Hà Nội, cột A ($K_f=1,1$; $K_q=0,9$).

2.3. Hoạt động quan trắc môi trường định kỳ, quan trắc môi trường tự động liên tục khác theo quy định của pháp luật có liên quan hoặc theo đề xuất của chủ dự án

Không có.

3. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hàng năm

Căn cứ theo chương trình quan trắc môi trường định kỳ và Quyết định số 1495/QĐ-UBND ngày 02/03/2017 của UBND thành phố Hà Nội về việc ban hành đơn giá hoạt động quan trắc môi trường, kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hàng năm của Dự án như sau:

TT	Nội Dung	Đơn giá	Số lượng mẫu	Tần suất (lần/năm)	Thành tiền (VNĐ)
1	Màu	81.257	2	4	650.056
2	BOD5 (20°C)	265.643	2	4	2.125.144
3	As	712.951	2	4	5.703.608
4	Hg	881.142	2	4	7.049.136
5	Cd	176.396	2	4	1.411.168
6	Cr(VI)	425.654	2	4	3.405.232
7	Cr(III)	425.654	2	4	3.405.232
8	Cu	506.363	2	4	4.050.904
9	Ni				
10	Mn				
11	Fe				
12	Tổng xianua	443.937	2	4	3.551.496
13	Tổng phenol	1.004.087	2	4	8.032.696
14	Tổng dầu mỡ khoáng	595.678	2	4	4.765.424
15	Sunfua	514.959	2	4	4.119.672
16	Florua	480.954	2	4	3.847.632
17	Tổng nito	371.187	2	4	2.969.496
18	Tổng P	463.578	2	4	3.708.624
19	Clorua	303.541	2	4	2.428.328
20	Clo dư	471.798	2	4	3.774.384
21	Tổng hóa chất BVTV clo hữu cơ	1.965.214	2	4	15.721.712
22	Tổng hóa chất BVTV photpho hữu cơ	1.966.821	2	4	15.734.568
23	Coliform	791.406	2	4	6.331.248
Tổng chi phí					102.785.760

Chương VI. **CAM KẾT CỦA CHỦ ĐẦU TƯ**

Công ty Cổ phần Hà Thành - BQP cam kết cung cấp đầy đủ, trung thực các thông tin nêu trong Báo cáo. Chủ dự án cam kết thực hiện đầy đủ những biện pháp bảo vệ môi trường đã đề ra; các văn bản pháp luật, quy định chung về BVMT; các chương trình quản lý, giám sát môi trường, các cam kết với cộng đồng như đã nêu trong Báo cáo. Cụ thể:

- Chủ dự án chịu trách nhiệm về công tác an toàn và bảo vệ môi trường trong quá trình lắp đặt máy móc, thiết bị và vận hành dự án; tuân thủ nghiêm các quy định của UBND TP. Hà Nội, các quy định pháp luật hiện hành của Nhà nước Việt Nam.

- Cam kết thực hiện đúng Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

- Cam kết hoàn thành các công trình xử lý và bảo vệ môi trường, vận hành thử nghiệm trước khi đi vào hoạt động chính thức; giám sát hiệu quả hoạt động của các thiết bị xử lý chất thải, có sổ nhật ký vận hành các hệ thống thiết bị, vị trí lấy mẫu đúng kỹ thuật, điểm lấy mẫu theo đúng quy định theo Thông tư 10/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Cam kết thực hiện nghiêm túc các phương án giảm thiểu ô nhiễm, các biện pháp phòng ngừa và sẵn sàng ứng phó khi sự cố môi trường xảy ra như trình bày trong Chương III của Báo cáo.

- Cam kết thực hiện nghiêm túc chương trình quản lý và giám sát môi trường như đã trình bày tại Chương V của Báo cáo. Sau khi được cấp giấy phép môi trường, chủ dự án có trách nhiệm tiếp tục hoàn thiện các thủ tục môi trường (Kế hoạch vận hành thử nghiệm các công trình bảo vệ môi trường) trước khi đưa dự án vào vận hành chính thức. Cam kết định kỳ hàng năm thực hiện việc giám sát môi trường theo đúng các vị trí, tần suất cũng như các thông số về môi trường đã được phê duyệt trong báo cáo cấp Giấy phép môi trường. Định kỳ hàng năm gửi báo cáo công tác bảo vệ môi trường đến Sở Tài nguyên và Môi trường TP. Hà Nội theo quy định tại Điều 119 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và Điều 66 Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Cam kết thực hiện đầy các biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố trong quá trình vận hành đúng theo quy định và cam kết của chủ dự án đã trình bày trong báo cáo. Trong trường hợp xảy ra sự cố môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường; thực hiện nghiêm túc các biện pháp

phòng ngừa, ứng phó, khắc phục ô nhiễm và bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật.

- Chịu hoàn toàn trách nhiệm trong việc xây dựng, thực hiện báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường và toàn bộ nội dung quyết định phê duyệt của cơ quan có thẩm quyền phê duyệt./.

PHỤ LỤC I

CÁC GIẤY TỜ PHÁP LÝ CỦA DỰ ÁN

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY CỔ PHẦN**

Mã số doanh nghiệp: 0106249854

Đăng ký lần đầu: ngày 31 tháng 07 năm 2013

Đăng ký thay đổi lần thứ: 16, ngày 13 tháng 02 năm 2025

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN HÀ THANH - BQP

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: HA THANH - BQP JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: HA THANH - BQP „JSC

2. Địa chỉ trụ sở chính

Số nhà 4, ngõ 71 phố Cửa Quán, khu Văn Phú, Phường Phú La, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 02466865568

Fax:

Email: hathanhbqp.jsc@gmail.com

Website:

3. Vốn điều lệ: 199.000.000.000 đồng.

Bằng chữ: Một trăm chín mươi chín tỷ đồng

Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng

Tổng số cổ phần: 19.900.000

4. Người đại diện theo pháp luật của công ty

* Họ và tên: LƯU TIẾN THUYỀN

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 17/12/1961

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 001061002853

Ngày cấp: 22/11/2021

Nơi cấp: Cục cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Số 3, ngõ 235, đường Nguyễn Ngọc Nại, Phường Khương Mai, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Số 3, ngõ 235, đường Nguyễn Ngọc Nại, Phường Khương Mai, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam



**PHÓ TRƯỞNG PHÒNG
Trần Quang Hưng**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI



QUYẾT ĐỊNH CHỦ TRƯỞNG ĐẦU TƯ



SỐ QUYẾT ĐỊNH: 383 / QĐ - UBND

NGÀY: 17/01/2020

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc thành lập Cụm công nghiệp Xà Cầu - Giai đoạn 2,
huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội.**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 68/2017/NĐ-CP ngày 25/5/2017 của Chính phủ ban hành về quản lý, phát triển cụm công nghiệp;

Căn cứ Thông tư số 15/2017/TT-BCT ngày 31/8/2017 của Bộ Công Thương về Quy định, hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Nghị định số 68/2017/NĐ-CP ngày 25/5/2017 của Chính phủ về quản lý, phát triển cụm công nghiệp;

Căn cứ Văn bản số 11175/BCT-CTĐP ngày 27/11/2017 của Bộ Công Thương về việc thỏa thuận Quy hoạch phát triển cụm công nghiệp đến năm 2020, có xét đến năm 2030 trên địa bàn thành phố Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 1292/QĐ-UBND ngày 14/3/2018 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội phê duyệt Quy hoạch phát triển cụm công nghiệp thành phố Hà Nội đến năm 2020, có xét đến năm 2030;

Căn cứ: Thông báo số 444/TB-UBND ngày 04/5/2018 của UBND Thành phố thông báo kết luận của tập thể lãnh đạo UBND Thành phố tại cuộc họp về việc xem xét, thống nhất một số nội dung liên quan đến quản lý, phát triển cụm công nghiệp thành phố Hà Nội; Thông báo số 748/TB-UBND ngày 26/6/2019 của UBND Thành phố thông báo kết luận của Tập thể lãnh đạo UBND Thành phố về việc xem xét thành lập Cụm công nghiệp Thanh Thùy - Giai đoạn 2, huyện Thanh Oai và Cụm công nghiệp Xà Cầu - Giai đoạn 2, huyện Ứng Hòa;

Xét đề nghị của UBND huyện Ứng Hòa tại các Tờ trình: số 06/TTr-UBND ngày 02/02/2018; số 35/TTr-UBND ngày 25/7/2018 và của Sở Công Thương tại Báo cáo số 258/BC-SCT ngày 17/9/2018 về việc thẩm định thành lập Cụm công nghiệp Xà Cầu - giai đoạn 2, huyện Ứng Hòa; các Báo cáo bổ sung: số 296/BC-SCT ngày 24/10/2018; số 102/BC-SCT ngày 17/4/2019; 257/BC-SCT ngày 19/9/2019 và Văn bản số 5839/SCT-QLCN ngày 28/11/2019 về việc bổ sung hồ sơ, hoàn thiện dự thảo Quyết định thành lập Cụm công nghiệp Xà Cầu - Giai đoạn 2, huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập Cụm công nghiệp Xà Cầu - Giai đoạn 2, huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội với các nội dung sau:

1. Tên cụm công nghiệp: Cụm công nghiệp Xà Cầu - Giai đoạn 2.

2. Địa điểm: xã Quảng Phú Cầu, huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội (Phạm vi, ranh giới sẽ được chuẩn xác khi Nhà đầu tư được cơ quan có thẩm quyền giao đất, cho thuê đất theo quy định của pháp luật).

3. Quy mô: khoảng 7,92 ha (Các chỉ tiêu quy hoạch kiến trúc theo Quy hoạch chi tiết Cụm công nghiệp Xà Cầu - Giai đoạn 2 được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt).

4. Ngành nghề hoạt động chủ yếu: Tập trung thu hút doanh nghiệp sản xuất chế biến sản phẩm đồ gia dụng; chế biến lâm sản; sản xuất gia công cơ khí và các ngành nghề sản xuất, kinh doanh khác theo hướng công nghiệp sạch, phù hợp với Quy hoạch phát triển cụm công nghiệp thành phố Hà Nội đến năm 2020, có xét đến năm 2030; dịch vụ hỗ trợ cụm công nghiệp (kể cả xăng dầu)...

5. Mục tiêu:

- Xây dựng đồng bộ kết cấu hạ tầng kỹ thuật, cảnh quan Cụm công nghiệp Xà Cầu - Giai đoạn 2 đáp ứng yêu cầu về hạ tầng kỹ thuật và môi trường theo quy định; ưu tiên phát triển mô hình cụm công nghiệp theo hướng hiện đại.

- Phục vụ di dời, mở rộng sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã, tổ hợp tác, cơ sở sản xuất hộ gia đình, cá nhân trong xã Quảng Phú Cầu và khu vực lân cận nhằm khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường, nguy cơ cháy nổ trong khu dân cư, phát triển nghề, làng nghề ở địa phương.

6. Chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật: Công ty cổ phần Hà Thành - BQP.

- Địa chỉ trụ sở chính: Số 27, đường Lê Đức Thọ, phường Mỹ Đình 2, Quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

- Mã số doanh nghiệp: 0106249854; Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp do Phòng Đăng ký kinh doanh, Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp lần đầu ngày 31/7/2013, sửa đổi lần 11 ngày 17/6/2019; Vốn điều lệ: 136 tỷ đồng.

- Người đại diện: Ông Lưu Tiến Thuyên, sinh ngày 17/12/1961; Dân tộc Kinh; Quốc tịch Việt Nam; Chứng minh nhân dân số: 012282981, cấp ngày 14/01/2011 do Công an thành phố Hà Nội cấp; Địa chỉ thường trú: tại số 3, ngõ 235, đường Nguyễn Ngọc Nại, phường Khương Mai, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội; Chức danh: Giám đốc.

7. Tổng mức vốn đầu tư, cơ cấu nguồn vốn đầu tư.

a) Tổng mức đầu tư: khoảng 201,33 tỷ đồng.

b) Cơ cấu nguồn vốn đầu tư:

- Vốn tự có của chủ đầu tư: 40,266 tỷ đồng (20%);

- Vốn huy động và vốn vay: 161,064 tỷ đồng (80%).

8. Tiến độ thực hiện dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật:

Từ Quý I năm 2020 đến Quý IV năm 2021.

Điều 2. Các ưu đãi, hỗ trợ đầu tư: Chủ đầu tư kinh doanh hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp và các tổ chức, cá nhân đầu tư sản xuất kinh doanh trong cụm công nghiệp được hưởng ưu đãi đầu tư theo quy định của Luật Đầu tư, Nghị

định số 68/2017/NĐ-CP ngày 25/5/2017 của Chính phủ về quản lý, phát triển cụm công nghiệp và các quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 3. Tổ chức thực hiện:

1. Trách nhiệm của Chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp:

- Lập, phê duyệt và triển khai Dự án tuân thủ theo đúng quy định của pháp luật hiện hành về đầu tư, xây dựng và môi trường; đảm bảo tuân thủ quy hoạch, chức năng sử dụng ô đất được duyệt;

- Liên hệ các Sở, ngành: Công Thương, Quy hoạch Kiến trúc, Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng, UBND huyện Ứng Hòa và các đơn vị có liên quan để được hướng dẫn, thực hiện các thủ tục có liên quan về lĩnh vực quản lý chuyên ngành theo quy định của pháp luật;

- Triển khai công tác, giám sát, đánh giá đầu tư theo quy định hiện hành của Nhà nước và Thành phố. Chịu hoàn toàn trách nhiệm về tính chuẩn xác và tính hợp pháp của các thông tin, số liệu, tài liệu gửi kèm hồ sơ đề xuất; đảm bảo về số vốn chủ sở hữu, vốn vay, vốn huy động để thực hiện dự án theo quy định của pháp luật;

- Được thuê đất để xây dựng hạ tầng kỹ thuật Cụm công nghiệp Xà Cầu - Giai đoạn 2 theo quy định tại Điều 149 Luật Đất đai; Sử dụng đất đúng mục đích để xây dựng công trình theo quyết định giao đất, cho thuê đất; Đảm bảo các điều kiện để được giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất thực hiện dự án đầu tư theo quy định tại Khoản 3, Khoản 4, Điều 58 Luật Đất đai năm 2013;

- Nghiêm cấm thực hiện việc chuyển nhượng dự án và huy động vốn trái quy định pháp luật dưới mọi hình thức để triển khai dự án, trường hợp vi phạm sẽ bị thu hồi, xử lý theo đúng quy định của pháp luật;

- Nghiêm chỉnh chấp hành các quy định về đánh giá tác động môi trường của dự án; đảm bảo khớp nối hạ tầng và đầu tư xây dựng hệ thống thu gom, xử lý nước thải, chất thải rắn công nghiệp và đảm bảo các quy định về hệ thống phòng cháy, chữa cháy (bao gồm phần hiện trạng 2,1ha đang hoạt động và phần diện tích cụm công nghiệp giai đoạn 2); có các giải pháp đồng bộ để tổ chức, triển khai, quản lý cụm công nghiệp;

- Thực hiện nghĩa vụ tài chính theo quy định hiện hành của Nhà nước và Thành phố;

- Tổ chức cung cấp, quản lý các dịch vụ công cộng, tiện ích chung trong cụm công nghiệp; xây dựng, phê duyệt Quy chế quản lý các dịch vụ công cộng, tiện ích trên cơ sở ý kiến của các tổ chức, cá nhân đầu tư sản xuất, kinh doanh trong cụm công nghiệp theo quy định;

- Thực hiện theo đúng quy định tại Điều 19, 20, 21 Nghị định số 68/2017/NĐ-CP ngày 25/5/2017 của Chính phủ về quản lý, phát triển cụm công nghiệp.

2. Trách nhiệm của các cơ quan có liên quan:

- Sở Công Thương là cơ quan đầu mối tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước đối với cụm công nghiệp trên địa bàn

theo quy định tại Điều 43 Nghị định số 68/2017/NĐ-CP ngày 25/5/2017 của Chính phủ về quản lý, phát triển cụm công nghiệp.

- Các Sở, ngành: Công Thương, Kế hoạch và Đầu tư, Quy hoạch - Kiến trúc, Tài nguyên và Môi trường, Tài chính, Xây dựng; UBND huyện Ứng Hòa; Cục Thuế thành phố Hà Nội và các đơn vị liên quan có trách nhiệm hướng dẫn Chủ đầu tư thực hiện thủ tục về quy hoạch, đất đai, xây dựng, nghĩa vụ tài chính và các thủ tục khác liên quan đến việc triển khai thực hiện Dự án theo quy định hiện hành của Nhà nước và Thành phố.

3. UBND huyện Ứng Hòa có trách nhiệm quản lý nhà nước đối với Cụm công nghiệp Xà Cầu - Giai đoạn 2 theo quy định tại Điều 44 Nghị định số 68/2017/NĐ-CP ngày 25/5/2017 của Chính phủ về quản lý, phát triển cụm công nghiệp. Thực hiện tốt công tác tuyên truyền, vận động tạo được sự đồng thuận của người dân; chuẩn bị tốt phương án đền bù, giải phóng mặt bằng không để phát sinh khiếu kiện phức tạp.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND Thành phố; Giám đốc các Sở: Công Thương, Kế hoạch và Đầu tư, Tài nguyên và Môi trường, Tài chính, Tư pháp, Quy hoạch - Kiến trúc, Xây dựng, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Giao thông vận tải; Chủ tịch UBND huyện Ứng Hòa; Giám đốc Công ty Cổ phần Hà Thành - BQP và các tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Bộ Công Thương;
- Chủ tịch UBND thành phố;
- Các PCT UBND thành phố;
- VPUB: PCVP V.T.Anh; KT, ĐT, TKBT.
- Lưu: VT, KT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Doãn Toàn

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 4395 /QĐ-UBND

Hà Nội, ngày 10 tháng 11 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Về việc điều chỉnh Quyết định số 383/QĐ-UBND ngày 17 tháng 01 năm 2020
của UBND thành phố Hà Nội về việc thành lập Cụm công nghiệp
Xã Cầu - giai đoạn 2, huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2019;

Căn cứ Luật Đầu tư năm 2020; Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;

Căn cứ Luật Đất đai năm 2013; Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 68/2017/NĐ-CP ngày 25/5/2017 của Chính phủ về quản lý, phát triển cụm công nghiệp; Nghị định số 66/2020/NĐ-CP ngày 11/6/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 68/2017/NĐ-CP;

Căn cứ Thông tư số 28/2020/TT-BCT ngày 16/11/2020 của Bộ Công Thương quy định, hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Nghị định số 68/2017/NĐ-CP và Nghị định số 66/2020/NĐ-CP;

Căn cứ văn bản số 454/CTĐP-CCN ngày 16/6/2022 của Cục Công Thương địa phương về việc thực hiện một số nội dung quy định tại Thông tư số 28/2020/TT-BCT ngày 16/11/2020 của Bộ Công Thương;

Căn cứ Quyết định số 33/2022/QĐ-UBND ngày 03/10/2022 của UBND Thành phố Hà Nội ban hành Quy chế quản lý cụm công nghiệp trên địa bàn Thành phố;

Căn cứ Quyết định số 383/QĐ-UBND ngày 17/01/2020 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội về việc thành lập Cụm công nghiệp Xã Cầu - giai đoạn 2, huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội;

Xét hồ sơ kèm theo các Văn bản của Công ty cổ phần Hà Thành - BQP (Chủ đầu tư Cụm công nghiệp Xã Cầu - Giai đoạn 2, huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội): Đơn đề nghị số 2906/BC-HT ngày 29/6/2022 đề nghị gia hạn dự án xây dựng hạ tầng kỹ thuật Cụm công nghiệp Xã Cầu - Giai đoạn 2; Báo cáo số 3005.02/2022/BC ngày 30/5/2022 báo cáo tình hình thực hiện dự án Cụm công nghiệp Xã Cầu - giai đoạn 2; Báo cáo số 3005/BCGSĐGĐT ngày 30/5/2022 báo cáo giám sát, đánh giá điều chỉnh dự án đầu tư dự án Xây dựng hạ tầng kỹ thuật Cụm công nghiệp Xã Cầu - giai đoạn 2; Văn bản số 3005.1/2022/CK-HT ngày 30/5/2022 cam kết về việc thực hiện dự án đầu tư theo tiến độ đã đề nghị điều chỉnh; Văn bản số 3005.2/2022/CK-HT ngày 30/5/2022 cam kết thực hiện đầy đủ các quy định pháp luật trong quá trình hoạt động và thực hiện đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật Cụm công nghiệp Xã Cầu - giai đoạn

2; Văn bản số 3005/BC-HT ngày 30/5/2022 điều chỉnh tiến độ thực hiện dự án xây dựng hạ tầng kỹ thuật Cụm công nghiệp Xà Cầu - giai đoạn 2;

Xét ý kiến thẩm định của các Sở, ngành: Sở Kế hoạch và Đầu tư tại văn bản số 4321/KH&ĐT-KTN ngày 14/9/2022, Sở Tài chính tại văn bản số 4327/SCT-TCĐT ngày 08/8/2022, Sở Tài nguyên và Môi trường tại văn bản số 6105/STNMT-QHKHSDD ngày 22/8/2022, Cục Thuế thành phố Hà Nội tại văn bản số 37224/CTHN-QLĐ ngày 01/8/2022, UBND huyện Ứng Hòa tại văn bản số 944/UBND-KT ngày 01/8/2022; Báo cáo thẩm định số 303/BC-SCT ngày 25/10/2022 của Sở Công Thương,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh tiến độ thực hiện dự án Cụm công nghiệp Xà Cầu - giai đoạn 2, huyện Ứng Hòa đã được phê duyệt tại Quyết định số 383/QĐ-UBND ngày 17/01/2020 của UBND thành phố Hà Nội như sau:

- Chuẩn bị đầu tư: Quý I/2020 đến tháng 11/2022;
- Xin giao đất, cho thuê đất: Tháng 12/2022;
- Xin cấp giấy phép xây dựng: Tháng 12/2022;
- Khởi công xây dựng hạ tầng kỹ thuật: Tháng 12/2022;
- Hoàn thành công trình và đưa vào hoạt động: Tháng 12/2023.

Điều 2. Các nội dung khác thực hiện theo Quyết định số 383/QĐ-UBND ngày 17/01/2020 của UBND thành phố Hà Nội về việc thành lập Cụm công nghiệp Xà Cầu - giai đoạn 2, huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội.

Điều 3. Trách nhiệm của các đơn vị liên quan.

1. Trách nhiệm của Chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp:

- Hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính trung thực, tính chính xác của hồ sơ, tài liệu gửi kèm theo hồ sơ đề nghị điều chỉnh Quyết định thành lập Cụm công nghiệp Xà Cầu - Giai đoạn 2, huyện Ứng Hòa; Chịu trách nhiệm và đảm bảo về vốn chủ sở hữu để thực hiện dự án đúng quy định hiện hành của Nhà nước và Thành phố.

- Quá trình thực hiện dự án, Chủ đầu tư phải thực hiện trách nhiệm đã quy định tại Quyết định số 383/QĐ-UBND ngày 17/01/2020 của UBND Thành phố; tuân thủ đúng quy định về quy hoạch, đất đai, xây dựng, môi trường... của pháp luật hiện hành và Quy chế quản lý cụm công nghiệp ban hành kèm Quyết định số 33/2022/QĐ-UBND ngày 03/10/2022; phối hợp Ủy ban nhân dân huyện Ứng Hòa, Sở Tài nguyên và Môi trường để được hướng dẫn, hoàn thiện các thủ tục về đất đai theo quy định pháp luật.

- Liên hệ Sở Tài nguyên và Môi trường để được hướng dẫn thực hiện thủ tục về môi trường theo đúng quy định Luật Bảo vệ môi trường; Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

- Liên hệ với Công an thành phố Hà Nội để được hướng dẫn và thực hiện công tác phòng cháy và chữa cháy; Liên hệ với Cục Thuế thành phố Hà Nội để thực hiện nghĩa vụ tài chính đúng quy định pháp luật hiện hành và chỉ đạo của UBND Thành phố tại Thông báo số 363/TB-UBND ngày 16/4/2018.

- Thực hiện chế độ báo cáo theo đúng quy định tại Thông tư số 28/2020/TT-BCT ngày 16/11/2020 của Bộ Công Thương quy định, hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Nghị định số 68/2017/NĐ-CP ngày 25/5/2017 của Chính phủ về quản lý, phát triển cụm công nghiệp và Nghị định số 66/2020/NĐ-CP ngày 11/6/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 68/2017/NĐ-CP.

- Sử dụng đất đúng mục đích để xây dựng công trình theo quyết định giao đất, cho thuê đất. Không được chuyển đơn vị khác thực hiện dự án khi chưa được Ủy ban nhân dân Thành phố chấp thuận.

- Tuyệt đối không được bố trí đơn vị ở, lưu trú, trung tâm thương mại trong phạm vi ranh giới cụm công nghiệp.

- Thực hiện đúng các cam kết, đúng tiến độ đã đề nghị điều chỉnh tại các văn bản của Công ty cổ phần Hà Thành - BQP (Chủ đầu tư Cụm công nghiệp Xà Cầu - Giai đoạn 2, huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội): Đơn đề nghị số 2906/BC-HT ngày 29/6/2022 đề nghị gia hạn dự án xây dựng hạ tầng kỹ thuật Cụm công nghiệp Xà Cầu - Giai đoạn 2; Báo cáo số 3005.02/2022/BC ngày 30/5/2022 Báo cáo tình hình thực hiện dự án Cụm công nghiệp Xà Cầu - Giai đoạn 2; Báo cáo số 3005/BCGSĐGĐT ngày 30/5/2022 báo cáo giám sát, đánh giá điều chỉnh dự án đầu tư dự án Xây dựng hạ tầng kỹ thuật Cụm công nghiệp Xà Cầu - Giai đoạn 2; Văn bản số 3005.1/2022/CK-HT ngày 30/5/2022 cam kết về việc thực hiện dự án đầu tư theo tiến độ đã đề nghị điều chỉnh; Văn bản số 3005.2/2022/CK-HT ngày 30/5/2022 cam kết thực hiện đầy đủ các quy định pháp luật trong quá trình hoạt động và thực hiện đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật Cụm công nghiệp Xà Cầu - Giai đoạn 2; Văn bản số 3005/BC-HT ngày 30/5/2022 điều chỉnh tiến độ thực hiện dự án xây dựng hạ tầng kỹ thuật Cụm công nghiệp Xà Cầu - Giai đoạn 2. Trường hợp vi phạm, sẽ bị thu hồi không bồi hoàn.

2. Trách nhiệm của các cơ quan có liên quan: Các Sở, ngành, đơn vị liên quan khác căn cứ chức năng nhiệm vụ của mình có trách nhiệm kiểm tra, hướng dẫn, giải quyết các thủ tục triển khai tiếp theo của dự án cho Chủ đầu tư theo quy định hiện hành của Nhà nước và Thành phố.

Điều 4. Quyết định có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND Thành phố; Giám đốc các Sở: Công Thương, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Quy hoạch Kiến trúc, Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng, Giao thông Vận tải, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Giám đốc Công an thành phố Hà Nội; Cục trưởng Cục Thuế thành phố Hà Nội; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Ứng Hòa; Giám đốc Công ty cổ phần Hà Thành - BQP và các tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

Nơi nhận: Như

- Như Điều 4;
- Bộ Công Thương;
- Chủ tịch UBND Thành phố;
- PCT UBND TP Nguyễn Văn Quang;
- VPUB: PCVP.N.M. Quan Đ.T. TNMT, FH;
- Lưu: VT.; KTN

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Mạnh Quyền

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 6334 /QĐ-UBND

Hà Nội, ngày 09 tháng 12 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc điều chỉnh Quyết định thành lập Cụm công nghiệp Xà Cầu - Giai đoạn 2, huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội (Quyết định số 383/QĐ-UBND ngày 17/01/2020 và Quyết định số 4395/QĐ-UBND ngày 10/11/2022 của UBND thành phố Hà Nội)

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2019;

Căn cứ Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 ngày 28/11/2023;

Căn cứ Luật Đầu tư năm 2020; Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;

Căn cứ Luật Đất đai năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 32/2024/NĐ-CP ngày 15/3/2024 của Chính phủ về quản lý, phát triển cụm công nghiệp;

Căn cứ Thông tư 14/2024/TT-BCT ngày 15/8/2024 của Bộ Công Thương quy định chế độ báo cáo định kỳ về cụm công nghiệp, cơ sở dữ liệu cụm công nghiệp cả nước và một số mẫu văn bản về quản lý, phát triển cụm công nghiệp;

Căn cứ Nghị quyết số 01-NQ/BCS ngày 26/10/2023 của Ban cán sự đảng UBND Thành phố về việc tháo gỡ khó khăn trong việc triển khai, thực hiện các cụm công nghiệp thành lập theo quy định tại Nghị định số 68/2017/NĐ-CP, Nghị định số 66/2020/NĐ-CP của Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 33/2022/QĐ-UBND ngày 03/10/2022 của UBND Thành phố Hà Nội ban hành Quy chế quản lý cụm công nghiệp trên địa bàn thành phố Hà Nội;

Quyết định số 383/QĐ-UBND ngày 17/01/2020 của UBND thành phố Hà Nội về việc thành lập Cụm công nghiệp Xà Cầu - Giai đoạn 2, huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội; Quyết định số 4395/QĐ-UBND ngày 10/11/2022 của UBND thành phố điều chỉnh Quyết định số 383/QĐ-UBND ngày 17/01/2020;

Xét hồ sơ kèm theo các văn bản Công ty cổ phần Hà Thành - BQP (Chủ đầu tư Cụm công nghiệp Xà Cầu - Giai đoạn 2, huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội): Văn bản 136/BC-HT ngày 29/7/2024 đề nghị điều chỉnh tổng mức đầu tư, thời gian tiến độ thực hiện dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật Cụm công nghiệp Xà Cầu - Giai đoạn 2; Báo cáo số 137/BC-CT ngày 27/9/2024 tiến độ thực hiện dự án; Báo cáo số 138/BCGSĐGĐT giám sát, đánh giá điều chỉnh dự án; Văn bản số 139/CK-HT ngày 27/9/2024 cam kết về việc thực hiện dự án đầu tư theo tiến độ đề nghị điều chỉnh; Văn bản số 140/CK-HT ngày 27/9/2024 cam kết thực hiện đầy đủ các quy định pháp luật trong quá trình hoạt động và thực hiện đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công



nghiệp; văn bản số 148/HT-CV ngày 11/10/2024 về việc bổ sung cam kết cung cấp tín dụng; văn bản số 162/HT-CV ngày 15/11/2024 giải trình ý kiến điều chỉnh Quyết định thành lập Cụm công nghiệp Xà Cầu – Giai đoạn 2, huyện Ứng Hòa;

Theo ý kiến thẩm định của các Sở, ngành: Sở Kế hoạch và Đầu tư tại văn bản số 4602/KH&ĐT-KTN ngày 18/10/2024; Sở Tài chính tại văn bản số 6453/STC-TCĐT ngày 16/10/2024; Sở Tài nguyên và Môi trường tại văn bản số 8205/STNMT-QHKHSDĐ ngày 15/10/2024; Sở Xây dựng tại văn bản số 8540/SXD-QLXD ngày 17/10/2024; Cục Thuế thành phố Hà Nội tại văn bản số 55668/CTHN-QLĐ ngày 14/10/2024; UBND huyện Ứng Hòa tại văn bản số 2260/UBND-KT ngày 10/10/2024; Báo cáo thẩm định số 292/BC-SCT ngày 20/11/2024 của Sở Công Thương,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Một số nội dung tại Quyết định số 383/QĐ-UBND ngày 17/01/2020 và Quyết định số 4395/QĐ-UBND ngày 10/11/2022 của UBND thành phố Hà Nội được điều chỉnh như sau:

1. Chấp thuận điều chỉnh tiến độ thực hiện đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật tại Điều 1 Quyết định số 383/QĐ-UBND ngày 17/01/2020 và Điều 1 Quyết định số 4395/QĐ-UBND ngày 10/11/2022 của UBND thành phố Hà Nội về việc thành lập Cụm công nghiệp Xà Cầu - Giai đoạn 2, huyện Ứng Hòa như sau

“8. Tiến độ thực hiện dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật: Hoàn thành xây dựng hạ tầng kỹ thuật và đưa vào hoạt động: Tháng 9/2025.”

(Nhà đầu tư phải tập trung mọi nguồn lực để thực hiện dự án theo đúng tiến độ đề nghị điều chỉnh. Trường hợp không triển khai đúng tiến độ do các nguyên nhân chủ quan, Chủ đầu tư hoàn toàn chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật và UBND Thành phố)”

2. Ghi nhận nội dung thay đổi tổng mức vốn đầu tư, cơ cấu nguồn vốn đầu tư tại Điều 1 Quyết định số 383/QĐ-UBND ngày 17/01/2020 của UBND thành phố Hà Nội về việc thành lập Cụm công nghiệp Xà Cầu - Giai đoạn 2, huyện Ứng Hòa như sau:

“7. Tổng mức vốn đầu tư, cơ cấu nguồn vốn đầu tư:

a) Tổng mức đầu tư: khoảng 283,846 tỷ đồng.

b) Cơ cấu nguồn vốn đầu tư:

+ Vốn tự có của Chủ đầu tư (20%): 56,770 tỷ đồng;

+ Vốn vay và vốn huy động hợp pháp khác (80%): 227,076 tỷ đồng.

(Nhà đầu tư hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính chính xác của sơ bộ tổng mức đầu tư điều chỉnh theo quy định của pháp luật và chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc điều chỉnh tổng mức đầu tư)”

Điều 2. Các nội dung khác không thay đổi, thực hiện theo Quyết định số 383/QĐ-UBND ngày 17/01/2020 và Quyết định số 4395/QĐ-UBND ngày 10/11/2022 của UBND thành phố Hà Nội.

Điều 3. Trách nhiệm của các đơn vị liên quan.

1. Trách nhiệm của Chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp:

- Hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính trung thực, tính chính xác của hồ sơ, tài liệu gửi kèm theo hồ sơ đề nghị điều chỉnh Quyết định thành lập Cụm công nghiệp Xà Cầu - Giai đoạn 2, huyện Ứng Hòa; Chịu trách nhiệm và đảm bảo về vốn chủ sở hữu để thực hiện dự án đúng quy định hiện hành của Nhà nước và Thành phố.

- Chịu trách nhiệm đầu tư, khớp nối đồng bộ, duy tu, bảo dưỡng và khai thác hệ thống thu gom xử lý nước thải giai đoạn 1 và giai đoạn 2 Cụm công nghiệp Xà Cầu theo đúng quy định pháp luật và Thành phố.

- Trong quá trình thực hiện dự án, Chủ đầu tư phải thực hiện trách nhiệm đã quy định tại Quyết định số 383/QĐ-UBND ngày 17/01/2020, Quyết định số 4395/QĐ-UBND ngày 10/11/2022 của UBND thành phố Hà Nội; tuân thủ đúng quy định về quy hoạch, đầu tư, đất đai, xây dựng, môi trường... của pháp luật hiện hành và Quy chế quản lý cụm công nghiệp ban hành kèm Quyết định số 33/2022/QĐ-UBND ngày 03/10/2022 của UBND thành phố Hà Nội; phối hợp UBND huyện Ứng Hòa, Sở Tài nguyên và Môi trường để được hướng dẫn, hoàn thiện các thủ tục về đất đai theo quy định pháp luật.

- Liên hệ Sở Tài nguyên và Môi trường để được hướng dẫn thực hiện thủ tục về môi trường theo đúng quy định Luật Bảo vệ môi trường; Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

- Liên hệ với Công an thành phố Hà Nội để được hướng dẫn và thực hiện công tác phòng cháy và chữa cháy; Liên hệ với Cục Thuế thành phố Hà Nội để thực hiện nghĩa vụ tài chính đúng quy định pháp luật hiện hành và chỉ đạo của UBND Thành phố tại Thông báo số 363/TB-UBND ngày 16/4/2018.

- Thực hiện chế độ báo cáo theo đúng quy định tại Nghị định số 32/2024/NĐ-CP ngày 15/3/2024 của Chính phủ và Thông tư số 14/2024/TT-BCT ngày 15/8/2024 của Bộ Công Thương.

- Sử dụng đất đúng mục đích để xây dựng công trình theo quyết định giao đất, cho thuê đất. Không được chuyển đơn vị khác thực hiện dự án khi chưa được UBND thành phố Hà Nội chấp thuận.

- Tuyệt đối không được bố trí đơn vị ở, lưu trú, trung tâm thương mại trong phạm vi ranh giới cụm công nghiệp.

- Thực hiện đúng các cam kết, đúng tiến độ đã đề nghị điều chỉnh tại các văn bản Công ty cổ phần Hà Thành - BQP: Văn bản 136/BC-HT ngày 29/7/2024 đề nghị điều chỉnh tổng mức đầu tư, thời gian tiến độ thực hiện dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật Cụm công nghiệp Xà Cầu - Giai đoạn 2; Báo cáo số 137/BC-CT ngày 27/9/2024 tiến độ thực hiện dự án; Báo cáo số 138/BCGSĐGĐT giám sát, đánh giá điều chỉnh dự án; Văn bản số 139/CK-HT ngày 27/9/2024 cam kết về việc thực hiện dự án đầu tư theo tiến độ đề nghị điều chỉnh; Văn bản số 140/CK-HT ngày 27/9/2024 cam kết thực hiện đầy đủ các quy định pháp luật trong quá trình hoạt động và thực hiện đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp; văn bản số 148/HT-CV ngày 11/10/2024 về việc bổ sung cam kết cung cấp tín dụng; văn bản số 162/HT-CV ngày 15/11/2024 giải trình ý kiến điều chỉnh Quyết định thành lập Cụm công nghiệp Xà Cầu - Giai đoạn 2, huyện Ứng Hòa.



2. Trách nhiệm của các cơ quan có liên quan:

- Các Sở, ngành, đơn vị liên quan khác căn cứ chức năng nhiệm vụ của mình có trách nhiệm kiểm tra, hướng dẫn, giải quyết các thủ tục triển khai tiếp theo của dự án cho Chủ đầu tư theo quy định hiện hành của Nhà nước và Thành phố.

- UBND huyện Ứng Hòa hướng dẫn Công ty cổ phần Hà Thành – BQP và các doanh nghiệp, cơ sở kinh doanh hoạt động trong Cụm công nghiệp Xà Cầu thực hiện đúng quy định tại Điều 14 Quy chế quản lý cụm công nghiệp trên địa bàn Thành phố ban hành kèm theo Quyết định số 33/2022/QĐ-UBND ngày 03/10/2022 của UBND Thành phố; chịu trách nhiệm kiểm tra, giám sát việc chấp hành quy định về đầu tư, xây dựng, bảo vệ môi trường, phòng cháy chữa cháy...trong cụm công nghiệp.

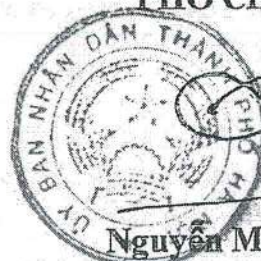
Điều 4. Quyết định có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND Thành phố; Giám đốc các Sở: Công Thương, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Quy hoạch Kiến trúc, Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng, Giao thông Vận tải, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Giám đốc Công an thành phố Hà Nội; Cục trưởng Cục Thuế thành phố Hà Nội; Chủ tịch UBND huyện Ứng Hòa; Công ty cổ phần Hà Thành - BQP và các tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Bộ Công Thương;
- Chủ tịch UBND Thành phố;
- PCT UBND TP Nguyễn Mạnh Quyền;
- VPUB: PCVPĐ.Q.Hùng, ĐT, TNMT, TH;
- Lưu: VT; KTN_(lưu).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Mạnh Quyền

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN ỨNG HÒA**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 07 /QĐ-UBND

Ứng Hòa, ngày 11 tháng 01 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt Quy hoạch chi tiết
Cụm công nghiệp Xà Cầu (đối với khu mở rộng)
Địa điểm : xã Quảng Phú Cầu – Huyện Ứng Hòa- Thành phố Hà Nội.**

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN ỨNG HÒA

Căn cứ:

Luật Quy hoạch đô thị ngày 17/06/2009 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/06/2014 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Luật Đất đai số 45/2013/QH13 ngày 29/11/2013 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Luật Bảo vệ môi trường số 55/2014/QH13 ngày 23/06/2014 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/04/2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị;

Nghị định số 38/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 04 năm 2010 của Chính phủ về Quản lý không gian, kiến trúc cảnh quan đô thị;

Nghị định 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường, cam kết bảo vệ môi trường;

Nghị định 44/2015/NĐ-CP ngày 06/05/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Quyết định số 04/2008/QĐ-BXD ngày 03/4/2008 của Bộ Xây dựng về việc ban hành Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về Quy hoạch xây dựng

Tiêu chuẩn Việt Nam về Xi nghiệp công nghiệp - Tổng mặt bằng - tiêu chuẩn thiết kế (tiêu chuẩn Việt Nam 4514-1988);

Thông tư số 01/2011/TT-BXD ngày 27/01/2011 của Bộ Xây dựng hướng dẫn đánh giá môi trường chiến lược trong đồ án quy hoạch xây dựng, quy hoạch đô thị;

Thông tư số 12/2016/TT-BXD ngày 29/06/2016 của Bộ xây dựng quy định về hồ sơ nhiệm vụ và đồ án Quy hoạch xây dựng vùng, Quy hoạch đô thị và quy hoạch xây dựng khu chức năng đặc thù;

Quyết định số 5325/QĐ-UBND ngày 16/10/2014 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội về việc phê duyệt quy hoạch chung xây dựng huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội;



Công văn số 9623/UBND-CT ngày 09/12/2014 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội về việc chấp thuận cho phép triển khai việc thành lập, mở rộng cụm công nghiệp trên địa bàn thành phố;

Quyết định số 240/QĐ-UBND, ngày 30/3/2017 của Ủy ban nhân về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án: Lập quy hoạch chi tiết cụm công nghiệp Xà Cầu và lập quy hoạch chi tiết cụm công nghiệp Cầu Bàu, xã Quảng Phú Cầu, huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội;

Xét đề nghị của Phòng quản lý đô thị tại tờ trình số:08/TTr-QLĐT ngày 05/01/2018

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Phê duyệt Quy hoạch chi tiết Cụm công nghiệp Xà Cầu – Xã Quảng Phú Cầu- Huyện Ứng Hòa- TP Hà Nội (đối với khu mở rộng) với những nội dung chủ yếu sau:

1. Tên đồ án : Quy hoạch chi tiết Cụm công nghiệp Xà Cầu – Xã Quảng Phú Cầu- Huyện Ứng Hòa- TP Hà Nội (đối với khu mở rộng).

Địa điểm : tại xã Quảng Phú Cầu, huyện Ứng Hòa, Hà Nội.

2. Phạm vi, ranh giới, quy mô nghiên cứu lập quy hoạch:

a/ Phạm vi nghiên cứu lập quy hoạch:

Khu đất lập Quy hoạch chi tiết cụm công nghiệp Xà Cầu nằm trong xã Quảng Phú Cầu, Huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội, được giới hạn như sau:

Phía Bắc giáp cánh đồng Cửa Đình, Hồ Bom.

Phía Đông giáp điểm công nghiệp 2,1 ha cạnh quốc lộ 21B.

Phía Nam giáp cánh đồng Chùa Dâu.

Phía Tây giáp cánh đồng Chuôm Tiều.

b/ Quy mô:

Tổng diện tích đất trong phạm vi nghiên cứu lập quy hoạch khoảng : 79246m², bao gồm chủ yếu là đất nông nghiệp

Dự kiến dân số lao động trong khu vực quy hoạch: 900 lao động.

3. Mục tiêu lập quy hoạch:

Tập trung và giải quyết nhu cầu phát triển của các làng nghề trên địa bàn xã Quảng Phú Cầu, huyện Ứng Hòa.

Lập kế hoạch khai thác và quản lý sử dụng quỹ đất một cách hợp lý, tạo lập môi trường không gian, kiến trúc cảnh quan phù hợp với sự phát triển của khu vực.

Tăng nguồn thu cho ngân sách, làm động lực thúc đẩy quá trình dịch chuyển cơ cấu kinh tế địa phương, giải quyết việc làm cho người lao động, tăng trưởng kinh tế - xã hội trong khu vực.

Góp phần xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật đồng bộ, áp dụng tiến bộ khoa học kinh tế hiện đại vào quản lý môi trường, quy hoạch kiến trúc, công nghiệp...

Làm cơ sở pháp lý để Chủ đầu tư lập dự án đầu tư xây dựng và thực hiện việc xây dựng theo quy hoạch.

Đề xuất quy định quản lý xây dựng theo quy hoạch làm cơ sở lập dự án đầu tư xây dựng và là cơ sở pháp lý để các cơ quan chính quyền địa phương tổ chức quản lý xây dựng quy hoạch được phê duyệt.

4. Nội dung quy hoạch chi tiết:

4.1. Hiện trạng sử dụng đất và dân cư:

a/ Đất đai và công trình kiến trúc:

Khu vực nghiên cứu hiện trạng chủ yếu là diện tích nông nghiệp, gần trục giao thông đối ngoại (đường quốc lộ 21B) thuận lợi cho việc triển khai đầu tư xây dựng khu công nghiệp.

Bảng tổng hợp hiện trạng sử dụng đất				
Bảng thống kê chi tiết các loại đất hiện trạng				
STT	Loại đất	Ký hiệu	Diện tích (m ²)	Tỷ lệ (%)
	Diện tích đất nghiên cứu lập quy hoạch		79.246	100,0
1	Đất nông nghiệp	LUC	73.951	93,32
2	Mặt nước	MN	0	0,00
3	Đường đất, đường bờ thửa	GT	5.295	6,68

Hiện trạng kiến trúc: khu đất không có công trình kiến trúc nào. Khi dự án được thu hồi đất chủ đầu tư đền bù tài sản có trên mặt bằng khu đất theo quy định hiện hành của nhà nước.

Địa hình: Địa hình khu đất Quy hoạch khá bằng phẳng có ruộng canh tác và nương máng chủ yếu là đất trũng. Tuy nhiên do giao thông tương đối thuận lợi nên việc san lấp mặt bằng là dễ dàng và thuận lợi.

b/ Dân cư:

Trong phạm vi ranh giới khu đất đề nghị giao chủ đầu tư thực hiện dự án đầu tư là ruộng trồng lúa và hoa màu không hiệu quả. Khu vực không có dân cư sinh sống.

4.2. Hiện trạng hệ thống hạ tầng kỹ thuật:

- **Giao thông:** chạy dọc phía Đông là quốc lộ 21b qua với bề rộng mặt đường 7m đã được nhựa hóa và đang sử dụng tốt.

Giao thông trong khu đất chủ yếu là đường đất.

- **Thoát nước:**

+ **Nước bản:** Hiện tại trong khu vực chưa có hệ thống thoát nước thải. Nước thải chủ yếu thoát ra các nương nước trong khu đất rồi thoát và hệ thống nương tưới tiêu của đồng ruộng.

+ **Nước mưa:** Khu đất dự kiến quy hoạch hiện trạng chủ yếu là đất ao và ruộng, việc tiêu thoát nước chủ yếu thông qua mạng lưới nương tưới tiêu hiện có trong khu vực.

- **Cấp nước:** Trong khu vực nghiên cứu không có công trình cấp nước sạch.

- **Cấp điện:** Hiện tại khu vực nghiên cứu có đường điện trung thế 35kv chạy từ Bắc xuống Nam.

- **Hệ thống thông tin liên lạc:** Khu vực dự án nằm trong vùng phủ sóng của hệ thống các mạng điện thoại Mobile Phone, Vina Phone, Viettel Telecom và một số mạng thông tin viễn thông khác

4.3. Quy hoạch sử dụng đất:

4.3.1. Tính chất:

Là cụm tiểu thủ công nghiệp tập trung nhiều cơ sở ngành nghề sản xuất kinh doanh, tập trung thu hút đầu tư vào các nhóm ngành hỗ trợ thuộc các lĩnh vực: đồ gỗ, nhựa, cơ khí chế tạo, dệt may, da – giấy, điện tử tin học,và một số ngành công nghiệp khác.

4.3.2. Cơ cấu quy hoạch:

Tổng diện tích nghiên cứu lập quy hoạch chi tiết khoảng 79246 m², bao gồm:

- Đất cây xanh diện tích 8141.5 m² chiếm 10,27%.

- Đất nhà xưởng sản xuất diện tích khoảng 49076.5 m² chiếm 61,93%:

Cụ thể thành phần chức năng sử dụng đất như sau:

Bảng tổng hợp quy hoạch sử dụng đất				
STT	Loại đất	Ký hiệu	Diện tích (m ²)	Tỷ lệ (%)
	Diện tích đất nghiên cứu lập quy hoạch		79.246	100,0
1	Đất nhà xưởng sản xuất	CN	49.076,5	61,93
2	Đất cây xanh	CX	8.141,5	10,27
3	Đất hạ tầng kỹ thuật	HT	800	1,01
4	Đất công trình hành chính điều hành	CC	836	1,05
3	Đất giao thông	GT	20.392	25,73

4.3.3. Phân khu chức năng:

Tổng diện tích đất quy hoạch cụm công nghiệp Xà Cầu khoảng 79.246 m² được phân thành 04 khu chính: khu đất nhà xưởng sản xuất, khu cây xanh, khu hạ tầng kỹ thuật và trung tâm hành chính điều hành của cụm công nghiệp

a. Đất xây dựng nhà xưởng sản xuất: xây dựng các nhà xưởng sản xuất với các ngành nghề: Cơ khí, da – giấy, điện tử - tin học, sản xuất và lắp ráp nhựa..vv có tổng diện tích đất khoảng 49.076,5 m², bao gồm 13 ô đất ký hiệu từ CN-01 đến CN-13 với mật độ xây dựng khoảng 70%, tầng cao 1 tầng, cụ thể như sau:

- Ô đất ký hiệu CN-01: diện tích đất khoảng 1.884,3 m²;
- Ô đất ký hiệu CN-02: diện tích đất khoảng 4.015,1 m²;
- Ô đất ký hiệu CN-03: diện tích đất khoảng 4.166,5 m²;
- Ô đất ký hiệu CN-04: diện tích đất khoảng 4.372,7 m²;
- Ô đất ký hiệu CN-05: diện tích đất khoảng 4.523,7 m²;
- Ô đất ký hiệu CN-06: diện tích đất khoảng 4.593,1 m²;
- Ô đất ký hiệu CN-07: diện tích đất khoảng 3.652,3 m²;
- Ô đất ký hiệu CN-08: diện tích đất khoảng 3.651 m²;
- Ô đất ký hiệu CN-09: diện tích đất khoảng 3.670,3 m²;
- Ô đất ký hiệu CN-10: diện tích đất khoảng 3.696 m²;
- Ô đất ký hiệu CN-11: diện tích đất khoảng 3.715 m²;
- Ô đất ký hiệu CN-02: diện tích đất khoảng 3.737,7 m²;
- Ô đất ký hiệu CN-02: diện tích đất khoảng 3.595,2 m²;

- b. Đất xây dựng trung tâm hành chính điều hành:

- Quy hoạch 1 điểm xây dựng trung tâm hành chính điều hành cụm công nghiệp với quy mô diện tích đất 836 m², mật độ xây dựng khoảng 40%, tầng cao trung bình 2 tầng

c. Đất cây xanh, mặt nước: tổng diện tích khoảng 8.141,5 m², bao gồm 07 ô đất ký hiệu từ CX-01 đến CX-07 cụ thể như sau:

- Ô đất ký hiệu CX-01: diện tích đất khoảng 2.280 m²;
- Ô đất ký hiệu CX-02: diện tích đất khoảng 1.853 m²;
- Ô đất ký hiệu CX-03: diện tích đất khoảng 1.854 m²;
- Ô đất ký hiệu CX-04 : diện tích đất khoảng 677 m²;
- Ô đất ký hiệu CX-05: diện tích đất khoảng 651 m²;
- Ô đất ký hiệu CX-06 : diện tích đất khoảng 474 m²;
- Ô đất ký hiệu CX-07 : diện tích đất khoảng 352,5m²;

d. Đất hạ tầng kỹ thuật:

Xây dựng trạm xử lý nước thải phục vụ cho khu vực, có diện tích đất khoảng 800 m², tầng cao trung bình 01 tầng, mật độ xây dựng khoảng 40%, gồm 01 ô đất ký hiệu HTKT-01;

e. Hệ thống đường giao thông:

Hệ thống đường giao thông diện tích 20.392 m², bố trí 1 điểm quay xe khu vực nút số 6 với kích thước 12m x 12m.

BẢNG THÔNG KÊ CHI TIẾT CÁC CHỈ TIÊU QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT

ST T	LOẠI ĐẤT	KÝ HIỆU	DIỆN TÍCH LÔ ĐẤT	MẬT ĐỘ XÂY DỰNG	TẦNG CAO TB	HS SDD	DIỆN TÍCH XÂY DỰNG	TỔNG DIỆN TÍCH SÀN	TỶ LỆ
			(m2)	(%)	(tầng)	(lần)	(m2)	(m2)	(%)
1	Đất nhà xưởng sản xuất	CN	49.076,5						61,93
		cn-01	1.884,3	70	1	0.7	1.319,01	1.319,01	
		cn-02	4.015,1	70	1	0.7	2.810,57	2.810,57	
		cn-03	4.166,5	70	1	0.7	2.916,55	2.916,55	
		cn-04	4.372,7	70	1	0.7	3.060,89	3.060,89	
		cn-05	4.523,7	70	1	0.7	3.166,59	3.166,59	
		cn-06	4.593,1	70	1	0.7	3.215,17	3.215,17	
		cn-07	3.090,6	70	1	0.7	2.163,42	2.163,42	
		cn-08	3.652,3	70	1	0.7	2.556,61	2.556,61	
		cn-09	3.670,3	70	1	0.7	2.569,21	2.569,21	
		cn-10	3.696	70	1	0.7	2.587,2	2.587,2	
		cn-11	3.715	70	1	0.7	2.600,5	2.600,5	
		cn-12	3.737,7	70	1	0.7	2.616,39	2.616,39	
		cn-13	3.959,2	70	1	0.7	2.771,44	2.771,44	
2	Đất cây xanh		8.141,5						10,27
		cx-01	2.280	0	0	0	0	0	
		cx-03	1.854	0	0	0	0	0	
		cx-04	677	0	0	0	0	0	
		cx-05	651	0	0	0	0	0	
		cx-06	474	0	0	0	0	0	
		cx-07	352,5	0	0	0	0	0	
		cx2	1.853	0	0	0	0	0	
3	Đất hạ tầng kỹ thuật	ht-01	800	40	1	0.4	320	320	1,01
4	Đất công trình hành chính điều hành	cc-01	836	40	2	0.8	334,4	668,8	1,05
5	Đất giao thông		20.392						25,73
6	Tổng		79.246						100

4.4. Định hướng tổ chức không gian:

Liên kết hữu cơ các cơ cấu quy hoạch cũng như các công trình thành phần giữa khu đất nhà xưởng, khu cây xanh mặt nước, cây xanh cách ly và hệ thống giao thông nội bộ thành một tổng thể bố cục kiến trúc cảnh quan hài hòa, đảm bảo được tính chất của đồ án quy hoạch, tăng hiệu năng, hiệu quả sử dụng đất. Bố trí quy hoạch cây xanh, sân bãi kết hợp với các cụm công trình theo quy hoạch hài hòa, tạo ra một cụm công nghiệp với quy hoạch có hạ tầng kỹ thuật đồng bộ và mỹ quan, môi trường xanh, sạch, đẹp.

Tổng thể khu quy hoạch được phân khu chức năng rõ ràng, các hạng mục công trình được bố trí hợp lý để nâng cao hiệu quả sử dụng và thuận tiện cho việc quản lý vận hành cụm công nghiệp.

Khu đất được quy hoạch phát triển theo trục giao thông chính Đông Tây nối từ cụm công nghiệp qua quốc lộ 21B.

Các khu chức năng trong cụm công nghiệp được phân chia, bố trí dọc theo các trục đường giao thông, chủ yếu là các khu đất nhà xưởng kết hợp hệ thống cây xanh, khu đất xây dựng nhà hành chính điều hành cụm công nghiệp được bố trí tại nơi có tầm nhìn tốt bám theo trục chính giao thông đi lại thuận lợi. Công trình nằm đầu khu kết hợp với mật độ xây dựng thấp chủ yếu là sân vườn tạo cảnh quan môi trường tiện nghi, gần gũi với thiên nhiên.

Bố trí dải cây xanh cách ly kết hợp các khu cây xanh tập trung tại khu vực cụm công nghiệp với mật độ hơn 10% giúp cải tạo cảnh quan và môi trường

Hệ thống giao thông liên mạch kết nối các khu chức năng trong dự án, hệ thống đường khu vực và đường nội bộ tạo liên kết chặt chẽ và đảm bảo an toàn

4.5. Quy hoạch hạ tầng kỹ thuật:

4.5.1. Quy hoạch giao thông:

Mạng đường đối ngoại: Đường quốc lộ nằm ngoài ranh giới dự án theo quy hoạch chung có bề rộng 35m, hè hai bên mỗi bên 6m, lòng đường 10,5mx2, giải phân cách giữa 2m

Mạng đường chính cụm công nghiệp: Được xác định đảm bảo mối liên hệ giao thông từ bên trong khu vực nghiên cứu ra trục đường chính, đảm bảo sự đầu nối hợp lý không gây ra ách tắc giao thông trong tương lai, cụ thể tuyến đường quy hoạch như sau:

Tuyến đường trục chính cụm công nghiệp có mặt cắt 1 - 1: bề rộng mặt cắt ngang 11.5m, trong đó:

*Lòng đường chiều rộng lòng đường 7,5m,

*Hè đường 2x2m.

4.4.2. Quy hoạch chuẩn bị kỹ thuật:

- Hướng thoát nước:

+ Hướng thoát nước khu quy hoạch gồm các lưu vực thoát nước chính theo từng lô cụm công nghiệp rồi theo trục giao thông thoát về phía Nam dự án rồi thoát ra mương hiện trạng

- Mạng lưới thoát nước:

+ Xây dựng các tuyến rãnh nắp đan tiết diện B400-B800 dọc các tuyến đường quy hoạch để thu gom nước mưa đưa khu hạ tầng kỹ thuật phía Nam dự án.

* San nền:

Cao độ san nền khu quy hoạch: $H_{min} = 4,5m$.

4.4.3. Quy hoạch thoát nước thải và vệ sinh môi trường:

* Thoát nước thải:

- Xây dựng hệ thống thoát nước thải riêng với thoát nước mưa.
- Các tuyến ống thoát nước thải sử dụng ống BTCT đúc sẵn đặt trên hè đường để thu nước thải từ các khu xưởng sản xuất dẫn tự chảy về trạm xử lý nước thải tập trung của cả cụm công nghiệp. Các hố ga được xây dựng cách nhau 30-50m. Trạm xử lý nước thải đặt tại vị trí phía Nam cụm công nghiệp với tổng công suất 2 giai đoạn 300m³/ngàyđ, trong đó giai đoạn I có công suất 160 m³/ngđ cho cụm công nghiệp mở rộng.

- Trạm xử lý nước thải với quy mô dây chuyền công nghệ hiện đại đảm bảo thu gom triệt để và xử lý được hai loại hình nước thải công nghiệp và sinh hoạt, đáp ứng yêu cầu về khoảng cách ly với khu vực xung quanh.

* Vệ sinh môi trường:

- Ở các nơi công cộng như khu vực cây xanh, đường trục chính... đặt các thùng rác nhỏ có nắp kín với khoảng cách 50-100m/thùng. Rác thải sinh hoạt sau khi thu gom được vận chuyển đến khu xử lý rác thải tập trung của thành phố.

4.4.4. Quy hoạch cấp nước:

Hiện tại mạng lưới cấp nước sạch đã cấp nước được cho khu vực nghiên cứu, (chạy qua dự án trên đường quốc lộ), vì vậy trong giai đoạn quy hoạch sử dụng nguồn và đầu nối vào mạng hiện có

Hướng cấp nước từ đường ống của hiện trạng đầu nối vào trong cụm công nghiệp rồi dùng ống phân phối cho các lô sản xuất và phòng cháy chữa cháy cho cụm công nghiệp.

- Mạng lưới đường ống cấp nước phân phối thiết kế mạng vòng kết hợp giữa cấp nước sản xuất, sinh hoạt và chữa cháy theo hệ thống chung, đảm bảo cấp nước liên tục và an toàn với đường kính từ D100 đến D200 đảm bảo cấp nước tới từng ô quy hoạch. Mạng dịch vụ thiết kế là mạng cụt với các tuyến ống có đường kính D40, D50 đầu nối với mạng phân phối cấp nước cho các công trình.

- Cấp nước cứu hỏa: trên mạng phân phối với tuyến cấp nước có đường kính lớn hơn D100 bố trí các trụ cứu hỏa với khoảng cách theo quy chuẩn.

4.4.5. Quy hoạch cấp điện, thông tin liên lạc:

- Nguồn cấp cho khu vực dự án: Trong giai đoạn trước mắt được lấy từ tuyến trung thế 35KV đi qua khu đất.

- Các trạm biến áp được đặt tại các vị trí thuận tiện cho việc quản lý vận hành và phù hợp với cảnh quan kiến trúc của toàn khu trong các ô quy hoạch. Trạm biến áp có cấp điện áp 35(22)/0,4KV để phù hợp trước mắt và lâu dài, (công suất các trạm biến áp đảm bảo đáp ứng nhu cầu phục vụ của trạm và cấp điện chiếu sáng).

- Hệ thống chiếu sáng: Xây dựng trên hè đường, giải phân cách với khoảng cách theo quy định.

4.4.6. Quy hoạch thông tin liên lạc:

- Nguồn cấp cho khu vực dự án từ tổng đài vệ tinh Ứng Hòa, các tuyến cáp thông tin được bố trí ngầm trong của dự án.

4.4.7. Đánh giá tác động môi trường:

- Xác định các vấn đề môi trường chính: chất lượng không khí, tiếng ồn, đất, nước, cây xanh, nước ngầm và vệ sinh môi trường

- Đánh giá và dự báo tác động tới môi trường của phương án quy hoạch.

- Các biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu, cải thiện vấn đề môi trường trong đồ án quy hoạch; Đề xuất danh mục các dự án đầu tư xây dựng cần thực hiện đánh giá tác

động môi trường.

Điều 2: Phòng quản lý Đô Thị chịu trách nhiệm kiểm tra, xác nhận hồ sơ bản vẽ Quy hoạch chi tiết Cụm công nghiệp Xà Cầu, xã Quảng Phú Cầu, huyện Ứng Hòa, TP Hà Nội (đối với khu mở rộng) phù hợp với Quyết định này.

Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện phối hợp với UBND xã Quảng Phú Cầu tổ chức công bố, công khai quy hoạch chi tiết được duyệt theo quy định để các tổ chức, cơ quan và nhân dân biết, thực hiện.

Hồ sơ đồ án quy hoạch chi tiết cụm công nghiệp Xà Cầu được lưu giữ tại UBND huyện, phòng Quản lý đô thị, phòng Tài nguyên và Môi Trường, phòng Kinh tế, Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện, UBND xã Quảng Phú Cầu.

Điều 3: Chánh Văn phòng HĐND&UBND Huyện, Thủ Trưởng các cơ quan: Quản lý Đô Thị, Tài nguyên và Môi trường, Tài chính- kế hoạch, Ban quản lý dự án xây dựng huyện, Chủ tịch UBND xã Quảng Phú Cầu và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3.
- Huyện ủy, HĐND (để báo cáo);
- Chủ tịch UBND;
- Các đ/c Phó chủ tịch UBND;
- Lưu VT/UB.



CHỦ TỊCH
Lê Hồng Hà

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN ỨNG HÒA**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 8244 /QĐ-UBND

Ứng Hòa, ngày 22 tháng 12 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Đồ án điều chỉnh cục bộ Quy hoạch chi tiết
Cụm công nghiệp Xà Cầu (đối với khu mở rộng)**

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN ỨNG HÒA

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương số 77/2015/QH13;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/06/2014;

Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/05/2015 của Chính phủ, về việc Quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24/10/2022 của Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ nhiệm vụ và hồ sơ đồ án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng và quy hoạch nông thôn;

Căn cứ Thông tư số 28/2020/TT-BCT ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Công Thương quy định, hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Nghị định số 68/2017/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ về quản lý, phát triển cụm công nghiệp và Nghị định số 66/2020/NĐ-CP ngày 11 tháng 6 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 68/2017/NĐ-CP;

Căn cứ Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về quy hoạch xây dựng (QCVN 01:2021/BXD); Tiêu chuẩn thiết kế chuyên ngành, các tài liệu có liên quan;

Căn cứ Quyết định số 383/QĐ-UBND ngày 17/1/2020 của UBND thành phố Hà Nội về việc thành lập Cụm công nghiệp Xà Cầu - Giai đoạn 2, huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 33/2022/QĐ-UBND ngày 03/10/2022 của UBND thành phố Hà Nội ban hành Quy chế quản lý cụm công nghiệp trên địa bàn thành phố Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 07/QĐ-UBND ngày 11/01/2018 của UBND huyện Ứng Hòa về việc phê duyệt đồ án Quy hoạch chi tiết Cụm công nghiệp Xà Cầu (đối với khu mở rộng);

Căn cứ Văn bản số 5741/QHKT-ĐTVT ngày 17/11/2023 của Sở Quy hoạch - Kiến trúc Hà Nội về việc hướng dẫn công tác lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 cụm công nghiệp trên địa bàn thành phố Hà Nội;

Căn cứ Văn bản số 5883/QHKT-KHTH ngày 23/11/2023 của Sở Quy hoạch - Kiến trúc Hà Nội về việc tham gia ý kiến Quy hoạch chi tiết cụm công nghiệp Xà Cầu - giai đoạn 2, huyện Ứng Hòa, Hà Nội, tỷ lệ 1/500;



Căn cứ Nghị quyết số 01/NQ-HĐND ngày 16/6/2023 của Hội đồng nhân dân xã Quảng Phú Cầu Về tiếp tục thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế- xã hội, an ninh- quốc phòng 6 tháng cuối năm 2023 của xã Quảng Phú Cầu trong đó có nội dung đề án điều chỉnh;

Xét tờ trình số 0211/HT-CT ngày 28/10/2023 của công ty cổ phần Hà Thành - BQP về việc phê duyệt Đề án điều chỉnh cục bộ Quy hoạch chi tiết Cụm công nghiệp Xà Cầu (đối với khu mở rộng);

Theo Tờ trình số 797/TTr-QLĐT ngày 18/12/2023 của phòng Quản lý đô thị về việc trình phê duyệt Đề án điều chỉnh cục bộ Quy hoạch chi tiết Cụm công nghiệp Xà Cầu (đối với khu mở rộng),

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Đề án điều chỉnh cục bộ Quy hoạch chi tiết Cụm công nghiệp Xà Cầu (đối với khu mở rộng) với những nội dung chủ yếu sau:

1. Đơn vị tổ chức nghiên cứu lập điều chỉnh cục bộ quy hoạch: Công ty cổ phần Hà Thành - BQP.

2. Đơn vị tư vấn lập quy hoạch: Công ty cổ phần tư vấn thiết kế và phát triển đô thị Việt Nam.

3. Cơ quan thẩm định: Phòng Quản lý đô thị huyện Ứng Hòa.

4. Cơ quan phê duyệt: Ủy ban nhân dân huyện Ứng Hòa.

5. Lý do và mục tiêu lập điều chỉnh quy hoạch:

Tuân thủ theo quy định tại Quyết định số 33/2022/QĐ-UBND ngày 03/10/2022 của UBND thành phố Hà Nội ban hành Quy chế quản lý cụm công nghiệp trên địa bàn thành phố Hà Nội.

Thống nhất tên của đề án quy hoạch chi tiết với tên của cụm công nghiệp

Bổ sung các nội dung đảm bảo theo QCVN 01:2021/BXD, Tiêu chuẩn thiết kế chuyên ngành có hiệu lực mới.

6. Nội dung điều chỉnh cục bộ quy hoạch chi tiết:

Chia lại diện tích các ô đất xây dựng nhà xưởng tối thiểu 1000m²/lô đất.

Định hướng vị trí, phạm vi và diện tích phần mở rộng đảm bảo tổng diện tích của cụm công nghiệp Xà Cầu tối thiểu là 15ha.

Điều chỉnh tên đề án từ Quy hoạch chi tiết Cụm công nghiệp Xà Cầu (đối với khu mở rộng) thành Quy hoạch chi tiết xây dựng Cụm công nghiệp Xà Cầu - Giai đoạn 2, huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội, tỷ lệ 1/500. Để thống nhất theo Quyết định số 383/QĐ-UBND ngày 17/01/2020 của UBND thành phố Hà Nội về việc thành lập Cụm công nghiệp Xà Cầu - Giai đoạn 2, huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội.

Bổ sung Quy định chung về kiến trúc, cảnh quan theo chức năng công trình cụ thể như sau:

- Nhà xưởng sản xuất làng nghề: Tầng cao: 1 tầng. Mật độ cây xanh: tối thiểu 20%. Kiến trúc: Hình khối đơn giản, hiện đại theo hình thức nhà xưởng công nghiệp, sử dụng màu sáng. Công trình nhà xưởng xây dựng cách tường phân lô giữa các lô đất (mỗi bên 1m) tạo ra khoảng cách là 2m để tạo hành lang chống cháy lan và bố trí hạ tầng kỹ thuật khu nhà xưởng, trồng cây xanh.

- Nhà trung tâm hành chính điều hành: Tầng cao: 2 tầng. Mật độ cây xanh: tối thiểu 20%. Kiến trúc: Hình khối đơn giản, hiện đại, đa chức năng (quản lý điều hành và dịch vụ công cộng), sử dụng tông màu sáng kết hợp các mảng vách kính tầm lớn.

Khi triển khai xây dựng các công trình nhà xưởng yêu cầu tuân thủ theo quy định trong TCVN 4514:2012 tiêu chuẩn quốc gia về xí nghiệp công nghiệp - tổng mặt bằng - tiêu chuẩn thiết kế và các tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành có liên quan khác.

Nội dung đồ án thực hiện đúng theo quy định tại Điều 37 của Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24/10/2022 của Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ của nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng và quy hoạch nông thôn; và các quy định hiện hành có liên quan

7. Các nội dung khác:

Các nội dung khác giữ nguyên theo đồ án đã được phê duyệt tại quyết định số 07/QĐ-UBND ngày 11/01/2018 của UBND huyện Ứng Hòa về việc phê duyệt quy hoạch chi tiết cụm công nghiệp Xà Cầu (đối với khu mở rộng).

8. Hồ sơ sản phẩm:

Thực hiện theo quy định tại điều 37 của Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24/10/2022 của Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ của nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng và quy hoạch nông thôn; và các quy định hiện hành có liên quan.

9. Tiến độ thực hiện:

Thời gian hoàn thành đồ án điều chỉnh Quy hoạch chi tiết: không quá 06 tháng (Không kể thời gian trình, phê duyệt hồ sơ).

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

Phòng Quản lý đô thị chịu trách nhiệm kiểm tra, xác nhận hồ sơ bản vẽ quy hoạch chung xây dựng xã phù hợp với Quyết định này.

Công ty cổ phần Hà Thành - BQP chủ trì phối hợp với UBND xã Quảng Phú Cầu tổ chức công bố, công khai nội dung Điều chỉnh cục bộ Quy hoạch chi tiết Cụm công nghiệp Xà Cầu (đối với khu mở rộng) cho các tổ chức và cá nhân biết, thực hiện.

Công ty cổ phần Hà Thành - BQP chịu trách nhiệm về công tác quản lý trật tự xây dựng theo quy hoạch được duyệt.

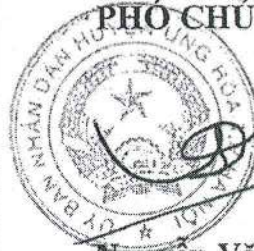
Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký;

Chánh Văn phòng HĐND & UBND huyện; Thủ Trưởng các cơ quan: Quản lý đô thị, Kinh tế, Tài nguyên - Môi Trường, Tài chính - Kế hoạch, Kho Bạc nhà nước Ứng Hòa - Hà Nội, Chủ tịch UBND xã Quảng Phú Cầu; Giám đốc Công ty cổ phần Hà Thành - BQP và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Chủ tịch, các PCT UBND huyện;
- Như điều 3;
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Định



Bảng so sánh cơ cấu sử dụng đất trước và sau điều chỉnh
(Kèm theo Quyết định số **824/QĐ-UBND** ngày **22/12/2023**)

STT	Chức năng sử dụng đất	Nội dung theo quyết định số 07/QĐ-UBND ngày 11/01/2018		Nội dung điều chỉnh		Chênh lệch	
		Diện tích (m2)	Tỷ lệ (%)	Diện tích (m2)	Tỷ lệ (%)	Diện tích (m2)	Tỷ lệ (%)
1	Đất nhà xưởng sản xuất	49.076,5	61,93	49.076,5	61,93	0	0
	CN-01	1.884,3		1.884,3			
	CN-02	4.015,1		4.015,1			
	CN-03	4.166,5		4.166,5			
	CN-04	4.372,7		4.372,7			
	CN-05	4.523,7		4.523,7			
	CN-06	4.593,1		4.593,1			
	CN-07	3.090,6		3.090,6			
	CN-08	3.652,3		3.652,3			
	CN-09	3.670,3		3.670,3			
	CN-10	3.696,0		3.696,0			
	CN-11	3.715,0		3.715,0			
	CN-12	3.737,7		3.737,7			
	CN-13	3.959,2		3.959,2			
2	Đất cây xanh	8.141,5	10,27	8.141,5	10,27	0	0
	CX-01	2.280,0		2.280,0			
	CX-02	1.853,0		1.853,0			
	CX-03	1.854,0		1.854,0			
	CX-04	677,0		677,0			
	CX-05	651,0		651,0			
	CX-06	474,0		474,0			
	CX-07	352,5		352,5			
3	Đất hạ tầng kỹ thuật	799,7	1,01	799,7	1,01	0	0
4	Đất công trình hành chính điều hành	836,3	1,06	836,3	1,06	0	0
5	Đất giao thông	20.392,0	25,73	20.392,0	25,73	0	0
	Tổng	79.246	100	79.246	100	0	0

Số: 333 /QĐ-UBND

Ứng Hòa, ngày 15 tháng 01 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Điều chỉnh Quy hoạch chi tiết Cụm công nghiệp Xà Cầu
giai đoạn 2, tỷ lệ 1/500**

Địa điểm: Thôn Xà Cầu, xã Quảng Phú Cầu, huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội.

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN ỨNG HÒA

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Luật số 47/2019/QH14 ngày 22/11/2019 sửa đổi, bổ sung một số điều của luật tổ chức Chính phủ và luật tổ chức chính quyền địa phương;

Căn cứ Luật xây dựng năm 2014; Luật số 35/2018/QH14 ngày 20/11/2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch; Luật số 62/2020/QH14 ngày 17/6/2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/05/2015 của Chính phủ, về việc Quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng; Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 sửa đổi, bổ sung một số điều của nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24/10/2022 của Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ nhiệm vụ và hồ sơ đồ án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng và quy hoạch nông thôn; Thông tư số 01/2021/TT-BXD ngày 19/05/2021 Ban hành QCVN 01:2021/BXD Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Quy hoạch xây dựng; Thông tư số 15/2023/TT-BXD thông tư ban hành QCVN 07:2023/BXD quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật;

Căn cứ Quyết định số 38/2023/QĐ-UBND ngày 29/12/2023 của UBND Thành phố ban hành quy định một số nội dung về quản lý quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng và kiến trúc trên địa bàn thành phố Hà Nội;

Căn cứ Văn bản số 5741/QHKT-ĐTVT ngày 17/11/2023 của Sở Quy hoạch - Kiến trúc Hà Nội về việc hướng dẫn công tác lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 cụm công nghiệp trên địa bàn thành phố Hà Nội; Văn bản số 4073/QHKT-SQH ngày 12/9/2024 của Sở Quy hoạch - Kiến trúc Hà Nội về việc tham gia ý kiến nội dung điều chỉnh cục bộ quy hoạch chi tiết CCN Xà Cầu giai đoạn 2, xã Quảng Phú Cầu, huyện Ứng Hòa; Văn bản số 6121/QHKT-(SQH+HTKT) ngày 27/12/2024 của Sở Quy hoạch - Kiến trúc Hà Nội về việc tham gia ý kiến về hồ sơ Điều chỉnh cục bộ Quy hoạch chi tiết cụm công nghiệp Xà Cầu giai đoạn 2, xã Quảng Phú Cầu, huyện Ứng Hòa;

Căn cứ Quyết định số 07/QĐ-UBND ngày 11/01/2018 của UBND huyện Ứng Hòa về việc phê duyệt đồ án Quy hoạch chi tiết Cụm công nghiệp Xà Cầu (đối với khu mở rộng); Quyết định số 8241/QĐ-UBND ngày 22/12/2023 của UBND huyện Ứng Hòa phê duyệt đồ án điều chỉnh cục bộ Quy hoạch chi tiết cụm công nghiệp Xà Cầu (đối với khu mở rộng);



Theo đề nghị của Công ty cổ phần Hà Thành - BQP tại Tờ trình số 183/TTr-HT ngày 07/01/2025 và Báo cáo kết quả thẩm định của phòng Quản lý đô thị số 45/BC-QLĐT ngày 15/01/2025 về việc báo cáo kết quả thẩm định điều chỉnh Quy hoạch chi tiết Cụm công nghiệp Xà Cầu giai đoạn 2, tỷ lệ 1/500.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Điều chỉnh Quy hoạch chi tiết Cụm công nghiệp Xà Cầu giai đoạn 2, tỷ lệ 1/500 với những nội dung chủ yếu sau:

1. Về quy hoạch sử dụng đất:

Điều chỉnh ký hiệu các lô đất nhà xưởng sản xuất từ CN thành NX.

Gộp lô CN-08 (Diện tích 3.652,3m²) với một phần lô CX04 (diện tích 305,8m²) với lô CN-09 (diện tích 3670,3m²) thành một lô ký hiệu là **NX-08** diện tích 7.628,4m².

Tăng diện tích đất cây xanh các lô CX02, CX03, CX06, CX07 (diện tích tăng 155,7m²); giảm diện tích cây xanh lô CX04 (diện tích giảm 305,8m²). Tỷ lệ đất cây xanh đạt được sau khi điều chỉnh là 10,1% phù hợp quy định.

Nhà xưởng sản xuất trong lô NX-08 cao tối đa ba tầng.

Nhà xưởng sản xuất trong cụm công nghiệp (trừ nhà xưởng sản xuất trong lô NX-08) cao tối đa hai tầng.

Chiều cao công trình trong cụm công nghiệp phải đảm bảo yếu tố kỹ thuật theo quy định và phù hợp với từng ngành nghề hoạt động chủ yếu trong cụm công nghiệp, phù hợp với Đồ án điều chỉnh này và quy định về PCCC hiện hành cũng như các quy định khác về xây dựng công trình trong cụm công nghiệp. Chiều cao cụ thể của công trình được xác định trong bước lập hồ sơ thiết kế xây dựng công trình được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Nhà điều hành trong đất công cộng hành chính (CC-01) cao tối đa năm tầng.

Khoảng lùi công trình so với Chỉ giới đường đỏ và ranh giới đất: Khoảng lùi 1,5m cho cạnh bên giáp ranh hai lô đất và khoảng lùi 0,5m cho cạnh sau giáp ranh hai lô đất.

Khi triển khai xây dựng các công trình nhà xưởng yêu cầu tuân thủ theo quy định trong TCVN 4514:2012 tiêu chuẩn quốc gia về xí nghiệp công nghiệp - Tổng mặt bằng - Tiêu chuẩn thiết kế và các tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành có liên quan khác.

Các nội dung khác giữ nguyên theo Quyết định số 8241/QĐ-UBND ngày 22/12/2023 và Quyết định số 07/QĐ-UBND ngày 11/01/2018 của UBND huyện Ứng Hòa.

2. Về hệ thống hạ tầng kỹ thuật:

a. Hệ thống giao thông:

Giữ nguyên định hướng thiết kế hệ thống giao thông theo Quyết định số 07/QĐ-UBND ngày 11/01/2018 của UBND huyện Ứng Hòa về việc phê duyệt đồ án Quy hoạch chi tiết Cụm công nghiệp Xà Cầu (đối với khu mở rộng).

Cập nhật phương án tuyến đường Quốc lộ 21B (đoạn từ cầu Xà Kiều xã Quảng Phú Cầu đến đường cụm công nghiệp Bắc Vân Đình xã Liên Bạt), huyện Ứng Hòa, tỷ lệ 1/500 tại Quyết định số 1557/QĐ-UBND ngày 22/3/2024 của UBND thành phố Hà Nội. Phần đất của dự án thuộc đất bảo vệ, bảo trì và hành lang an toàn Quốc lộ 21B chỉ sử dụng vào các mục đích đảm bảo tuân thủ theo quy định

tại Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 và Nghị định số 100/2013/NĐ-CP ngày 03/9/2013 của Chính phủ và các văn bản khác có liên quan về quản lý và bảo vệ kết cấu giao thông đường bộ.

b. Chuẩn bị kỹ thuật:

Giữ nguyên cao độ thiết kế san nền và định hướng thoát nước mưa theo Quyết định số 07/QĐ-UBND ngày 11/01/2018 của UBND huyện Ứng Hòa về việc phê duyệt đồ án Quy hoạch chi tiết Cụm công nghiệp Xà Cầu (đối với khu mở rộng).

c. Hệ thống cấp nước:

Cắt giảm 154m đường ống cấp nước dịch vụ D40 đã quy hoạch cấp nước cho hai lô CN-08 và CN-09.

Bổ sung 98m đường ống cấp nước phân phối D110 đầu nối từ điểm cấp nước trên đường quốc lộ 21B vào dự án.

Các nội dung khác giữ nguyên theo Quyết định số 07/QĐ-UBND ngày 11/01/2018 của UBND huyện Ứng Hòa về việc phê duyệt đồ án Quy hoạch chi tiết Cụm công nghiệp Xà Cầu (đối với khu mở rộng).

d. Hệ thống cấp điện và thông tin liên lạc:

Cắt giảm 153m đường điện hạ thế 0,4KV và đường cáp thông tin liên lạc cung cấp cho 2 lô đất CN-08 và CN-09 (do gộp thành lô NX-08). Nội dung điều chỉnh này không ảnh hưởng đến nhu cầu cấp điện của dự án cũng như các lô đất công nghiệp khác.

Giữ nguyên hướng tuyến hệ thống cấp điện và thông tin liên lạc theo Quyết định số 07/QĐ-UBND ngày 11/01/2018 của UBND huyện ứng hòa về việc phê duyệt đồ án quy hoạch chi tiết cụm công nghiệp Xà Cầu (đối với khu mở rộng).

e. Hệ thống thoát nước thải và vệ sinh môi trường:

Giữ nguyên vị trí, quy mô công suất trạm xử lý nước thải đã phê duyệt.

Cắt giảm 153m đường cống thoát nước thải D300 chạy qua 2 lô đất CN-08 và CN-09 (do gộp thành lô NX-08). Việc cắt giảm này không ảnh hưởng đến hướng thoát và khả năng thoát nước của hệ thống chung.

Các nội dung khác giữ nguyên theo Quyết định số 07/QĐ-UBND ngày 11/01/2018 của UBND huyện Ứng Hòa về việc phê duyệt đồ án Quy hoạch chi tiết Cụm công nghiệp Xà Cầu (đối với khu mở rộng).

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

Đơn vị tổ chức lập điều chỉnh quy hoạch: Công ty cổ phần Hà Thành - BQP.

Đơn vị tư vấn thiết kế: Công ty cổ phần tư vấn thiết kế và phát triển đô thị Việt Nam.

Cơ quan thẩm định: Phòng Quản lý đô thị huyện Ứng Hòa.

Cơ quan phê duyệt: Ủy ban nhân dân huyện Ứng Hòa.

Phòng quản lý đô thị có trách nhiệm kiểm tra, xác nhận hồ sơ Điều chỉnh Quy hoạch chi tiết Cụm công nghiệp Xà Cầu giai đoạn 2, tỷ lệ 1/500 theo Quyết định này, lưu trữ hồ sơ theo quy định.

Công ty cổ phần Hà Thành - BQP chủ trì phối hợp với UBND xã Quảng Phú Cầu và các đơn vị liên quan tổ chức công bố, công khai Điều chỉnh Quy hoạch chi tiết Cụm công nghiệp Xà Cầu giai đoạn 2, tỷ lệ 1/500 được duyệt để các tổ chức, cá nhân được biết và thực hiện, lưu trữ hồ sơ theo quy định.

Các phòng Quản lý đô thị, Kinh tế, Tài nguyên và Môi trường, Đội quản lý trật tự xây dựng đô thị huyện, UBND xã Quảng Phú Cầu theo chức năng, nhiệm vụ



và quyền hạn có trách nhiệm quản lý trật tự xây dựng trong cụm công nghiệp theo quy hoạch chi tiết được duyệt.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 203/QĐ-UBND ngày 07/01/2025 của UBND huyện Ứng Hòa về việc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch chi tiết cụm công nghiệp Xà Cầu giai đoạn 2, tỷ lệ 1/500;

Thủ Trưởng các cơ quan: Văn phòng HĐND&UBND huyện, Quản lý đô thị, Kinh tế, Đội quản lý trật tự xây dựng đô thị huyện; Chủ tịch UBND xã Quảng Phú Cầu; Giám đốc Công ty cổ phần Hà Thành - BQP và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Chủ tịch, các PCT UBND huyện;
- Như Điều 3;
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Định



Bảng tổng hợp cơ cấu sử dụng đất sạch điều chỉnh
(Kèm theo Quyết định số 333/UBND-QLĐT ngày 25/01/2025 của UBND huyện
Ứng Hòa)

STT	Loại đất	Ký hiệu	Diện tích lô đất	Mật độ xây dựng	Tầng cao	Hệ số sử dụng đất	Diện tích xây dựng	Tổng diện tích sàn	Tỷ lệ
			(m ²)	(%)	(tầng)	(lần)	(m ²)	(m ²)	(%)
1	Đất nhà xưởng sản xuất	NX	49.366,3						62,3%
		NX-01	1.884,3	70	02	1,4	1.319,0	2.638,0	
		NX-02	4.015,1	70	02	1,4	2.810,6	5.621,1	
		NX-03	4.166,5	70	02	1,4	2.916,6	5.833,1	
		NX-04	4.372,7	70	02	1,4	3.060,9	6.121,8	
		NX-05	4.523,7	70	02	1,4	3.166,6	6.333,2	
		NX-06	4.585,1	70	02	1,4	3.209,6	6.419,2	
		NX-07	3.090,6	70	02	1,4	2.163,4	6.490,3	
		NX-08	7.628,4	70	03	2,1	5.339,9	16.019,7	
		NX-09	3.696,0	70	02	1,4	2.587,2	5.174,4	
		NX-10	3.715,0	70	02	1,4	2.600,5	5.201,0	
		NX-11	3.737,7	70	02	1,4	2.616,4	5.232,8	
		NX-12	3.951,2	70	02	1,4	2.765,8	5.531,7	
3	Đất cây xanh	CX	7.991,4						10,1%
		CX-01	2.280,0						
		CX-02	1.853,1						
		CX-03	1.875,3						
		CX-04	371,3						
		CX-05	651,0						
		CX-06	537,8						
		CX-07	423,0						
4	Đất hạ tầng kỹ thuật	HT-01	799,7	40,0	1,0	0,4	319,9	319,9	1,0%
5	Đất công cộng hành chính	CC-01	836,3	40,0	5,0	2,0	334,5	1.672,7	1,1%
6	Đất giao thông		20.252,2						25,5%
	Tổng		79.246,0						100%

Ghi chú: Các chỉ tiêu về mật độ xây dựng, tầng cao, hệ số sử dụng đất, diện tích xây dựng, tổng diện tích sàn được quy định là tối đa cho các lô đất xây dựng trong cụm. Giá trị cụ thể được tính toán xác định trong bước tiếp theo đảm bảo quy định hiện hành, không vượt quá giá trị được quy định trong bảng tổng hợp cơ cấu sử dụng đất sau điều chỉnh.

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 1112 /QĐ-UBND

Hà Nội, ngày 11 tháng 3 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường
Dự án “Đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp Xà Cầu
– giai đoạn 2”

Địa điểm: xã Quảng Phú Cầu, huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/2/2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT ngày 31/12/2019 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường và quy định quản lý hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường;

Theo đề nghị của cơ quan thường trực thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án “Đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp Xà Cầu – giai đoạn 2” tại văn bản số 1003/CCBVMT-ĐTM ngày 28/12/2020 của Chi cục Bảo vệ môi trường Hà Nội về thông báo kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án kèm theo Biên bản họp Hội đồng thẩm định ngày 28/12/2020;

Xét nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án “Đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp Xà Cầu – giai đoạn 2” đã được chỉnh sửa, bổ sung gửi kèm văn bản số 05/CV-MT ngày 25/02/2021 của Công ty Cổ phần Hà Thành - BQP;

Xét đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Nội tại Tờ trình số 1254/TT- STNMT-CCBVMT ngày 01/3/2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án “Đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp Xà Cầu – giai đoạn 2” của Công ty Cổ phần Hà Thành - BQP (sau đây gọi là Chủ đầu tư dự án) thực hiện tại xã Quảng Phú Cầu, huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội với các nội dung chính tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ đầu tư dự án và đơn vị tiếp nhận quản lý vận hành dự án có trách nhiệm:

1. Niêm yết công khai Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường theo quy định pháp luật.

2. Thực hiện nghiêm túc nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này.

Điều 3. Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án là căn cứ để cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra, giám sát việc thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường của dự án.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Bộ Tài nguyên và Môi trường (để b/c);
- Chủ tịch UBND Thành phố (để b/c);
- PCT UBND TP Nguyễn Trọng Đông;
- VPUBTP: PCVP Phạm Văn Chiến, các phòng: TH, ĐT, TKBT;
- Giám đốc Sở TN&MT;
- Thủ trưởng các Sở, Ban, Ngành liên quan;
- Chi cục Bảo vệ môi trường Hà Nội;
- Công ty cổ phần Hà Thành – BQP;
- Chủ tịch UBND huyện Ứng Hòa;
- Chủ tịch UBND xã Quảng Phú Cầu;
- Lưu: VT, ĐT_{Tỉnh}.

MSHS: 64657.CCMT

415(11)



TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Trọng Đông

Phụ lục
**CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
CỦA DỰ ÁN "ĐẦU TƯ XÂY DỰNG HẠ TẦNG KỸ THUẬT
CỤM CÔNG NGHIỆP XÀ CẦU – GIAI ĐOẠN 2"**

(Kèm theo Quyết định số ~~112~~ 112/UBND ngày .../... tháng ... năm 2021
của UBND Thành phố Hà Nội)

1. Thông tin về Dự án:

1.1. Tên dự án: Đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật Cụm công nghiệp Xà Cầu – giai đoạn 2.

- Địa điểm thực hiện dự án: xã Quảng Phú Cầu, huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội.

- Vị trí khu đất: Nằm trong xã Quảng Phú Cầu, huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội.

- Ranh giới quy hoạch:

+ Phía Bắc: Giáp cánh đồng Cửa Đình, Hồ Bom;

+ Phía Đông: Giáp điểm công nghiệp 2,1 ha cạnh Quốc lộ 21B;

+ Phía Nam: Giáp cánh đồng Chùa Dâu;

+ Phía Tây: Giáp cánh đồng Chuôm Tiều.

1.2. Chủ đầu tư: Công ty Cổ phần Hà Thành - BQP

- Địa chỉ trụ sở chính: Số 27, đường Lê Đức Thọ, phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần mã số doanh nghiệp: 0106249854 đăng ký lần đầu ngày 31/7/2013, đăng ký thay đổi lần thứ 11 ngày 17/6/2019 do Phòng Đăng ký kinh doanh – Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp

- Người đại diện theo pháp luật của Công ty: Ông Lưu Tiến Thuyên – Giám đốc.

- Quyết định số 383/QĐ-UBND ngày 17/01/2020 của UBND thành phố Hà Nội về việc thành lập Cụm công nghiệp Xà Cầu – Giai đoạn 2, huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội;

1.3. Quy mô Dự án:

- Xây dựng đồng bộ kết cấu hạ tầng kỹ thuật, cảnh quan Cụm công nghiệp Xà Cầu – Giai đoạn 2 đáp ứng yêu cầu về hạ tầng kỹ thuật và môi trường theo quy định; ưu tiên phát triển mô hình cụm công nghiệp sạch theo hướng hiện đại.

- Thi công đấu nối nước thải từ Cụm công nghiệp Xà Cầu (giai đoạn 1) về trạm xử lý nước thải tập trung của Cụm công nghiệp Xà Cầu – Giai đoạn 2.

- Phục vụ di dời, mở rộng sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã, tổ hợp tác, cơ sở sản xuất, hộ gia đình, cá nhân trong xã Quảng Phú Cầu và khu vực lân cận nhằm khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường, nguy cơ cháy nổ trong khu dân cư, phát triển nghề, làng nghề ở địa phương.

- Tổng diện tích đất quy hoạch cụm công nghiệp Xà Cầu khoảng 79.246 m² được chia thành 04 khu chính: khu nhà xưởng sản xuất; khu cây xanh; khu hạ tầng kỹ thuật và trung tâm hành chính điều hành của cụm công nghiệp.

+ Đất xây dựng nhà xưởng sản xuất: Xây dựng các nhà xưởng sản xuất với các ngành nghề: cơ khí, da-giày, điện tử-tin học, sản xuất và lắp ráp nhựa,..với tổng diện tích khoảng 49.076,5m² bao gồm 13 ô đất ký hiệu từ CN-01 đến CN-13 với mật độ xây dựng khoảng 70%, tầng cao 01 tầng, cụ thể như sau:

Ô đất ký hiệu CN-01: diện tích đất khoảng 1.884,3m².

Ô đất ký hiệu CN-02: diện tích đất khoảng 4.015,1 m².

Ô đất ký hiệu CN-03: diện tích đất khoảng 4.166,5 m².

Ô đất ký hiệu CN-04: diện tích đất khoảng 4.372,7 m².

Ô đất ký hiệu CN-05: diện tích đất khoảng 4.523,7 m².

Ô đất ký hiệu CN-06: diện tích đất khoảng 4.593,1 m².

Ô đất ký hiệu CN-07: diện tích đất khoảng 3.652,3 m².

Ô đất ký hiệu CN-08: diện tích đất khoảng 3.651 m².

Ô đất ký hiệu CN-09: diện tích đất khoảng 3.670,3 m².

Ô đất ký hiệu CN-10: diện tích đất khoảng 3.696 m².

Ô đất ký hiệu CN-11: diện tích đất khoảng 3.715 m².

Ô đất ký hiệu CN-02: diện tích đất khoảng 3.737,7 m².

Ô đất ký hiệu CN-02: diện tích đất khoảng 3.595,2 m².

+ Đất xây dựng trung tâm hành chính điều hành Cụm công nghiệp với quy mô diện tích 836m²; Mật độ xây dựng khoảng 40%; Tầng cao trung bình: 2 tầng.

+ Đất cây xanh, mặt nước: Tổng diện tích khoảng 8.141,5m² gồm 07 ô đất ký hiệu từ CX-01 đến CX-07, cụ thể như sau:

Ô đất ký hiệu CX-01: diện tích đất khoảng 2.280 m²

Ô đất ký hiệu CX-02: diện tích đất khoảng 1.853 m²

Ô đất ký hiệu CX-03: diện tích đất khoảng 1.854 m²

Ô đất ký hiệu CX-04: diện tích đất khoảng 677 m²

Ô đất ký hiệu CX-05: diện tích đất khoảng 651 m²

Ô đất ký hiệu CX-06: diện tích đất khoảng 474 m²

Ô đất ký hiệu CX-07: diện tích đất khoảng 352,5 m²

+ Đất hạ tầng kỹ thuật: Xây dựng trạm xử lý nước thải phục vụ khu vực diện tích khoảng 800m², Tầng cao 01 tầng. Mật độ xây dựng khoảng 40%, gồm 01 ô đất ký hiệu HTKT-01.

+ Hệ thống đường giao thông: Hệ thống đường giao thông diện tích 20.392 m², bố trí 1 điểm quay xe khu vực nút số 6 với kích thước 12mx12m.

(Quy mô dự án tuân thủ theo Quyết định số 383/QĐ-UBND ngày 17/01/2020 của UBND thành phố Hà Nội về việc thành lập Cụm công nghiệp Xà Cầu – Giai đoạn 2, huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội; Quyết định số 07/QĐ-UBND ngày 11/01/2018 của UBND huyện Ứng Hòa về việc phê duyệt Quy hoạch chi tiết Cụm công nghiệp Xà Cầu (đối với khu mở rộng); Biên bản thỏa thuận ngày 19/01/2021 giữa Công ty Cổ

th

phần Hà Thành – BQP và Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Ứng Hòa và Báo cáo đầu tư dự án).

2. Các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh từ dự án.

2.1. Giai đoạn triển khai xây dựng

2.1.1. Các tác động môi trường chính của dự án

- Nước thải sinh hoạt của công nhân xây dựng, nước thải từ máy móc, thiết bị thi công; nước mưa chảy tràn.

- Bụi và khí thải từ các phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu, chất thải xây dựng; quá trình thi công xây dựng hạ tầng dự án.

- Chất thải rắn sinh hoạt của công nhân, chất thải rắn xây dựng và chất thải nguy hại phát sinh từ quá trình thi công xây dựng.

- Nguồn gây tác động không liên quan đến chất thải: Tiếng ồn, độ rung từ các phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu, chất thải; máy móc thi công.

2.1.2. Quy mô, tính chất của nước thải

- Nước thải sinh hoạt phát sinh của công nhân thi công trên công trường khoảng 3,2 m³/ngày đêm; Thành phần: Tổng N, Tổng P, BOD₅, TSS, Coliform...

- Nước thải thi công phát sinh chủ yếu từ quá trình rửa xe và rửa thiết bị, dụng cụ thi công khoảng 2,52 m³/ngày. Thành phần: Thành phần chủ yếu: dầu mỡ, chất rắn lơ lửng, ...

- Nước mưa chảy tràn: Lượng nước mưa chảy tràn trong khu vực dự án kéo theo một lượng các tạp chất lơ lửng và các chất ô nhiễm khác trên mặt đất.

2.1.3. Quy mô, tính chất của bụi, khí thải

- Bụi, khí thải phát sinh từ các phương tiện giao thông, các hoạt động thi công xây dựng các hạng mục công trình dự án gồm: bụi TSP, SO₂, NO₂, CO, ...

2.1.4. Quy mô, tính chất của chất thải rắn thông thường

- Giai đoạn giải phóng mặt bằng: Khối lượng sinh khối phát sinh: 16,27 tấn; Khối lượng đất bóc hữu cơ: 24.714,22 tấn.

- Chất thải xây dựng phát sinh khoảng 0,3 tấn. Thành phần chủ yếu gỗ vụn, bê tông, gạch vỡ và cặn vữa, ...

- Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh của công nhân thi công trên công trường khoảng 40 kg/ngày. Thành phần chủ yếu thức ăn thừa, giấy vụn, ...

2.1.5. Quy mô, tính chất của chất thải nguy hại (CTNH)

- CTNH phát sinh trong quá trình thi công xây dựng khoảng 180 kg. Thành phần chủ yếu gồm dầu nhiên liệu và dầu diesel thải, giẻ lau dính dầu, bóng đèn huỳnh quang thải, bao bì cứng thải bằng nhựa, sơn thải, ...

2.2. Giai đoạn vận hành

2.2.1. Các tác động môi trường chính của dự án

- Nước thải sinh hoạt và công nghiệp phát sinh từ các cơ sở trong cụm công nghiệp, nước mưa chảy tràn.

- Bụi, khí thải từ phương tiện giao thông; mùi, khí thải từ hệ thống thu gom, xử

Handwritten signature

lý nước thải; quá trình sản xuất của các cơ sở hoạt động trong cụm công nghiệp.

- Chất thải rắn sinh hoạt; chất thải rắn sản xuất thông thường; chất thải nguy hại.

2.2.2. Quy mô, tính chất của nước thải

- Nước thải phát sinh trong giai đoạn vận hành dự án (phát sinh từ quá trình sinh hoạt và sản xuất của các cơ sở hoạt động trong cụm công nghiệp Xà Cầu (giai đoạn 1) khoảng 120 m³/ngày.đêm và cụm công nghiệp Xà Cầu – Giai đoạn 2) khoảng 124,05 m³/ngày.đêm.

- Nước mưa chảy tràn: Nước mưa chảy tràn trên bề mặt đường giao thông, khu công cộng, cây xanh,... của dự án.

2.2.3. Quy mô, tính chất của bụi, khí thải

- Bụi, khí thải từ hoạt động giao thông, chủ yếu là các khí SO₂, CO, NO_x, bụi, ...
- Bụi, khí thải từ hoạt động sản xuất của các nhà máy: Bụi gỗ, bụi kim loại, bụi sơn, hơi dung môi hữu cơ, SO_x, NO_x, CO, H₂S, NH₃, THC, ...
- Khí thải (H₂S, CO₂, CH₄, amoniac, ...) từ khu vực Trạm xử lý nước thải công nghiệp tập trung.
- Khí thải từ khu vực lưu giữ chất thải rắn phát sinh các chất ô nhiễm gồm: NH₃, H₂S,... Nồng độ các chất ô nhiễm biến đổi theo thời gian và khối lượng chất thải rắn phát sinh.

2.2.4. Quy mô, tính chất của chất thải rắn thông thường

- Chất thải rắn thông thường: Tổng lượng chất thải rắn thông thường phát sinh hàng ngày từ khu điều hành dịch vụ và khu vực công cộng ước tính khoảng 270 kg/ngày.

- Bùn và cặn lắng từ quá trình nạo vét hệ thống thoát nước mưa, hệ thống thoát nước thải, ...

2.2.5. Quy mô, tính chất của chất thải nguy hại (CTNH)

- Đối với các doanh nghiệp nằm trong cụm công nghiệp: Tùy thuộc vào loại hình, quy trình sản xuất của các doanh nghiệp nên khối lượng, thành phần chất thải nguy hại khác nhau. Chủ cơ sở hoạt động trong cụm công nghiệp tự chịu trách nhiệm quản lý CTNH theo quy định.

- Đối với khu điều hành của Cụm công nghiệp: Chất thải nguy hại phát sinh từ nhà điều hành, trạm biến áp, trạm xử lý nước thải tập trung của cụm công nghiệp khoảng 745 tấn/năm, chủ yếu là bùn thải từ trạm xử lý nước thải, bóng đèn huỳnh quang thải, thiết bị điện, điện tử, hộp mực in thải,, ...

3. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án:

3.1. Giai đoạn triển khai xây dựng

3.1.1. Về thu gom và xử lý nước thải

- Nước thải sinh hoạt: Nước thải sinh hoạt phát sinh của công nhân thi công trên công trường được xử lý bằng 03 nhà vệ sinh di động loại 3 ngăn với dung tích bồn nước sạch: 800 lít để xử lý nước thải sinh hoạt phát sinh của công nhân; Chủ đầu tư dự án thực hiện ký hợp đồng với đơn vị có chức năng thường xuyên đến thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định với tần suất 2 tuần/1 lần.

h

- Nước thải thi công: Bố trí 01 khu rửa xe tại cổng ra vào công trường (trên đường 21B). Nước thải thi công phát sinh từ hoạt động rửa xe, thiết bị công trường được thu gom vào bể lắng 02 ngăn có kích thước $1,5m \times 1,5m \times 2m = 4,5m^3$. Tại ngăn đầu tiên được bổ sung vải thấm dầu để xử lý dầu mỡ từ xe chảy tràn ra. Vải lọc dầu định kỳ khoảng 1-2 tuần được thay một lần và được thu vào thùng chứa giẻ lau dính dầu mỡ để xử lý như chất thải nguy hại. Váng dầu thu vào các thùng chứa để xử lý chất thải nguy hại theo quy định. Nước thải sau lắng sẽ được tái sử dụng một phần để tiếp tục rửa xe. Nước thải thi công sau khi xử lý đạt QCTĐHN 02:2014/BTNMT (cột B, $K_q = 0,9$, $K_f = 1,2$) sẽ được xả ra hệ thống thoát nước thải của khu vực và ra nguồn tiếp nhận. Định kỳ 1 tuần/lần thực hiện nạo vét hố ga, hệ thống thoát nước hoặc khi bùn cặn lắng từ hố lắng tại cầu rửa xe đầy.

Bùn lắng được Chủ đầu tư dự án thực hiện ký hợp đồng với đơn vị có chức năng đến thu gom, vận chuyển và mang đi xử lý theo quy định.

- Nước mưa chảy tràn: Được dẫn vào hệ thống rãnh hở bề mặt, hồ thu, qua song chắn rác trước khi thoát vào kênh Mả Găng – Con Voi. Tạo độ dốc mặt bằng 1-2% về phía rãnh thoát nước để đảm bảo thoát nước triệt để tránh ứ đọng nước trên mặt bằng. Tần suất nạo vét 1 tuần/lần vào mùa mưa và 1 tháng/lần vào mùa khô.

- Đảm bảo việc thoát nước mưa từ công trình san nền không bị đọng lại trong hệ thống thoát nước bằng cách thường xuyên kiểm tra, nạo vét, khơi thông, không để chất thải xây dựng thoát vào các hệ thống cống rãnh gây tắc nghẽn, ứ đọng.

3.1.2. Về xử lý bụi, khí thải

- Sử dụng phương tiện giao thông đạt tiêu chuẩn theo quy định.

- Các phương tiện vận chuyển chất thải, nguyên vật liệu được phủ bạt, che kín để tránh phát tán bụi ra môi trường xung quanh.

- Bố trí hợp lý tuyến đường và thời gian vận chuyển nguyên vật liệu, tránh các khung giờ cao điểm.

- Tưới nước thường xuyên trên các đoạn tuyến thi công và tuyến đường vận chuyển nguyên, vật liệu tần suất trung bình 2 lần/ngày.

- Tiến hành che bãi tập kết nguyên vật liệu.

- Bố trí khu vực rửa xe để xịt rửa, vệ sinh xe.

- Thực hiện che chắn xung quanh khu vực thi công để tránh gây ảnh hưởng tới xung quanh.

3.1.3. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường.

- Chất thải rắn sinh hoạt: Chủ đầu tư dự án sử dụng lại các thùng rác loại 120 lít, có nắp đậy kín đặt tại vị trí lân cận trại hoặc gần nơi nghỉ giữa giờ của công nhân. Chủ đầu tư dự án thực hiện ký hợp đồng với đơn vị có chức năng đến thu gom và vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt đi xử lý với tần suất thu gom 01 ngày/lần để đảm bảo chất thải không bị tồn lưu, phân hủy gây mùi.

- Chất thải rắn xây dựng không chứa thành phần nguy hại (bao gồm: vật liệu xây dựng thải, bao bì thải, đất đá thải, ...). Tổ chức 01 đội công nhân vệ sinh khoảng 2-3 người phụ trách thu gom các loại chất thải xây dựng về bãi tập kết. Bố trí khu tập kết chất thải rắn có diện tích khoảng $100m^2$, trong đó bố trí 03 thùng ben loại $5m^3$ có phủ

H

bạt kín để lưu chứa chất thải tại khu đất phía Tây Nam của Dự án. Toàn bộ lượng chất thải rắn xây dựng được Chủ đầu tư Dự án thực hiện ký hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom vận chuyển và xử lý theo quy định, tần suất 2 tuần/lần.

3.1.4. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại.

- Trong giai đoạn xây dựng Dự án, Chủ dự án bố trí các thùng đựng CTNH bằng nhựa HDPE có nắp đậy dung tích 120 lít để lưu trữ tạm thời chất thải nguy hại. Chất thải nguy hại có tính chất khác nhau được lưu trữ tại các thùng riêng biệt và có dán nhãn đối với từng loại CTNH được lưu chứa. Các thùng chứa được để trong kho tạm gần khu vực lưu chứa CTR sinh hoạt với diện tích 05m². Chủ đầu tư dự án thực hiện ký hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định. Tần suất thu gom dự kiến 3 tháng/1 lần.

- Chủ đầu tư dự án sẽ yêu cầu đơn vị nhà thầu thi công thực hiện quản lý các chất thải nguy hại phát sinh từ quá trình xây dựng theo Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về quản lý chất thải nguy hại.

3.1.5. Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm tiếng ồn, độ rung và ô nhiễm khác.

- Biện pháp kết cấu: Cân bằng máy, lắp các bộ tắt chấn động lực...

- Không thực hiện các công việc gây rung động lớn vào ban đêm (21h ÷ 6h sáng hôm sau).

- Bố trí lịch trình thi công hợp lý, hạn chế việc vận hành nhiều thiết bị có độ rung lớn trong cùng thời điểm.

- Không sử dụng máy móc, phương tiện vận chuyển có mức ồn >70dBA hoặc các hoạt động có thể tạo ra mức ồn >70dBA để thi công vào ban đêm (từ 21- 6h) gần các đối tượng nhạy cảm.

- Kiểm tra mức ồn của thiết bị, nếu mức ồn lớn hơn giới hạn cho phép thì lắp các thiết bị giảm âm. Không sử dụng các thiết bị quá cũ, lạc hậu có khả năng gây ồn cao.

- Quy định tốc độ xe, máy móc khi hoạt động trong khu vực Dự án và các khu dân cư tập trung; Những máy móc gây ra tiếng ồn và rung lớn trong thi công như xe lu, máy xúc sẽ chỉ được phép làm việc vào ban ngày.

- Thường xuyên duy tu bảo dưỡng các thiết bị máy móc, thực hiện chế độ bổ sung dầu mỡ theo định kỳ.

3.1.6. Công trình, biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường.

- Biện pháp an toàn lao động: Xây dựng và ban hành nội quy làm việc tại công trường. Tất cả công nhân tham gia lao động trên công trường xây dựng đều được học tập về các quy định an toàn và vệ sinh lao động; trang bị đầy đủ các phương tiện bảo hộ lao động cho công nhân.

- Biện pháp an toàn về cháy, nổ, chập điện: Tập huấn, tuyên truyền nâng cao năng lực và nhận thức của công nhân về an toàn cháy nổ, bố trí các bình chữa cháy.

3.2. Giai đoạn vận hành

3.2.1. Về thu gom và xử lý nước thải

Xây dựng hệ thống thu gom, thoát nước mưa và hệ thống thu gom, xử lý nước thải phải được tách riêng, thiết kế đồng bộ, bố trí phù hợp với quy hoạch đã được duyệt và tuân theo quy định, quy chuẩn kỹ thuật về xây dựng, quy định, quy chuẩn kỹ thuật môi trường có liên quan theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 5 của Thông tư số 31/2016/TT-BTNMT ngày 14/10/2016 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về bảo vệ môi trường cụm công nghiệp, khu kinh doanh, dịch vụ tập trung, làng nghề và cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ trước khi đầu nối về Trạm xử lý nước thải công nghiệp tập trung của cụm công nghiệp.

- Nước thải:

+ Nước thải phát sinh từ các cơ sở hoạt động trong cụm công nghiệp được xử lý đạt tiêu chuẩn thỏa thuận đầu nối với Chủ đầu tư hạ tầng cụm công nghiệp. Sau đó, được thu gom và xử lý tại Trạm xử lý nước thải công nghiệp tập trung của cụm công nghiệp. Trạm xử lý nước thải đặt ở khu vực đất hạ tầng kỹ thuật nằm tại phía Nam cụm công nghiệp với công suất thiết kế 300 m³/ngày.đêm. Nước thải sau xử lý đạt QCTĐHN 02:2014/BTNMT, cột A ($K_d = 0,9$, $K_r = 1,1$) - Quy chuẩn kỹ thuật về nước thải công nghiệp trên địa bàn Thủ đô Hà Nội được xả vào ngăn chứa nước thải thuộc hồ điều hòa trước khi xả ra kênh Mả Găng - Con Voi.

+ Quy trình công nghệ xử lý của Trạm xử lý nước thải tập trung (công suất 300 m³/ngày.đêm):

Nước thải được xử lý sơ bộ tại các cơ sở → Bể thu gom nước thải → Bể điều hòa → Bể trộn và điều chỉnh pH1 → Bể phản ứng 1 → Bể lắng hóa lý 1 → Bể thiếu khí → Bể hiếu khí 1,2 → Bể lắng sinh học → Bể trộn và điều chỉnh pH2 → Bể phản ứng 2 → Bể lắng hóa lý 2 → Bể khử trùng → Ngăn chứa nước thải sau xử lý thuộc Hồ điều hòa → Hồ ga → Nguồn tiếp nhận.

Bùn thải từ Trạm xử lý nước thải công nghiệp tập trung được quản lý như chất thải nguy hại theo quy định tại Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về quản lý chất thải nguy hại.

+ Hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung cụm công nghiệp đảm bảo các yêu cầu sau: có đồng hồ đo lưu lượng nước thải đầu vào và đầu ra, công tơ điện độc lập; điểm xả thải có biển báo rõ ràng; sàn công tác có diện tích tối thiểu 01 m², lối đi thuận tiện cho việc kiểm tra, giám sát của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.

+ Chủ đầu tư phải có nhật ký vận hành hệ thống xử lý nước thải bằng tiếng Việt được ghi chép đầy đủ (lưu lượng, thông số vận hành hệ thống xử lý nước thải, kết quả quan trắc nước thải đầu vào và đầu ra của hệ thống xử lý nước thải), lưu giữ tối thiểu 02 năm.

- Nước mưa chảy tràn: Nước mưa chảy tràn được thu gom bằng các tuyến cống thoát nước có bố trí song chắn rác, mạng lưới thoát nước mưa được thiết kế theo nguyên tắc tự chảy, độ dốc cống đảm bảo cho thoát nước được dễ dàng, các cống thu gom, vận chuyển, đổ vào tuyến cống chính hướng thoát nước mưa rồi đầu vào kênh Mả Găng - Con Voi tại 02 điểm: 01 điểm tại vị trí K0+220 và 01 điểm tại vị trí K0+400.

3.2.2 Về xử lý bụi, khí thải.

- Đảm bảo diện tích cây xanh theo đúng quy hoạch.

- Tưới nước thường xuyên trên các tuyến đường nội bộ trong cụm công nghiệp,

Handwritten signature

tần suất trung bình 2 lần/ngày trong mùa khô.

- Sử dụng các loại chế phẩm phù hợp để loại bỏ mùi hôi phát sinh từ các bể của trạm xử lý nước thải công nghiệp tập trung. Trồng cây xanh xung quanh hàng rào Trạm xử lý nước thải công nghiệp tập trung.

- Khí thải phát sinh từ Trạm xử lý nước thải công nghiệp tập trung: Khí thải phát sinh từ quá trình xử lý được thu gom dẫn vào hệ thống xử lý khí tháp đôi trước khi xả ra ngoài. Tháp cao 2,2m; đường kính $d=1,5m$. Bậc 1 xử lý H_2S , SO_2 , CO_2 bằng $Ca(OH)_2$; bậc 2 xử lý CH_4 và các khí dư còn lại bằng hấp phụ than hoạt tính

- Thường xuyên đồn đốc, nhắc nhở các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ hoạt động trong cụm công nghiệp thực hiện trách nhiệm quản lý nước thải, chất thải rắn, khí thải, tiếng ồn, độ rung, ánh sáng, bức xạ theo quy định.

3.2.3. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường.

- Chất thải rắn sinh hoạt, chất thải công nghiệp thông thường phát sinh tại các cơ sở hoạt động trong cụm công nghiệp: Các cơ sở hoạt động trong cụm công nghiệp tự thu gom, ký hợp đồng vận chuyển và xử lý chất thải sinh hoạt, chất thải công nghiệp thông thường với đơn vị có chức năng, năng lực theo quy định.

- Đối với chất thải rắn sinh hoạt: Chủ đầu tư bố trí các thùng rác tại khu văn phòng, trung tâm quản lý điều hành của cụm công nghiệp. Chất thải sinh hoạt phát sinh tại Cụm công nghiệp sẽ được thu gom vào các thùng chứa chất thải dung tích 50 lít. Chất thải phát sinh từ các khu công cộng, dịch vụ. Chủ đầu tư bố trí các thùng rác dung tích 120 lít có nắp đậy tại các vị trí thích hợp, khoảng cách giữa các thùng từ 50-100m/thùng. Chủ Dự án bố trí các lao công trực tiếp thu gom về khu vực lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt diện tích khoảng 10 m² của khu lưu chứa chất thải rắn tại khu đất điều hành chung của cụm công nghiệp (ký hiệu cc-01). Chủ đầu tư dự án thực hiện ký hợp đồng với đơn vị có chức năng đến thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định. Tần suất thu gom 01 lần/ngày.

3.2.4. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại.

- CTNH phát sinh tại các cơ sở hoạt động trong Cụm công nghiệp: Các cơ sở hoạt động trong cụm công nghiệp tự chịu trách nhiệm thu gom, phân loại tự ký hợp đồng thu gom, vận chuyển và xử lý CTNH với đơn vị có Giấy phép xử lý chất thải nguy hại phù hợp theo Thông tư số 36/2015/ BTNMT ngày 30/6/ 2015 của Bộ Tài nguyên và môi trường quy định về quản lý chất thải nguy hại.

- CTNH phát sinh tại khu nhà điều hành quản lý của cụm công nghiệp được thu gom, lưu chứa trong các thùng CTNH riêng biệt bằng nhựa HDPE dung tích từ 100-120 lít, có dán nhãn tên, mã và biển cảnh báo CTNH theo quy định tại Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về quản lý chất thải nguy hại. Chủ Dự án bố trí lao công trực tiếp thu gom CTNH về kho chứa CTNH có diện tích 05m² tại khu chứa chất thải rắn tại khu đất điều hành chung của cụm công nghiệp (ký hiệu cc-01).

- Bùn thải từ Trạm xử lý nước thải công nghiệp tập trung: được lưu giữ tạm thời tại bể chứa bùn và được quản lý theo quy định tại Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về quản lý chất thải nguy hại.

Handwritten signature

Chủ đầu tư dự án thực hiện ký hợp đồng thu gom, vận chuyển và xử lý CTNH với đơn vị có Giấy phép xử lý chất thải nguy hại phù hợp theo Thông tư số 36/2015/BTNMT ngày 30/6/2015 của Bộ Tài nguyên và môi trường quy định về quản lý chất thải nguy hại. Tần suất 6 tháng/lần.

3.2.5. Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm tiếng ồn, độ rung và ô nhiễm khác.

- Xe ra vào cụm công nghiệp phải giảm tốc độ, hạn chế còi, không chờ quá tải trọng; Bổ sung các loại biển báo và tín hiệu.
- Bảo dưỡng định kỳ các máy móc, thiết bị.
- Thiết kế, chế tạo các bộ phận giảm âm và ứng dụng chung trong động cơ, máy móc, thiết bị sản xuất.
- Thiết lập các vành đai cây xanh trong cụm công nghiệp. Phát triển trồng cây xanh hai bên đường và chọn các loại cây có khả năng hút âm tốt.
- Lắp ống giảm thanh cho các máy nổ và các thiết bị gây ồn.

3.2.6. Công trình, biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường.

- Phòng ngừa và ứng phó sự cố của trạm xử lý nước thải: Thường xuyên bảo dưỡng thay thế thiết bị, vận hành theo đúng quy trình kỹ thuật, sẽ khắc phục và sửa chữa kịp thời đảm bảo hệ thống vận hành trong thời gian sớm nhất, cam kết không xả nước thải ra môi trường trong thời gian xảy ra sự cố.

Khi gặp sự cố toàn bộ nước thải phát sinh của Dự án sẽ được lưu giữ tại ngăn chứa sự cố thuộc hồ điều hòa với thể tích khoảng 1.000 m³ của cụm công nghiệp tập trung. Ngăn chứa sự cố đảm bảo kiên cố, chống thấm, chống rò rỉ nước thải ra ngoài môi trường theo tiêu chuẩn, quy chuẩn thiết kế về xây dựng. Trường hợp xảy ra sự cố, nước thải dự án sẽ được chứa tạm thời tại đây. Khi Trạm xử lý hoạt động ổn định nước thải sẽ được bơm trở lại để xử lý đảm bảo không để nước thải chưa được xử lý đạt quy chuẩn cho phép xả thải ra môi trường. Công trình phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường đối với nước thải phải đáp ứng theo quy định tại Điều 12 Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT ngày 31/12/2019 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường và quy định quản lý hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường.

- Sự cố ngập úng: khơi thông cống rãnh; sử dụng máy bơm để bơm thoát nước ra điểm xả theo quy định.

- An toàn về cháy, nổ: trang bị các phương tiện chữa cháy: bình bột, bao cát, mặt nạ phòng độc, ... phương án phòng chống cháy, nổ sẽ được thẩm định, phê duyệt theo quy định, tuân thủ QCVN 06:2020/BXD về phòng cháy chữa cháy cho nhà và công trình.

- An toàn lao động: Các cơ sở hoạt động trong cụm công nghiệp trang bị đầy đủ phương tiện bảo hộ lao động cho công nhân; nâng cao nhận thức cho công nhân về an toàn lao động, ...

- An toàn hóa chất: Có phương án quản lý hóa chất theo quy định. Khi tràn đổ, rò rỉ ở mức nhỏ: thông gió diện tích tràn đổ hóa chất, cách ly mọi nguồn đánh lửa, trang bị bảo hộ lao động đầy đủ trước khi tiến hành xử lý, hấp thụ hóa chất tràn đổ bằng vật liệu trơ (ví dụ cát hoặc đất) sau đó đựng trong thùng chứa chất thải kín. Khi tràn đổ, rò

ri lớn ở diện rộng: thông gió khu vực rò rỉ hoặc tràn, hủy bỏ tất cả các nguồn lửa, mang thiết bị phòng hộ cá nhân phù hợp, cô lập khu vực tràn đổ, nghiêm cấm người không có nhiệm vụ vào khu vực tràn đổ hóa chất. Thu hồi hóa chất tràn đổ và chứa trong thùng kín. Nước rửa làm sạch khu vực tràn đổ rò rỉ không được xả ra hệ thống thoát nước chung. Ngăn ngừa bụi hóa chất và giảm thiểu sự tán xạ bằng nước hoặc phun ẩm.

4. Danh mục công trình bảo vệ môi trường chính của Dự án:

- Trạm xử lý nước thải công nghiệp tập trung công suất thiết kế 300 m³/ngày.đêm và hồ điều hòa có thể tích 2.000 m³ (chia 2 ngăn: 01 ngăn 1.000 m³ chứa nước thải sau xử lý, 01 ngăn 1.000 m³ chứa nước thải khi gặp sự cố).

- Khu vực lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt: 10 m².

- Khu vực lưu giữ chất thải nguy hại: 05 m².

5. Chương trình quản lý, giám sát môi trường

5.1. Giai đoạn triển khai xây dựng dự án:

5.1.1. Nước thải xây dựng

- Vị trí lấy mẫu: Tại 01 điểm xả cuối cùng (ở vị trí khu vực rửa xe) trước khi xả ra môi trường.

- Thông số giám sát: Lưu lượng, TSS, COD, BOD₅, N tổng, P tổng, tổng dầu mỡ khoáng, Coliform.

- Tần suất 03 tháng/lần trong quá trình xây dựng.

- Quy chuẩn so sánh: QCTĐHN 02:2014/BTNMT (cột B, K_q = 0,9, K_r = 1,2) – Quy chuẩn kỹ thuật về nước thải công nghiệp trên địa bàn thủ đô Hà Nội.

5.1.2. Không khí xung quanh

- Vị trí quan trắc tại 05 điểm tại 04 hướng của khu vực dự án đang thi công và 01 điểm tại giữa dự án.

- Thông số giám sát: Nhiệt độ, độ ẩm, SO₂, CO, NO₂, tổng bụi lơ lửng (TSP), tiếng ồn, độ rung.

- Tần suất: 03 tháng/01 lần.

- Quy chuẩn áp dụng: QCVN 05:2013/BTNMT; QCVN 26:2010/BTNMT; QCVN 27:2010/BTNMT.

5.1.3. Chất thải rắn

- Vị trí: Các vị trí lưu giữ tạm thời chất thải rắn sinh hoạt, chất thải xây dựng, chất thải nguy hại.

- Thông số: Khối lượng, thành phần, danh mục của chất thải rắn sinh hoạt, xây dựng, mã CTNH chất thải nguy hại.

- Tần suất: Khi phát sinh và bàn giao chất thải.

5.2. Giai đoạn vận hành thử nghiệm đối với công trình xử lý chất thải

- Lập và gửi Kế hoạch vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải của Dự án cho Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Nội theo quy định tại Điều 16b Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/2/2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo

Handwritten signature

vệ môi trường, được sửa đổi bổ sung tại Khoản 9 Điều 1 Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường.

- Thực hiện quan trắc nước thải trong quá trình vận hành thử nghiệm Trạm xử lý nước thải công nghiệp tập trung của cụm công nghiệp theo quy định tại khoản 1 và khoản 4 Điều 10 Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT ngày 31/12/2019 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ.

- Lắp đặt hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục (bao gồm thiết bị quan trắc tự động, liên tục và thiết bị lấy mẫu tự động), có camera theo dõi, truyền số liệu trực tiếp cho Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Nội trước khi đưa dự án vào vận hành theo quy định tại khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều 39 Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/4/2015 của Chính phủ, được sửa đổi, bổ sung tại khoản 20 Điều 3 của Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ. Thông số: Lưu lượng nước thải đầu vào và đầu ra, pH, Nhiệt độ, COD, TSS, Amoniac. Quy chuẩn so sánh: QCTĐHN 02:2014/BTNMT, cột A ($K_q=0,9$; $K_r=1,1$) - Quy chuẩn kỹ thuật về nước thải công nghiệp trên địa bàn Thủ đô Hà Nội.

5.3. Giai đoạn vận hành thương mại

5.3.1. Giám sát nước thải

a. Quan trắc nước thải tự động, liên tục:

- Lắp đặt hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục (bao gồm thiết bị quan trắc tự động, liên tục và thiết bị lấy mẫu tự động), có camera theo dõi, truyền số liệu trực tiếp cho Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Nội.

- Thông số: Lưu lượng nước thải đầu vào và đầu ra, pH, Nhiệt độ, COD, TSS, Amoni.

- Quy chuẩn so sánh: QCTĐHN 02:2014/BTNMT, cột A ($K_q=0,9$; $K_r=1,1$) - Quy chuẩn kỹ thuật về nước thải công nghiệp trên địa bàn Thủ đô Hà Nội.

b. Quan trắc nước thải định kỳ:

- Vị trí: Tại bể thu gom nước thải (trước khi xử lý) và hố ga cuối trước khi xả ra ngoài môi trường của Trạm xử lý nước thải công nghiệp tập trung (công suất 300 m³/ngày đêm) của cụm công nghiệp.

- Thông số quan trắc:

- + Tại bể thu gom (trước khi xử lý): Nhiệt độ, Màu, pH, BOD₅ (20°C); COD; Chất rắn lơ lửng; As; Hg; Pb; Cd; Cr⁶⁺; Cr³⁺; Cu; Zn; Ni; Mn; Fe; Tổng Xianua; Tổng phenol; Tổng dầu mỡ khoáng; Sunfua; Florua; Amoni (tính theo N); Tổng Nito; Tổng Phốt pho (tính theo P); Clorua; Clo dư; Tổng hóa chất bảo vệ thực vật clo hữu cơ; Tổng hóa chất bảo vệ thực vật photpho hữu cơ; Tổng PCB; Coliform.

- + Tại hố ga sau Trạm xử lý nước thải tập trung trước khi xả ra môi trường: Màu, BOD₅ (20°C); As; Hg; Pb; Cd; Cr⁶⁺; Cr³⁺; Cu; Zn; Ni; Mn; Fe; Tổng Xianua; Tổng phenol; Tổng dầu mỡ khoáng; Sunfua; Florua; Tổng Nito; Tổng Phốt pho (tính theo P); Clorua; Clo dư; Tổng hóa chất bảo vệ thực vật clo hữu cơ; Tổng hóa chất bảo vệ thực vật photpho hữu cơ; Tổng PCB; Coliform.

- Quy chuẩn so sánh: QCTĐHN 02:2014/BTNMT, cột A ($K_q=0,9$; $K_r=1,1$) - Quy chuẩn kỹ thuật về nước thải công nghiệp trên địa bàn Thủ đô Hà Nội.

- Tần suất: 03 tháng/01 lần.

5.3.2. Giám sát chất thải rắn

Handwritten signature

- Vị trí: tại khu vực lưu giữ chất thải rắn.
- Thông số: tổng khối lượng và thành phần các loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải công nghiệp thông thường, CTNH (danh mục, mã CTNH) phát sinh; phương thức thu gom, vận chuyển và xử lý.
- Tần suất: khi có phát sinh chất thải và khi bàn giao chất thải.

6. Các điều kiện có liên quan đến môi trường.

6.1. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với Dự án

a) Chủ Dự án chỉ triển khai khi cơ quan có thiết kế cơ sở và các công trình bảo vệ môi trường trong thiết kế cơ sở của Dự án được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận.

b) Chủ Dự án phải chịu trách nhiệm về công tác an toàn và bảo vệ môi trường trong quá trình chuẩn bị, triển khai, xây dựng và vận hành dự án; tuân thủ nghiêm các quy định của UBND Thành phố Hà Nội, các quy định pháp luật hiện hành của Nhà nước Việt Nam.

c) Việc thu gom, vận chuyển, xử lý phế thải xây dựng trong quá trình triển khai xây dựng Dự án phải thực hiện theo Chỉ thị 07/CT-UBND ngày 16/5/2017 của UBND thành phố Hà Nội.

d) Bố trí lán trại, khu lưu giữ nguyên vật liệu và thiết bị tại những địa điểm phù hợp để giảm thiểu ảnh hưởng đến môi trường tự nhiên, cuộc sống của dân cư, các hoạt động văn hóa, kinh tế, xã hội của địa phương trong quá trình triển khai xây dựng; thực hiện chương trình giáo dục, nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường, bảo vệ an ninh xã hội đối với đội ngũ cán bộ, công nhân tham gia thi công xây dựng, vận hành Dự án.

đ) Quá trình triển khai xây dựng và vận hành dự án phải thực hiện đúng quy định tại Quyết định số 29/2015/QĐ-UBND ngày 09/10/2015 của UBND thành phố Hà Nội về đảm bảo trật tự, an toàn và vệ sinh môi trường trong quá trình xây dựng các công trình tại thành phố Hà Nội; các biện pháp giảm bụi theo quy định tại Quyết định số 02/2005/QĐ-UB ngày 10/01/2005 của UBND thành phố Hà Nội và Quyết định số 241/2005/QĐ-UB ngày 30/12/2005 của UBND thành phố Hà Nội về việc sửa đổi một số điều quy định về việc thực hiện các biện pháp giảm bụi trong lĩnh vực xây dựng trên địa bàn Thành phố. Bụi và khí thải phát sinh trong quá trình thi công xây dựng dự án phải có các biện pháp giảm thiểu, đảm bảo đạt quy chuẩn QCVN 05:2013/BTNMT-Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh.

e) Tiếng ồn và độ rung trong quá trình triển khai xây dựng và vận hành Dự án phải có biện pháp giảm thiểu, đảm bảo tuân thủ quy định tại Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 26:2010/BTNMT về tiếng ồn (khu vực thông thường) và QCVN 27:2010/BTNMT (Bảng 2 - Khu vực thông thường) về độ rung.

g) Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh trong quá trình triển khai xây dựng và vận hành Dự án phải được thu gom và xử lý theo đúng quy định tại Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/4/2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu và Quy định quản lý chất thải rắn thông thường trên địa bàn thành phố Hà Nội ban hành theo Quyết định số 16/2013/QĐ-UBND ngày 03/6/2013 của UBND Thành phố Hà Nội.

h) Chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình triển khai xây dựng và vận hành Dự án phải được phân loại, thu gom, lưu giữ, quản lý và xử lý theo đúng quy định tại

th

Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về quản lý chất thải nguy hại.

i) Xây dựng hệ thống thu gom, thoát nước mưa và hệ thống thu gom, xử lý nước thải phải được tách riêng, thiết kế đồng bộ, bố trí phù hợp với quy hoạch đã được duyệt và tuân theo quy định, quy chuẩn kỹ thuật về xây dựng, quy định, quy chuẩn kỹ thuật môi trường có liên quan theo quy định.

k) Nước thải sinh hoạt phát sinh trong quá trình triển khai xây dựng của Dự án phải được thu gom và chuyển giao cho đơn vị có chức năng phù hợp để xử lý theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều 37 Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/4/2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu. Nước thải thi công phát sinh trong quá trình triển khai xây dựng của Dự án phải được thu gom và xử lý đạt QCTĐHN 02:2014/BTNMT (cột B, $K_q = 0,9$, $K_f = 1,2$) – Quy chuẩn kỹ thuật về nước thải công nghiệp trên địa bàn thủ đô Hà Nội trước khi xả ra môi trường tiếp nhận.

l) Toàn bộ nước thải phát sinh từ cụm công nghiệp Xà Cầu (giai đoạn 1); từ nhà điều hành của Dự án và các cơ sở hoạt động trong cụm công nghiệp Xà Cầu - Giai đoạn 2 phải được thu gom và dẫn về Trạm xử lý nước thải công nghiệp tập trung công suất 300 m³/ngày đêm do Chủ đầu tư hạ tầng cụm công nghiệp đầu tư xây dựng để xử lý đạt QCTĐHN 02:2014/BTNMT (cột A) ($K_q=0,9$, $K_f=1,1$) - Quy chuẩn kỹ thuật về nước thải công nghiệp trên địa bàn Thủ đô Hà Nội trước khi xả thải ra môi trường tiếp nhận.

m) Lắp đặt hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục (bao gồm thiết bị quan trắc tự động, liên tục và thiết bị lấy mẫu tự động), có camera theo dõi, truyền số liệu trực tiếp cho Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Nội trước khi đưa dự án vào vận hành. Hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục, có camera theo dõi phải được thử nghiệm, kiểm định, hiệu chuẩn theo quy định của pháp luật về khoa học và công nghệ, tiêu chuẩn, đo lường và chất lượng theo quy định tại khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều 39 Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/4/2015 của Chính phủ, được sửa đổi, bổ sung tại khoản 20 Điều 3 của Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ.

n) Lập và gửi Kế hoạch vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải của Dự án cho Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Nội theo quy định tại Điều 16b Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/2/2015 của Chính phủ Quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường, được sửa đổi, bổ sung tại Khoản 9 Điều 1 Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường và Điều 10 Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT ngày 31/12/2019 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ.

o) Lập hồ sơ đề nghị kiểm tra, xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường theo quy định tại Điều 17 Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/2/2015 của Chính phủ Quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường, được sửa đổi bổ sung tại Khoản 10 Điều 1 Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường.

K

p) Nộp phí bảo vệ môi trường đối với nước thải theo quy định tại Nghị định số 53/2020/NĐ-CP ngày 05/5/2020 của Chính phủ.

q) Thực hiện các quy định hiện hành về sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước.

r) Lập lại báo cáo đánh giá tác động môi trường theo quy định tại Điều 15 Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/2/2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường, được sửa đổi, bổ sung tại khoản 6 Điều 1 Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường.

6.2. Các điều kiện kèm theo của Chủ Dự án

a) Thực hiện trách nhiệm của Chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng cụm công nghiệp theo quy định tại Điều 7 Thông tư số 31/2016/TT-BTNMT ngày 14/10/2016 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về bảo vệ môi trường cụm công nghiệp, khu kinh doanh, dịch vụ tập trung, làng nghề và cơ sở sản xuất kinh doanh, dịch vụ.

b) Thiết lập hệ thống cảnh báo nguy hiểm, cảnh báo giao thông trong khu vực thi công; thực hiện các biện pháp kỹ thuật và tổ chức thi công phù hợp nhằm giảm thiểu tác động tới các hoạt động giao thông của khu vực cũng như đời sống, sinh kế của dân cư xung quanh.

c) Thực hiện đền bù những thiệt hại môi trường do dự án gây ra theo Luật Bảo vệ môi trường và Nghị định số 155/2016/NĐ-CP ngày 18/11/2016 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường.

d) Bảo đảm kinh phí để thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường và chương trình quan trắc, giám sát môi trường, đảm bảo các cam kết như đã nêu trong báo cáo đánh giá tác động môi trường.

đ) Lập báo cáo công tác bảo vệ môi trường theo quy định tại Phụ lục VI Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT ngày 31/12/2019 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 40/2019 ngày 13/5/2019 của Chính phủ. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm (kỳ báo cáo tính từ ngày 01/01 đến hết ngày 31 tháng 12) được gửi tới UBND Thành phố Hà Nội, Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Nội, UBND huyện Ứng Hòa.

e) Thực hiện các quy định sử dụng đất theo đúng quy định của pháp luật; thực hiện nghiêm công tác cải tạo phục hồi môi trường; hoàn trả các diện tích đất chiếm dụng tạm thời phục vụ xây dựng Dự án (nếu có).

g) Thực hiện các thủ tục đầu nối hệ thống đường giao thông, hệ thống điện, hệ thống cấp nước, thoát nước của Dự án (trong trường hợp cần thiết) với các hệ thống hiện đang có tại địa phương theo quy định của pháp luật.

h) Lập phương án và thực hiện các biện pháp phòng ngừa, ứng phó các sự cố môi trường khác phát sinh trong quá trình thực hiện Dự án; tuân thủ các yêu cầu về an toàn lao động, vệ sinh công nghiệp, phòng chống cháy, nổ trong quá trình thực hiện Dự án theo quy định của pháp luật hiện hành.

i) Thực hiện, áp dụng triệt để các biện pháp nhằm giảm thiểu những tác động tiêu cực, xử lý các nguồn thải phát sinh có khả năng gây ảnh hưởng đến đời sống nhân dân xung quanh khu vực Dự án trong quá trình thi công xây dựng và vận hành Dự án.

k) Trong quá trình triển khai xây dựng dự án, Chủ dự án có những thay đổi quy định tại Khoản 2 Điều 26 Luật Bảo vệ môi trường phải báo cáo bằng văn bản cho cơ quan đã phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường và chỉ được thực hiện thay đổi sau khi có quyết định chấp thuận về môi trường theo quy định tại Khoản 4 Điều 16 Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/2/2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường, được sửa đổi, bổ sung tại Khoản 7 Điều 1 Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường.

l) Thực hiện trách nhiệm bảo vệ môi trường của Chủ dự án, nhà thầu thi công trong thi công công trình xây dựng Dự án và theo chế độ báo cáo công tác bảo vệ môi trường ngành xây dựng theo quy định tại Thông tư số 02/2018/TT-BXD ngày 06/02/2018 của Bộ Xây dựng.

m) Chịu hoàn toàn trách nhiệm trong việc xây dựng, thực hiện báo cáo đánh giá tác động môi trường và toàn bộ nội dung quyết định phê duyệt của cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.



HỢP ĐỒNG THUÊ ĐẤT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 117/HĐTD-STNMT-KTĐ

Hà Nội, ngày 25 tháng 4 năm 2024

HỢP ĐỒNG THUÊ ĐẤT

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; Nghị định số 46/2014/NĐ-CP 15/5/2014 của Chính phủ quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;

Căn cứ Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất;

Căn cứ Thông tư số 77/2014/TT-BTC ngày 16/6/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15/05/2014 của Chính phủ Quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;

Căn cứ Quyết định số 785/QĐ-UBND ngày 06/02/2024 của UBND Thành phố về việc cho Công ty cổ phần Hà Thành – BQP thuê 79.250,1m² đất tại xã Quảng Phú Cầu để thực hiện dự án Xây dựng hạ tầng kỹ thuật Cụm công nghiệp Xà Cầu - Giai đoạn 2, huyện Ứng Hòa;

Căn cứ Thông báo số 17852/TB-CTHN-QLĐ ngày 05/4/2024 của Cục thuế thành phố Hà Nội về đơn giá thuê đất, thuê mặt nước.

Hôm nay, ngày 25 tháng 4 năm 2024, tại Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Nội (địa chỉ: số 18 phố Huỳnh Thúc Kháng, quận Đống Đa, Hà Nội), chúng tôi gồm:

I. BÊN CHO THUÊ ĐẤT: UBND THÀNH PHỐ HÀ NỘI (SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HÀ NỘI LÀ ĐƠN VỊ ĐƯỢC ỦY QUYỀN)

- Người đại diện: Ông Nguyễn Anh Quân.

- Chức vụ: Phó Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường.

- Địa chỉ trụ sở: 18 phố Huỳnh Thúc Kháng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

II. BÊN THUÊ ĐẤT: CÔNG TY CỔ PHẦN HÀ THÀNH – BQP

- Người đại diện theo pháp luật: Ông Lưu Tiến Thuyên.

- Chức vụ: Giám đốc.

- Địa chỉ trụ sở chính: Số 6 ngách 3/2 đường Liên Cơ, phường Cầu Diễn, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

- Mã số doanh nghiệp: 0106249854.

- Số tài khoản: 2600852941 tại Ngân hàng BIDV - CN Mỹ Đình.

III. Hai bên thỏa thuận ký Hợp đồng thuê với các Điều, Khoản sau đây:

Điều 1. Bên cho thuê đất cho thuê khu đất như sau:

1. Địa điểm thửa đất: xã Quảng Phú Cầu, huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội. ✓

Vị trí, ranh giới khu đất được xác định bởi các mốc: A1, A2 ... đến A27, A1 tại Bản đồ Quy hoạch mặt bằng sử dụng đất tỷ lệ 1/500, do Công ty cổ phần tư vấn thiết kế và Phát triển đô thị Việt Nam lập năm 2023, được UBND huyện Ứng Hòa phê duyệt điều chỉnh tại Quyết định số 8241/QĐ-UBND ngày 22/12/2023.

2. Diện tích đất thuê là: 79.250,1m² đất (*Bảy mươi chín nghìn, hai trăm năm mươi phẩy một mét vuông đất*).

3. Mục đích sử dụng đất: Thực hiện dự án xây dựng hạ tầng kỹ thuật Cụm công nghiệp Xà Cầu - Giai đoạn 2.

4. Hình thức sử dụng đất: Nhà nước cho thuê đất thu tiền thuê đất hàng năm. Thời hạn thuê đất: Kể từ ngày UBND Thành phố ký Quyết định cho thuê đất đến hết ngày 17/01/2070 (50 năm kể từ ngày ký Quyết định thành lập cụm công nghiệp).

Điều 2. Bên thuê đất có trách nhiệm trả tiền thuê đất theo quy định sau:

1. Đơn giá thuê đất:

- Đơn giá thuê đất ngoài chỉ giới để thực hiện dự án Xây dựng hạ tầng kỹ thuật Cụm công nghiệp Xà Cầu - Giai đoạn 2 là: 21.935 đồng/m²/năm. (*Bằng chữ: Hai mươi một nghìn, chín trăm ba mươi lăm đồng một mét vuông một năm*).

- Thời hạn ổn định đơn giá thuê đất từ ngày 06/02/2024 đến hết ngày 05/02/2029;

Hết thời hạn ổn định đơn giá thuê đất nêu trên, Bên thuê đất có trách nhiệm liên hệ với Cục Thuế thành phố Hà Nội để xác định đơn giá thuê đất cho kỳ ổn định kế tiếp; Liên hệ Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Nội để ký Phụ lục Hợp đồng thuê đất theo quy định.

2. Bên thuê đất có trách nhiệm nộp tiền thuê đất theo quy định.

3. Phương thức nộp tiền thuê đất: Mỗi năm được chia làm 02 kỳ, kỳ thứ nhất nộp tối thiểu 50% tổng số tiền thuê đất hàng năm trước ngày 31 tháng 5, kỳ thứ 2 nộp trước ngày 31 tháng 10 hàng năm.

4. Nơi nộp tiền thuê đất: Kho bạc Nhà nước huyện Ứng Hòa.

5. Việc cho thuê đất không làm mất quyền của Nhà nước là đại diện chủ sở hữu đất đai và mọi tài nguyên nằm trong lòng đất.

Điều 3. Việc sử dụng đất trên khu đất thuê phải phù hợp với mục đích sử dụng đất đã ghi tại Điều 1 Hợp đồng thuê đất này và Quyết định số 785/QĐ-UBND ngày 06/02/2024 của UBND thành phố Hà Nội.

Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của các bên:

1. Bên cho thuê đất đảm bảo việc sử dụng đất của Bên thuê đất trong thời gian thực hiện hợp đồng, không được chuyển giao quyền sử dụng khu đất trên cho bên thứ ba, chấp hành quyết định thu hồi đất theo quy định của pháp luật về đất đai.

2. Trong thời gian thực hiện hợp đồng, Bên thuê đất có các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật về đất đai. ✓

3. Trường hợp Bên thuê đất bị thay đổi do chia tách, sáp nhập, chuyển đổi doanh nghiệp, bán tài sản gắn liền với đất thuê phù hợp với quy định của pháp luật thì tổ chức, cá nhân được hình thành hợp pháp sau khi Bên thuê đất bị thay đổi sẽ thực hiện tiếp quyền và nghĩa vụ của bên thuê đất trong thời gian còn lại của Hợp đồng thuê đất này.

4. Trong thời hạn hợp đồng còn hiệu lực thi hành, nếu Bên thuê đất trả lại toàn bộ hoặc một phần khu đất thuê trước thời hạn thì phải thông báo cho Bên cho thuê đất biết trước ít nhất là 06 tháng. Bên cho thuê đất trả lời cho Bên thuê đất trong thời gian 03 tháng, kể từ ngày nhận được đề nghị của Bên thuê đất. Thời điểm kết thúc Hợp đồng tính đến ngày bàn giao mặt bằng.

5. Các quyền và nghĩa vụ khác theo thỏa thuận của các bên (nếu có): Không

Điều 5. Hợp đồng thuê đất chấm dứt trong các trường hợp sau:

1. Hết thời hạn thuê đất mà không được gia hạn thuê tiếp.
2. Do đề nghị của một bên hoặc các bên tham gia hợp đồng và được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho thuê đất đó chấp thuận.
3. Bên thuê đất bị phá sản hoặc bị phát mại tài sản hoặc giải thể.
4. Bên thuê đất bị cơ quan nhà nước thẩm quyền thu hồi đất theo quy định của pháp luật về đất đai.

Điều 6. Việc giải quyết tài sản gắn liền với đất sau khi kết thúc Hợp đồng này được thực hiện theo quy định của pháp luật.

Điều 7. Hai Bên cam kết thực hiện đúng quy định Hợp đồng thuê đất này, nếu Bên nào không thực hiện thì phải bồi thường cho việc vi phạm Hợp đồng thuê đất gây ra theo quy định của pháp luật.

Điều 8. Hợp đồng này được lập thành 05 (năm) bản có giá trị pháp lý như nhau mỗi bên giữ 01 bản, 01 bản lưu Văn thư, 01 bản gửi Cục Thuế thành phố Hà Nội, 01 bản gửi Chi cục thuế huyện Ứng Hòa.

Hợp đồng này có hiệu lực từ ngày ký /.../



GIÁM ĐỐC
Trần Tiến Chuyên



PHÓ GIÁM ĐỐC
Nguyễn Anh Quân



1. The first part of the report is a general introduction to the subject of the study. It discusses the importance of the study and the objectives of the research. It also provides a brief overview of the methodology used in the study.

2. The second part of the report is a detailed description of the methodology used in the study. It discusses the data collection methods, the sample size, and the statistical analysis techniques used.

3. The third part of the report is a detailed description of the results of the study. It discusses the findings of the research and the conclusions drawn from the data.

4. The fourth part of the report is a discussion of the implications of the study. It discusses the practical applications of the findings and the limitations of the study.

5. The fifth part of the report is a conclusion. It summarizes the main findings of the study and provides a final statement on the importance of the research.



1. The first part of the report is a general introduction to the subject of the study. It discusses the importance of the study and the objectives of the research. It also provides a brief overview of the methodology used in the study.

Số: 785/QĐ-UBND

Hà Nội, ngày 06 tháng 02 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc cho Công ty cổ phần Hà Thành – BQP thuê 79.250,1m² đất tại xã Quảng Phú Cầu để thực hiện dự án Xây dựng hạ tầng kỹ thuật Cụm công nghiệp Xà Cầu – Giai đoạn 2, huyện Ứng Hoà.

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2019;

Căn cứ Luật Đất đai năm 2013 và các Nghị định của Chính phủ về việc hướng dẫn thi hành Luật Đất đai năm 2013;

Căn cứ Khoản 7 Điều 60 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 (sửa đổi, bổ sung tại Khoản 7 Điều 1 Nghị định số 10/2023/NĐ-CP ngày 03/4/2023) của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 10/2023/NĐ-CP ngày 03/4/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định hướng dẫn thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Quyết định số 11/2017/QĐ-UBND ngày 31/3/2017 của UBND Thành phố về việc ban hành quy định các nội dung về thu hồi, giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư trên địa bàn thành phố Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 22/2022/QĐ-UBND ngày 25/5/2022 của UBND Thành phố về việc Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 11/2017/QĐ-UBND ngày 31/3/2017 của UBND Thành phố về một số nội dung về thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư trên địa bàn thành phố Hà Nội;

Quyết định số 3974/QĐĐ-UBND ngày 08/8/2023 của UBND Thành phố phê duyệt thủ tục hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai trên địa bàn thành phố Hà Nội;

Xét đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 458/TTr-STNMT-QHKHSDĐ ngày 22 tháng 01 năm 2024,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho Công ty cổ phần Hà Thành - BQP thuê 79.250,1m² (Bảy chín nghìn hai trăm năm mươi phẩy một mét vuông) đất tại xã Quảng Phú Cầu, huyện Ứng Hoà (UBND huyện Ứng Hoà xác nhận đã hoàn thành giải phóng mặt bằng tại Văn bản số 1189/UBND-TNMT ngày 11/7/2023) để xây dựng hạ tầng kỹ thuật Cụm công nghiệp Xà Cầu – Giai đoạn 2, huyện Ứng Hoà theo các Quyết định số



383/QĐ-UBND ngày 17/01/2020 và số 4395/QĐ-UBND ngày 10/11/2022 của UBND Thành phố; Quyết định số 1701/QĐ-CT ngày 17/01/2020 của Công ty cổ phần Hà Thành - BQP.

Vị trí, ranh giới khu đất được xác định bởi các mốc: A1, A2....đến A27, A1 tại Bản đồ Quy hoạch mặt bằng sử dụng đất tỷ lệ 1/500, do Công ty cổ phần tư vấn thiết kế và Phát triển đô thị Việt Nam lập năm 2023, được UBND huyện Ứng Hoà phê duyệt điều chỉnh tại Quyết định số 8241/QĐ-UBND ngày 22/12/2023.

Hình thức sử dụng đất: Nhà nước cho thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm; Thời hạn thuê đất: Kể từ ngày UBND Thành phố ký Quyết định cho thuê đất đến hết ngày 17/01/2070 (50 năm kể từ ngày ký Quyết định thành lập cụm công nghiệp). Công ty cổ phần Hà Thành - BQP có trách nhiệm duy tu, bảo dưỡng hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật chung của cụm công nghiệp trong suốt thời gian hoạt động.

Điều 2. Căn cứ Điều 1 Quyết định này, Công ty cổ phần Hà Thành - BQP có trách nhiệm:

1. Liên hệ với Sở Tài nguyên và môi trường để được xác định tiền thuê đất; làm thủ tục về hợp đồng thuê đất theo quy định;

2. Liên hệ với Cục Thuế Thành phố Hà Nội để được hướng dẫn thực hiện thủ tục miễn, giảm tiền thuê đất theo quy định và nộp tiền thuê đất, các nghĩa vụ tài chính khác với ngân sách Nhà nước theo quy định;

3. Liên hệ với Sở Công thương để được hướng dẫn thực hiện thủ tục điều chỉnh Quyết định số 4395/QĐ-UBND ngày 10/11/2022 của UBND Thành phố (điều chỉnh tiến độ thực hiện Dự án) theo quy định.

4. Sau khi thực hiện xong các nội dung trên, liên hệ với Sở Tài nguyên và Môi trường để được bàn giao đất trên bản đồ và ngoài thực địa; hướng dẫn thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo quy định;

5. Liên hệ với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để được hướng dẫn triển khai đồng bộ các hạng mục công trình, hoàn trả các công trình thủy lợi nội đồng đảm bảo không làm ảnh hưởng đến yêu cầu tưới, tiêu và phù hợp với quy định của Luật Thủy lợi (nếu có);

6. Liên hệ với Sở Xây dựng để được hướng dẫn thực hiện thủ tục xin phép xây dựng theo quy định (nếu có);

7. Sử dụng diện tích đất được giao trong phạm vi mốc giới và đúng quy định tại Điều 1 Quyết định; thực hiện dự án đầu tư theo quy định của pháp luật về đất đai, đầu tư, xây dựng; định vị công trình xây dựng đúng theo quy hoạch được chấp thuận và giấy phép xây dựng;

8. Thực hiện đúng quy định của pháp luật về quản lý đầu tư, xây dựng, môi trường và các Quyết định số 383/QĐ-UBND ngày 17/01/2020 và số 4395/QĐ-UBND ngày 10/11/2022 của UBND Thành phố.

9. Thực hiện đúng Quy chế quản lý Cụm công nghiệp trên địa bàn Thành phố Hà Nội theo Quyết định số 33/2022/QĐ-UBND ngày 03/10/2022 (có hiệu lực thi hành kể từ ngày 14/10/2022) của UBND thành phố Hà Nội.

Điều 3. Trách nhiệm của các ngành, các cấp:

1. Sở Tài nguyên và Môi trường:

- Xác định giá đất tính thu tiền thuê đất và các nghĩa vụ về tài chính khác (nếu có) theo đúng quy định;

- Ký Hợp đồng thuê đất, Bàn giao mốc giới trên bản đồ và ngoài thực địa, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất sau khi hoàn thành nghĩa vụ tài chính theo quy định;

- Chỉ đạo Văn phòng Đăng ký Đất đai chỉnh lý biến động đất đai vào hồ sơ địa chính theo quy định.

- Thực hiện giám sát, thanh kiểm tra việc chấp hành pháp luật về đất đai, môi trường của người sử dụng đất theo quy định.

2. Cục Thuế Hà Nội có trách nhiệm thu tiền thuê đất, nộp thuế sử dụng đất hàng năm và các nghĩa vụ tài chính khác còn thiếu (nếu có) theo quy định.

3. Sở Công thương hướng dẫn Công ty cổ phần Hà Thành - BQP thực hiện thủ tục điều chỉnh Quyết định số 4395/QĐ-UBND ngày 10/11/2022 của UBND Thành phố (điều chỉnh tiến độ thực hiện Dự án) theo quy định.

4. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn triển khai đồng bộ các hạng mục công trình, hoàn trả các công trình thủy lợi nội đồng đảm bảo không làm ảnh hưởng đến yêu cầu tưới, tiêu và phù hợp với quy định của Luật Thủy lợi (nếu có) theo quy định.

5. Sở Xây dựng hướng dẫn Công ty cổ phần Hà Thành - BQP thực hiện thủ tục xin phép xây dựng theo quy định (nếu có) theo quy định.

6. Sở Công thương, Sở Kế hoạch và Đầu tư giám sát, đôn đốc Nhà đầu tư thực hiện dự án theo đúng tiến độ.

7. UBND huyện Ứng Hoà: chịu trách nhiệm toàn bộ về công tác quản lý đất đai tại địa phương; giám sát, kiểm tra việc quản lý, sử dụng đất được giao, thuê trong phạm vi ranh giới, mốc giới; sử dụng đất đúng mục đích cụm công nghiệp theo quy định của pháp luật; đảm bảo vệ sinh môi trường, phòng cháy chữa cháy theo quy định tại Quy chuẩn xây dựng Việt Nam.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Sau 12 tháng liên tục hoặc tiến độ sử dụng đất chậm 24 tháng so với tiến độ ghi trong dự án đầu tư kể từ khi nhận bàn giao đất trên thực địa phải đưa đất vào sử dụng; Trường hợp không sử dụng đất trong thời hạn 12 tháng liên tục hoặc tiến độ sử dụng đất chậm 24 tháng so với tiến độ ghi trong dự án đầu tư kể từ khi nhận bàn giao đất trên thực địa thì Công ty cổ phần Hà Thành - BQP được gia hạn sử dụng 24 tháng và phải nộp cho Nhà nước khoản tiền tương ứng với mức tiền thuê đất đối với thời gian chậm tiến độ thực hiện dự án trong thời gian này; Hết thời hạn được gia hạn mà Công ty cổ phần Hà Thành - BQP vẫn chưa đưa đất vào sử dụng hoặc sử dụng đất không đúng nội dung ghi tại Điều 1 Quyết định này thì UBND Thành phố thu hồi đất mà không bồi thường về đất và tài sản gắn liền với đất, trừ trường hợp do bất khả kháng.



Điều 5. Chánh Văn phòng UBND Thành phố; Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Tài chính, Xây dựng, Quy hoạch - Kiến trúc, Kế hoạch và Đầu tư, Công thương; Cục trưởng Cục Thuế Hà Nội; Giám đốc Văn phòng đăng ký đất đai Hà Nội; Chủ tịch UBND: huyện Ứng Hoà, xã Quảng Phú Cầu; Công ty cổ phần Hà Thành - BQP và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- Chủ tịch UBND Thành phố (để b/c);
- PCT UBND TP Nguyễn Trọng Đông;
- VPUB: C/PCVP C.N. Trạng;
- Các Phòng: TH, TNMT, ĐT;
- Lưu: VT, TNMT.

HS: 47019, 2023, QHKSĐĐ (P)

131(5)

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Trọng Đông

ỦY BAN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
HUYỆN ỨNG HÒA Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Ứng Hòa, ngày 04 tháng 03 năm 2024

GIẤY PHÉP XÂY DỰNG

Số: 07/GPXD

1. Cấp cho: Công ty cổ phần Hà Thành - BQP

Người đại diện: ông Lưu Tiến Thuyên; chức vụ: Giám đốc

Địa chỉ: số 6, ngách 3/2 đường Liên Cơ, phường Cầu Diễn, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

2. Được cấp phép xây dựng: Công trình Hạ tầng kỹ thuật thuộc dự án xây dựng hạ tầng kỹ thuật Cụm công nghiệp Xà Cầu - Giai đoạn 2, huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội.

Theo hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công hạng mục: Hạ tầng kỹ thuật.

- Do Công ty cổ phần đầu tư Tân Minh lập phần giao thông, san nền, tường chắn, cấp nước, thoát nước mưa, thoát nước thải, cấp điện, chiếu sáng, thông tin liên lạc, tổng hợp đường dây, đường ống kỹ thuật.

- Do Công ty cổ phần tư vấn và xây dựng môi trường TNT Việt Nam lập phần công nghệ trạm XLNT.

- Do Công ty TNHH FISA Việt Nam lập PCCC.

- Đơn vị thẩm tra: Công ty cổ phần tư vấn đầu tư và xây dựng công trình An Dương 6.

- Đơn vị thẩm định: Công ty cổ phần Hà Thành - BQP.

Gồm các nội dung sau:

- Vị trí xây dựng: Xã Quảng Phú Cầu, huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội.

- Cốt nền xây dựng, chỉ giới đường đỏ, chỉ giới xây dựng, mật độ xây dựng, hệ số sử dụng đất: Tuân thủ theo Quyết định số 07/QĐ-UBND ngày 11/01/2018 của UBND huyện Ứng Hòa về việc phê duyệt quy hoạch chi tiết Cụm công nghiệp Xà Cầu (đối với khu mở rộng) và Quyết định số 8241/QĐ-UBND ngày 22/12/2023 của UBND huyện Ứng Hòa về phê duyệt Đồ án điều chỉnh cục bộ Quy hoạch chi tiết Cụm công nghiệp Xà Cầu (đối với khu mở rộng).

- Xây dựng 08 hạng mục dự án Xây dựng hạ tầng kỹ thuật Cụm Công nghiệp Xà Cầu - Giai đoạn 2, huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội, cụ thể:

- **Hạng mục 1: San nền, tường chắn**

+ Thiết kế san nền trong khu đất theo phương pháp đường đồng mức, độ dốc san nền $i = 0,2 - 0,4\%$. Hướng dốc từ giữa khu đất sang hai bên đường giao thông. Cao độ san nền từ +4,50m đến +4,60m. Vật liệu đắp nền được đắp thành từng lớp, đầm chặt $k \geq 90$ đạt đến cao độ thiết kế.

+ Các khu vực chênh cao độ sử dụng giải pháp taluy, tường chắn kết cấu đá hộc xây để ổn định mái dốc.

- **Hạng mục 2: Giao thông**

+ Mạng lưới đường giao thông của dự án gồm các tuyến đường trục chính có mặt cắt 1-1 được đầu nối đối ngoại giao với đường QL21B tại 1 điểm hiện

trạm tại Km20+120 (bên phải tuyến, hướng Ứng Hòa đi Mỹ Đức). Mặt cắt điển hình các tuyến đường trong cụm gồm $B_{\text{ngang}} = B_{\text{mặt}} + 2 \times B_{\text{hè}} = 7,5\text{m} + 2 \times 2,0\text{m} = 11,5\text{m}$ được thiết kế dạng hai mái với $i_{\text{ngang}} = 2\%$ dốc sang hai bên, hè được dốc $i_{\text{hè}} = 1,5\%$ về phía lòng đường.

+ Kết cấu áo đường đề xuất áp dụng gồm các lớp từ trên xuống: Bê tông xi măng mác 300# dày 25cm; lớp lót giấy dầu; cấp phối đá dăm loại 1 dày 18cm; cấp phối đá dăm loại 2 dày 20cm; đất san nền đầm chặt K98 dày 30cm.

+ Kết cấu hè bao gồm các lớp từ trên xuống: Lát gạch Block tự chèn dày 6cm; cát vàng tạo phẳng dày 5cm; cát vàng gia cố xi măng 8% dày 10cm; nền đầm chặt tạo phẳng K95. Bó vỉa hè và đan rãnh sử dụng viên vỉa bê tông xi măng đúc sẵn 18x22x100cm.

- Hạng mục 3: Thoát nước mưa

+ Nước mưa sau khi được thu bằng ga thu được dẫn trực tiếp vào các hệ thống công thoát nước thông qua các tuyến cống tròn BTCT D400 được dẫn về hướng Nam của dự án và thoát ra mương hiện trạng thông qua các tuyến cống hộp B1000 và B1200. Mạng lưới thoát nước gồm các tuyến cống hộp bằng BTCT có kích thước B600 - B1200.

+ Trên tuyến bố trí các ga thăm, ga thu với cự ly $\leq 30\text{m/ga}$ để thuận tiện việc nạo vét, sửa chữa.

- Hạng mục 4: Cấp nước

+ Nguồn nước được cấp cho dự án được lấy từ tuyến ống DN200 từ trạm cấp nước cho Xã Kiều do Công ty TNHH MTV nước sạch Hà Đông quản lý.

+ Thiết kế mạng lưới đường ống cấp nước theo dạng mạng vòng kết hợp mạng nhánh gồm đường ống phân phối HDPE DN110 nằm dưới vỉa hè các tuyến đường chạy xung quanh ô đất và tuyến ống dịch vụ HDPE DN40 và DN50 được đấu nối từ đường ống phân phối để cấp tới các điểm dùng nước.

+ Thiết kế bể chứa kết cấu bằng BTCT xây dựng tại khu đất CC01 với dung tích bể 500m^3 để đảm bảo cung cấp nước sạch và chữa cháy liên tục.

+ Trên tuyến ống phân phối bố trí trụ cứu hỏa D100 lấy nước theo tiêu chuẩn tại các vị trí gần ngã ba, ngã tư hoặc trục đường lớn, khoảng cách trung bình giữa các trụ $< 150\text{m}$.

+ Xây dựng 01 trạm bơm tăng áp + cứu hỏa tại vị trí lô đất hạ tầng kỹ thuật làm nhiệm vụ cấp nước cho hệ thống cấp nước toàn khu khi áp nước từ mạng cấp nước không đủ áp lực.

- Hạng mục 5: Thoát nước thải

+ Theo quy hoạch: hệ thống thoát nước thải thiết kế là hệ thống thoát nước riêng, toàn bộ nước thải sau khi được thu gom sẽ tập trung về nhà máy xử lý nước thải công suất dự kiến $300\text{m}^3/\text{ngày}$ của dự án.

+ Trạm xử lý nước thải công suất $300\text{m}^3/\text{ngày}$ gồm: Bể điều hoà nước thải; Bể điều chỉnh PH, bể trộn 1; Bể phản ứng 1; Bể lắng hoá lý 1; Bể Anoxic; Bể hiếu khí; Bể lắng sinh học; Bể chứa bùn tuần hoàn và bùn dư; Bể điều chỉnh PH; Bể trộn 2; Bể phản ứng 2; Bể lắng lý hoá 2; Bể khử trùng và bơm nước đầu ra; Bể chứa bùn; Nhà điều hành, pha hoá chất; Các công trình phụ trợ phục vụ Trạm xử lý.

+ Nước thải sau khi được xử lý cục bộ tại từng công trình được dẫn về Trạm xử lý nước thải của dự án bằng hệ thống cống tròn BTCT kích thước D300 đi trên hè được bố trí dọc theo các tuyến đường xung quanh ô đất để xử lý đảm bảo nước thải đầu ra đạt tiêu chuẩn quy chuẩn hiện hành rồi được thoát ra hệ thống kênh mương phía Nam dự.

- Hạng mục 6: Cấp điện và chiếu sáng

+ Các nội dung gồm: Xây dựng mới đường dây trung thế 35kV lộ 377 E10.2 từ khoảng cột 85 đến cột 88; Xây dựng mới 03 trạm biến áp, mỗi trạm công suất 1000kVA-35(22)/0,4kV, kiểu trạm Kios; Xây dựng hệ thống điện hạ thế đã được Sở công thương thẩm định.

+ Thiết kế hệ thống chiếu sáng cho dự án với mạng lưới cấp chiếu sáng từ Trạm biến áp đến các tủ điều khiển chiếu sáng sử dụng cáp 0,6/1kV-Cu/XLPE/DSTA/PVC tiết diện 4x50mm²; cáp trực chính cấp nguồn từ tủ chiếu sáng đến các cột đèn chiếu sáng sử dụng cáp ngầm Cu/XLPE/PVC/DSTA/PVC tiết diện 4x16mm². Bố trí các cột chiếu sáng dọc trên vỉa hè các tuyến có chiều cao 8m, bóng đèn Led ánh sáng màu vàng có công suất 100W. Toàn bộ hệ thống chiếu sáng được nối tiếp địa an toàn và điều khiển thông qua các tủ điều khiển chiếu sáng vận hành ở chế độ thông minh, tiết kiệm điện.

- Hạng mục 7: Thông tin liên lạc

+ Thiết kế hệ thống bố ống kỹ thuật trên vỉa hè để phục vụ luân ống thông tin liên lạc, viễn thông ... Ống kỹ thuật cấu tạo bằng HDPE đường kính D100.

+ Trung bình khoảng 50-80m (tùy thuộc vào các vị trí, điểm chuyển hướng...) bố trí các ga kỹ thuật, hào cáp.

- Hạng mục 8: Phòng cháy chữa cháy

Theo bản hồ sơ thiết kế đã được Phòng Cảnh sát PCCC và cứu nạn, cứu hộ thẩm duyệt tại giấy chứng nhận số 897/TD-PCCC ngày 22/10/2021

Trụ cứu hỏa được đầu nối vào mạng lưới đường ống cấp nước và bố trí đều trên các đường nội bộ trong cụm công nghiệp.

3. Giấy tờ về quyền sử dụng đất: Quyết định số 785/QĐ-UBND ngày 06/02/2024 của UBND thành phố Hà Nội về việc cho Công ty cổ phần Hà Thành - BQP thuê 79.250,1m² đất tại xã Quảng Phú Cầu để thực hiện dự án xây dựng hạ tầng kỹ thuật Cụm công nghiệp Xà Cầu - Giai đoạn 2, huyện Ứng Hòa.

4. Ghi nhận các công trình đã khởi công: Không

5. Giấy phép có hiệu lực khởi công xây dựng trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày cấp, quá thời hạn trên nếu công trình chưa khởi công thì Chủ đầu tư phải đề nghị gia hạn giấy phép xây dựng.

Nơi nhận:

- Chủ tịch, các PCT UBND huyện;
- Công ty cổ phần Hà Thành - BQP;
- Các phòng: Quản lý đô thị, Kinh tế, Tài nguyên và MT;
- Đội QLTTXD đô thị huyện;
- UBND xã Quảng Phú Cầu;
- Lưu VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Định



CHỦ ĐẦU TƯ PHẢI THỰC HIỆN CÁC NỘI DUNG SAU ĐÂY:

1. Phải hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu xâm phạm các quyền hợp pháp của các chủ sở hữu liên kề.
2. Phải thực hiện đúng các quy định của pháp luật về đất đai, về đầu tư xây dựng và Giấy phép xây dựng này.
3. Thực hiện thông báo khởi công xây dựng công trình theo quy định.
4. Xuất trình Giấy phép xây dựng cho cơ quan có thẩm quyền khi được yêu cầu theo quy định của pháp luật và treo biển báo tại địa điểm xây dựng theo quy định.
5. Khi điều chỉnh thiết kế làm thay đổi một trong các nội dung quy định tại Khoản 1 Điều 98 Luật Xây dựng 2014 thì phải đề nghị điều chỉnh giấy phép xây dựng và chờ quyết định của cơ quan cấp giấy phép.

Lưu ý:

- Thực hiện đầy đủ nội dung yêu cầu tại: Số 4746/SXD-QLXD ngày 10/6/2021 của Sở Xây dựng Hà Nội; số 1528/SCT-QLNL ngày 12/4/2021 của Sở Công thương Hà Nội; số 2163/SKHCN-QLCN ngày 08/11/2022 của sở Khoa học và Công nghệ Hà Nội; số 3939/BB-EVNHANOI ngày 18/6/2021 của Tổng công ty điện lực Hà Nội; số 4098/SGTVT-QLKCHTGT ngày 12/08/2020 của sở Giao thông Vận tải Hà Nội; số 383/QĐ-UBND ngày 17/01/2020, số 1172/QĐ-UBND ngày 11/3/2021, số 4395/QĐ-UBND ngày 10/11/2022 của UBND thành phố Hà Nội; số 276/CTN-KH ngày 18/5/2020 của công ty TNHH MTV nước sạch Hà Đông; số 1598/CTSN-QLN.CT ngày 22/05/2020 của công ty TNHH MTV đầu tư phát triển thủy lợi Sông Nhuệ; số 897/TD-PCCC của phòng cảnh sát PCCC&CNCH công an Hà Nội; số 3710/STNMT-CCQLĐĐ ngày 25/5/2021 của sở Tài nguyên và Môi trường Hà Nội và các văn bản pháp lý khác có liên quan.

- Thực hiện quy định tại Khoản 1, Điều 8, Thông tư số 05/2015/TT-BXD ngày 30/5/2015 của Bộ Xây dựng, đảm bảo nội dung xử lý tranh chấp và giải quyết vi phạm trong quá trình thi công (nếu có): Chủ đầu tư cần lập hồ sơ hiện trạng các công trình lân cận, liên kế có xác nhận của chủ sở hữu, chủ sử dụng công trình để có cơ sở giải quyết tranh chấp khiếu kiện nếu trong quá trình thi công công trình gây lún nứt, hư hỏng, ảnh hưởng các công trình xung quanh;

- Chủ đầu tư chỉ được phép khởi công xây dựng công trình sau khi thực hiện đầy đủ các điều kiện khởi công xây dựng công trình theo quy định tại Điều 107, Luật Xây dựng 2014 và thực hiện Quy định tại điểm c, khoản 2, Điều 106, Luật Xây dựng 2014: Khoản 39 Điều 1 Luật số 62/2020/QH14 ngày 17/6/2020 của Quốc hội thông báo ngày khởi công xây dựng bằng văn bản cho cơ quan cấp phép xây dựng và Ủy ban nhân dân cấp xã nơi xây dựng công trình trong thời hạn 03 ngày làm việc trước khi khởi công xây dựng công trình. Mẫu Thông báo khởi công thực hiện theo Phụ lục số 1, Quy định về đảm bảo trật tự, an toàn và vệ sinh môi trường trong quá trình xây dựng các công trình tại thành phố Hà Nội, ban hành kèm theo Quyết định số 29/2015/QĐ-UBND ngày 09/10/2015 của UBND Thành phố Hà Nội.

- Thực hiện đầy đủ Trách nhiệm của chủ đầu tư công trình xây dựng theo quy định tại Điều 14, Thông tư số 08/2017/TT-BXD ngày 16/5/2017 của Bộ Xây dựng về quản lý chất thải rắn xây dựng, phê duyệt và gửi thông báo kế hoạch quản lý Chất thải rắn xây dựng (viết tắt CTRXD) (hoặc thông báo thực hiện quản lý CTRXD) về Ủy ban nhân dân cấp xã nơi xây dựng công trình trong thời hạn 07 ngày làm việc trước khi khởi công xây dựng công trình, mẫu thông báo kế hoạch quản lý CTRXD tại Phụ lục 1, Thông tư số 08/2017/TT-BXD ngày 16/5/2017 của Bộ Xây dựng về quản lý chất thải rắn xây dựng; Yêu cầu của UBND Thành phố Hà Nội đối với các chủ đầu tư xây dựng công trình tại: Chỉ thị số 07/CT-UBND ngày 16/5/2017 về việc tăng cường quản lý phá dỡ, thu gom, vận chuyển, xử lý phế thải xây dựng trên địa bàn thành phố Hà Nội; Quy định về đảm bảo trật tự, an toàn và vệ sinh môi trường trong quá trình xây dựng các công trình tại thành phố Hà Nội, ban hành kèm theo Quyết định số 29/2015/QĐ-UBND ngày 09/10/2015.

- Chủ đầu tư có trách nhiệm công khai nội dung giấy phép xây dựng đã được cấp tại địa điểm thi công xây dựng trong suốt quá trình thi công xây dựng để tổ chức, cá nhân theo dõi và giám sát theo quy định của pháp luật có liên quan, quy định tại Khoản 2 Điều 55 Nghị định 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ.

- Chủ đầu tư, tư vấn thiết kế, tư vấn giám sát, đơn vị thẩm tra và đơn vị thi công phải hoàn toàn chịu trách nhiệm về pháp lý của tài liệu cung cấp, an toàn và chất lượng công trình trong quá trình xây dựng và sử dụng sau này. Nếu vi phạm trật tự xây dựng sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật.

ĐIỀU CHỈNH/GIA HẠN GIẤY PHÉP

1. Nội dung điều chỉnh/gia hạn:
2. Thời gian có hiệu lực của giấy phép:

....., ngày tháng năm

Thủ trưởng cơ quan cấp giấy phép xây dựng
(Ký tên, đóng dấu)

UBND THÀNH PHỐ HÀ NỘI
CÔNG TY TNHH MTV
NƯỚC SẠCH HÀ ĐÔNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 246/CTN-KH
V/v thỏa thuận điểm đầu nối cấp nước
cho dự án: Xây dựng Cụm công nghiệp
Xà Cầu – Giai đoạn 2, huyện Ứng
Hòa, TP Hà Nội

Hà Đông, ngày 18 tháng 5 năm 2020

Kính gửi: Công ty Cổ phần Hà Thành - BQP.

- Căn cứ Văn số 405/CV-CN ngày 04/5/2020 của Công ty Cổ phần Hà Thành - BQP về việc xin đầu nối cấp nước: Dự án đầu tư xây dựng Cụm công nghiệp Xà Cầu – Giai đoạn 2, huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội.

- Căn cứ mạng lưới cấp nước hiện có và khả năng cung cấp nước sạch của Công ty TNHH MTV nước sạch Hà Đông

Công ty TNHH MTV Nước sạch Hà Đông có ý kiến trả lời như sau:

1. Đồng ý cấp nước cho dự án: Xây dựng cụm công nghiệp Xà Cầu - giai đoạn 2, huyện Ứng hòa, thành phố Hà Nội từ hệ thống cấp nước hiện có của Công ty TNHH MTV nước sạch Hà Đông.

2. Toàn bộ kinh phí đầu tư xây dựng đường ống cấp nước từ điểm đầu đến dự án do Công ty cổ phần Hà Thành – BQP chịu trách nhiệm.

3. Yêu cầu Công ty cổ phần Hà Thành – BQP phối hợp với Công ty trong việc thiết kế và thi công đầu nối.

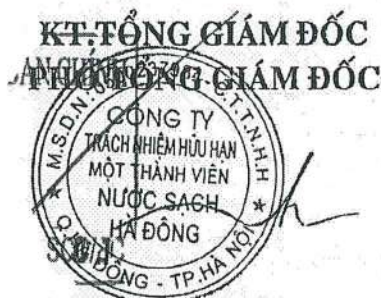
Vậy, Công ty TNHH MTV nước sạch Hà Đông xin thông báo để Công ty cổ phần Hà Thành – BQP biết và triển khai các công việc tiếp theo.

Xin trân trọng cảm ơn,

Nơi gửi:

- Như đề gửi;
- Chủ tịch, TGD Công ty (để báo cáo);
- Lưu VT, KHSX.

(Kc 03)



Hoàng Văn Thắng

UBND THÀNH PHỐ HÀ NỘI
CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN
ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THỦY LỢI SÔNG NHUỆ

Số: 1598/CTSN-QLN.CT

V/v: Thỏa thuận vị trí đầu nổi thoát nước vào kênh thủy lợi của dự án đầu tư xây dựng cụm công nghiệp Xà Cầu
Giai đoạn 2, huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Đông, ngày 22 tháng 5 năm 2020

Kính gửi: Công ty cổ phần Hà Thành - BQP

Công ty Đầu tư phát triển Thủy lợi Sông Nhuệ nhận được văn bản số 0405.1/CV-TN ngày 04/5/2020 của Công ty cổ phần Hà Thành - BQP về việc thỏa thuận đầu nổi thoát nước vào kênh thủy lợi của dự án đầu tư xây dựng cụm công nghiệp Xà Cầu – Giai đoạn 2, huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội. Sau khi nghiên cứu tài liệu gửi kèm, Công ty Đầu tư phát triển Thủy lợi Sông Nhuệ có ý kiến như sau:

1. Về vị trí đầu nổi thoát nước vào kênh thủy lợi:

Nhất trí với các vị trí đầu nổi thoát nước của dự án vào kênh thủy lợi, cụ thể như sau:

- Thoát nước mưa: Hệ thống rãnh B600 – B1200 dọc các tuyến đường quy hoạch, thu gom nước mưa của từng lô cụm công nghiệp sau đó xả ra các cửa xả:

+ Cửa xả 01 (CX01) nằm tại vị trí K0+220 bên phía bờ tả kênh Mả Găng – Con Voi (nhánh kênh đất), kích thước cửa xả (bxh) = (1,20x1,20)m.

+ Cửa xả 02 (CX02) nằm tại vị trí K0+040 bên phía bờ tả kênh Mả Găng – Con Voi (nhánh kênh đất), kích thước cửa xả (bxh) = (1,20x1,20)m.

- Thoát nước thải: Nước thải được thu gom từ các xưởng sản xuất về trạm xử lý nước thải tập trung của khu công nghiệp, nước thải đã xử lý đạt tiêu chuẩn được dẫn về hồ điều hòa nằm trong khu công nghiệp sau đó chảy qua cống D300 vào hệ thống thoát nước mưa, chảy ra kênh Mả Găng – Con Voi qua cửa xả 01 (CX01).

2. Đề nghị Công ty cổ phần Hà Thành – BQP:

- Trong quá trình lập hồ sơ thiết kế BVTC phải phối hợp với Công ty Đầu tư phát triển Thủy lợi Sông Nhuệ, để xác định cụ thể các công trình thủy lợi bị ảnh hưởng từ dự án, để có phương án thiết kế và thi công đảm bảo yêu cầu kỹ thuật.

- Trước khi triển khai các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi, phải xin cấp Giấy phép hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi theo quy định tại Nghị định 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật thủy lợi.

- Trong quá trình thi công, thường xuyên phối hợp với Công ty Đầu tư phát triển Thủy lợi Sông Nhuệ để vừa đảm bảo tiến độ thi công vừa đáp ứng yêu cầu vận hành công trình thủy lợi phục vụ sản xuất.

Trên đây là ý kiến trả lời văn bản số 0405.1/CV-TN ngày 04/5/2020 của Công ty Đầu tư phát triển Thủy lợi Sông Nhuệ đề Công ty cổ phần Hà Thành – BQP triển khai các bước tiếp theo. Đề nghị Công ty cổ phần Hà Thành – BQP quan tâm, phối hợp thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như đề gửi;
- Sở NN&PTNT Hà Nội (để b/c);
- Đ/c Chủ tịch Cty (để b/c);
- Đ/c Kiểm soát viên Công ty;
- Các đ/c P.TGĐ Cty;
- XNTL Ứng Hòa;
- Lưu: VT, QLN.CT (H.Son).

TỔNG GIÁM ĐỐC



Trần Thanh Toàn

TẬP ĐOÀN ĐIỆN LỰC VIỆT NAM
TỔNG CÔNG TY
ĐIỆN LỰC TP HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số 8260/BB-EVNHA NOI

Hà Nội, ngày 27 tháng 9 năm 2024

BIÊN BẢN

Về việc điều chỉnh thoả thuận phương án đầu tư cấp nguồn điện cho dự án
Cụm công nghiệp Xà Cầu - GD2, huyện Ứng Hòa

Hôm nay, vào hồi ngày 27 tháng 9 năm 2024, tại Văn phòng Tổng Công ty Điện lực TP Hà Nội; Chúng tôi gồm:

A. THÀNH PHẦN:

I. ĐẠI DIỆN TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TP HÀ NỘI (EVNHA NOI):

- | | |
|---------------------------|----------------------------------|
| 1. Ông: Nguyễn Anh Tuấn | Chức vụ: Tổng Giám đốc |
| 2. Ông: Trương Thành Long | Chức vụ: Trưởng Ban Kế hoạch |
| 3. Ông: Phạm Duy Huân | Chức vụ: Trưởng Ban Kỹ thuật |
| 4. Ông: Lê Công Dũng | Chức vụ: Phó Trưởng Ban Kế hoạch |

II. ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ: CÔNG TY CP HÀ THÀNH - BQP (CÔNG TY CP HÀ THÀNH)

- | | |
|--------------------------|--------------------------|
| 1. Ông: Lưu Tiến Thuyên | Chức vụ: Giám đốc |
| 2. Ông: Nguyễn Đức Trung | Chức vụ: Trợ lý Giám đốc |

B. NỘI DUNG:

Căn cứ Luật Điện lực số 28/2004/QH11 ngày 03/12/2004 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Điện lực số 24/2012/QH13 ngày 20/11/2012;

Căn cứ Nghị định số 68/2017/NĐ-CP ngày 25/5/2017 của Chính phủ về quản lý, phát triển Cụm công nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 66/2020/NĐ-CP ngày 11/6/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 68/2017/NĐ-CP ngày 25/5/2017 về quản lý, phát triển Cụm công nghiệp;

Căn cứ Thông tư số 28/2020/TT-BCT ngày 16/11/2020 của Bộ Công Thương quy định, hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Nghị định số 68/2017/NĐ-CP và Nghị định số 66/2020/NĐ-CP;

Căn cứ Quyết định số 33/2022/QĐ-UBND ngày 03/10/2022 của UBND Thành phố Hà Nội ban hành Quy chế quản lý Cụm công nghiệp trên địa bàn Thành phố Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 383/QĐ-UBND ngày 17/01/2020 của UBND Thành phố Hà Nội về việc thành lập Cụm công nghiệp Xà Cầu - GD2 (CCN Xà Cầu - GD2), huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội; Quyết định số 4395/QĐ-UBND ngày



10/11/2022 của UBND Thành phố Hà Nội về việc điều chỉnh Quyết định số 383/QĐ-UBND ngày 17/01/2020;

Căn cứ Công văn số 23-7/2024/CV-HT ngày 23/7/2024 của Công ty CP Hà Thành về việc thỏa thuận đấu nối cấp điện và điều chỉnh BB thỏa thuận phương án đầu tư cấp nguồn điện dự án CCN Xà Cầu - GD2, huyện Ứng Hòa;

Căn cứ Biên bản làm việc ngày 12/8/2024 giữa EVNHANOI và Công ty CP Hà Thành;

Công văn số 106/CV-HT ngày 13/8/2024 của Công ty CP Hà Thành về việc sử dụng điện tại Dự án đầu tư xây dựng CCN Xà Cầu - GD 2, huyện Ứng Hòa;

Căn cứ các Văn bản liên quan đến Dự án CCN Xà Cầu - GD2, huyện Ứng Hòa, do Công ty CP Hà Thành cung cấp.

Hai bên đã trao đổi, bàn bạc và cùng thống nhất ký Biên bản thỏa thuận với các nội dung như sau:

I. TRÁCH NHIỆM CỦA TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TP HÀ NỘI:

- EVNHANOI đầu tư hạ tầng kỹ thuật điện đến tủ hạ thế của trạm biến áp (Ranh giới đo đếm tại tủ hạ thế các trạm biến áp) để bán điện cho các khách hàng trong Cụm công nghiệp, sau khi Công ty CP Hà Thành hoàn thiện các hồ sơ pháp lý bao gồm: Điều chỉnh Quyết định thành lập CCN Xà Cầu - GD2, huyện Ứng Hòa, Thành phố Hà Nội (theo Quyết định số 383/QĐ-UBND ngày 17/01/2020 và Quyết định số 4395/QĐ-UBND ngày 10/11/2022 của UBND Thành phố Hà Nội, tiến độ hoàn thành công trình và đưa vào hoạt động bị chậm tiến độ).

- Thực hiện thỏa thuận đấu nối cấp điện và ký hợp đồng mua bán điện với từng Nhà đầu tư thứ cấp trong CCN Xà Cầu - GD2, khi các Nhà đầu tư thứ cấp triển khai thực hiện đầu tư và có nhu cầu sử dụng điện.

- EVNHANOI thực hiện đầu tư các trạm biến áp phù hợp với quy mô công suất và tiến độ sử dụng trên cơ sở Quy hoạch được duyệt.

II. TRÁCH NHIỆM CỦA CÔNG TY CP HÀ THÀNH - BQP:

- Chịu trách nhiệm về tính chính xác của hồ sơ, tài liệu gửi kèm theo của Dự án.

- Chịu trách nhiệm báo cáo, làm việc với cấp có thẩm quyền về việc điều chỉnh Quyết định thành lập CCN Xà Cầu - GD2, huyện Ứng Hòa.

- Không tính giá trị phần tài sản do EVNHANOI đầu tư vào cơ sở xác định đơn giá cho thuê, bàn giao hoặc chuyển nhượng,... cho các Nhà đầu tư thứ cấp, các đơn vị liên quan.

- Phối hợp, hỗ trợ EVNHANOI làm việc với cấp có thẩm quyền để bổ sung công trình điện của Dự án vào quy hoạch phát triển Điện lực.

- Chịu trách nhiệm bố trí vị trí đất thuộc phạm vi của Dự án (trong cụm Công nghiệp) để EVNHANOI đầu tư hệ thống điện cấp điện cho Dự án.

- Cung cấp tiến độ dự kiến hoàn thành đưa vào sử dụng, bảng phân kỳ công suất dự kiến, hồ sơ mặt bằng hạ tầng, xác định các vị trí đặt TBA theo quy hoạch của Cụm công nghiệp cho Công ty Điện lực Ứng Hòa làm công tác lập nhiệm vụ kỹ thuật để phục vụ công tác đầu tư hệ thống điện.

- Chỉ được đưa công trình vào sử dụng khi đã được cấp Giấy phép PCCC của cấp có thẩm quyền.

- Chịu hoàn toàn chi phí khi Công ty có nhu cầu di chuyển đường dây điện hiện hữu (nếu có) và sau này do EVNHANOI đầu tư trong Cụm công nghiệp.

- Tạo điều kiện và xây dựng Quy chế phối hợp với Công ty Điện lực Ứng Hòa trong công tác quản lý vận hành hệ thống điện trong Cụm công nghiệp.

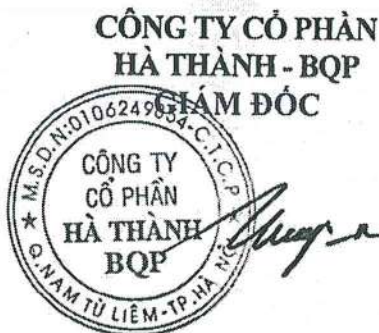
- Có trách nhiệm làm việc, thông báo cho các khách hàng trong Cụm công nghiệp ký hợp đồng mua bán điện với EVNHANOI khi các khách hàng có nhu cầu sử dụng điện. Cung cấp cho EVNHANOI thông tin các khách hàng (bao gồm cả Chủ đầu tư), nhà đầu tư thứ cấp có nhu cầu phát sinh công suất sử dụng điện (nếu có).

III. CÁC NỘI DUNG KHÁC:

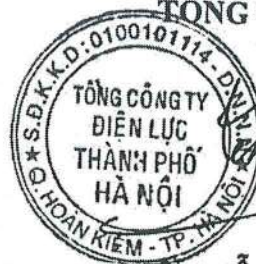
- Các nội dung trong thỏa thuận này thay thế các nội dung trong các thỏa thuận trước đây.

Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc hai bên cùng phối hợp để giải quyết.

Biên bản được nhất trí thông qua hồi 11h00' phút cùng ngày; được lập thành 04 bản: EVNHANOI giữ 02 bản, Công ty CP Hà Thành giữ 02 bản./.



Lưu Tiến Thuyên



TỔNG CÔNG TY
ĐIỆN LỰC TP HÀ NỘI
TỔNG GIÁM ĐỐC

Nguyễn Anh Tuấn

Nơi nhận:

- Công ty CP Hà Thành - BQP (02 bản giấy);
- KT, PC (để phối hợp);
- PCUNGHOA (để phối hợp);
- KH (02 bản giấy);
- Lưu: VT, KH.

CÔNG AN TP HÀ NỘI
PHÒNG CẢNH SÁT PHÒNG CHÁY,
CHỮA CHÁY VÀ CỨU NẠN, CỨU HỘ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

Số: 327/TD-PCCC

GIẤY CHỨNG NHẬN

THẨM DUYỆT THIẾT KẾ VỀ PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY

Căn cứ Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24 tháng 11 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy;

Xét hồ sơ và văn bản đề nghị thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy số 1210/CV ngày 12/10/2021 của Công ty cổ phần Hà Thành – BQP.

Người đại diện theo pháp luật là ông/bà: Lưu Tiến Thuyền - Chức vụ: Giám đốc.

PHÒNG CẢNH SÁT PHÒNG CHÁY, CHỮA CHÁY VÀ CỨU NẠN, CỨU HỘ

CHỨNG NHẬN:

Công trình: Xây dựng hạ tầng kỹ thuật Cụm Công nghiệp Xà Cầu – Giai đoạn 2, huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội.

Địa điểm xây dựng: Xã Quảng Phú Cầu, huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội.

Chủ đầu tư: Công ty cổ phần Hà Thành – BQP.

Đơn vị tư vấn thiết kế: Công ty cổ phần đầu tư Tân Minh, Công ty TNHH FISA Việt Nam.

Đã được thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy các nội dung sau:

- Đường giao thông phục vụ chữa cháy;
- Khoảng cách giữa các trụ nước, mạng ống, kiểu trụ, quy cách lắp đặt, áp lực và lưu lượng hệ thống.
- Nguồn điện cấp cho máy bơm chữa cháy.

Quy mô công trình và danh mục các tài liệu, bản vẽ được thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy ghi tại trang 2./

Nơi nhận:

- Chủ đầu tư (để thực hiện);
- C07 - Bộ Công an;
- Đ/c Giám đốc CATP;
- Đ/c Đại tá Trần Ngọc Dương - PGD CATP; (để báo cáo);
- Công an huyện Ứng Hòa. (để theo dõi);
- Lưu: PC07, D2_(H Long)

Hà Nội, ngày 22 tháng 10 năm 2021

TRƯỞNG PHÒNG



Đại tá Phạm Trung Hiếu

**QUY MÔ DỰ ÁN/CÔNG TRÌNH/PHƯƠNG TIỆN VÀ DANH MỤC
TÀI LIỆU, BẢN VẼ ĐƯỢC THẨM DUYỆT THIẾT KẾ
VỀ PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY**

*(Kèm theo Giấy chứng nhận thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và
chữa cháy số 83/TD-PCCC ngày 22./10./2021 của Phòng Cảnh
sát Phòng cháy, chữa cháy và Cứu nạn, cứu hộ)*

TT	Nội dung	Ghi chú
I	QUY MÔ HẠNG MỤC CÔNG TRÌNH	
	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật Cụm Công nghiệp Xà Cầu - Giai đoạn 2 với diện tích khoảng 7.92ha, thiết kế 12 trụ chữa cháy dọc theo đường giao thông có chiều rộng lòng đường nhỏ nhất 7,5 m. Hệ thống cấp nước chữa cháy được đầu nối với trạm bơm của cụm công nghiệp đảm bảo lưu lượng 25l/s	
II	DANH MỤC TÀI LIỆU, BẢN VẼ	
	Bản vẽ giao thông, hệ thống cấp nước chữa cháy: GT.MB-01, CN-MB-01, GT.MCN-01, GT.CTCT-01 đến GT.CTCT-03; KC-01 đến KC-08; FF-01 đến FF-07 Nguồn điện cấp cho máy bơm chữa cháy: CDHT-SĐNL.01	Công ty cổ phần đầu tư Tân Minh, Công ty TNHH FISA Việt Nam
	Thuyết minh PCCC: Quyền	

Lưu ý: Thông tin tại Giấy chứng nhận này chỉ xác nhận bảo đảm các yêu cầu về phòng cháy và chữa cháy, không có giá trị về quyền sử dụng đất và các chỉ tiêu về quy hoạch, xây dựng.

Số: 2163/SKHCN-QLCN

Hà Nội, ngày 08 tháng 11 năm 2022

V/v phương án công nghệ hạng mục
trạm XLNT thuộc Dự án cụm công
nghiệp làng nghề Xà Cầu - giai đoạn 2

Kính gửi: Công ty Cổ phần Hà Thành BQP.

(Số 8 nhà B12, khu đô thị Mỹ Đình 1, Cầu Diễn, Nam Từ Liêm)

Ngày 28/10/2022 Sở Khoa học và Công nghệ nhận được Công văn số 29/CV- HTBQP ngày 25/10/2022 của Công ty CP Hà Thành BQP về việc tiếp thu, bổ sung làm rõ hồ sơ thẩm định công nghệ Trạm xử lý nước thải (XLNT) Cụm công nghiệp làng nghề Xà Cầu - Giai đoạn 2.¹

Sau khi rà soát và hồ sơ thiết kế gồm: Thuyết minh công nghệ và bản vẽ thiết kế cơ sở (chỉnh sửa, gửi kèm Công văn số 29/CV- HTBQP) do Công ty CP Hà Thành BQP (chủ đầu tư) và Công ty CP tư vấn và xây dựng môi trường TNT Việt Nam (đơn vị thiết kế) lập tháng 10/ 2022 với Thông báo kết quả thẩm định công nghệ (Thông báo số 1933/TB-SKHCN ngày 12/10/2022 của Sở Khoa học và Công nghệ), Sở Khoa học và Công nghệ có ý kiến như sau:

I. Công suất, chất lượng nước đầu vào và đầu ra của trạm xử lý

Theo hồ sơ:

- Công suất thiết kế (cho 2 giai đoạn) đề xuất là 300m³/ngđ.
- Nguồn nước thải được thu gom xử lý: Theo dự kiến ngành nghề sản xuất của CCN Xà Cầu khi đi vào hoạt động thì nước thải phát sinh chủ yếu là nước thải sinh hoạt (tr.6-TMCN).

(Theo giải trình căn cứ hiện trạng khảo sát và quy hoạch các ngành nghề của CCN Xà Cầu giai đoạn 2 không phát sinh nước thải sản xuất).

- Chất lượng nước thải đầu ra đạt cột A-QCTĐHN 02:2014/BTNMT².

Nhận xét:

1. Công suất nằm trong phạm vi của Báo cáo đánh giá tác động môi trường và Quy hoạch đã được phê duyệt³.

Sở Khoa học và Công nghệ lưu ý: Từ lưu lượng, tư vấn tính được công suất của trạm (139m³/ngđ) và lựa chọn công suất thiết kế (300 m³/ng.đ). Cần có phương án vận hành cho phù hợp.

¹ CCN Xà Cầu - Giai đoạn 2 thành lập theo Quyết định số 383/QĐ-UBND ngày 17/01/2020 của UBND thành phố Hà Nội. Quy mô 7,92 ha. Ngành nghề hoạt động chủ yếu: chế biến sản phẩm đồ gia dụng, chế biến lâm sản...

² Quyết định số 1172/QĐ-UBND ngày 11/3/2021 của UBND thành phố Hà Nội về việc phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường

³ Quyết định số 07/QĐ-UBND ngày 11/01/2018 của UBND huyện Ứng Hòa về việc phê duyệt Quy hoạch chi tiết Cụm Công nghiệp Xà Cầu (đối với khu mở rộng), xã Quảng Phú Cầu, huyện Ứng Hòa, Hà Nội.



2. Tiếp thu ý kiến Hội đồng, chủ đầu tư và đơn vị tư vấn đã đưa ra cơ sở xác định thành phần, tính chất nước thải đầu dựa trên kết quả phân tích mẫu nước thải CCN Xà Cầu (giai đoạn I)⁴.

3. Khuyến nghị: Khi dự án đi vào hoạt động có đơn vị phát sinh nước thải sản xuất thì chủ đầu tư cần làm rõ các số liệu về nồng độ các chất ô nhiễm trong nước thải sản xuất; tách riêng nguồn nước thải và thực hiện quá trình tiền xử lý trước khi vào hệ thống xử lý nước thải.

II. Công nghệ xử lý của trạm xử lý nước thải

Theo thuyết minh kỹ thuật:

a) Xử lý nước thải: Sơ đồ khối của dây chuyền công nghệ (tr.11-TMCN) như sau:

Nước thải (từ trạm bơm) → Hồ ga tách rác → Bể điều hòa → Bể phản ứng hóa lý → Bể lắng hóa lý → Bể xử lý thiếu khí → Bể xử lý hiếu khí → Bể lắng sinh học → Bể khử trùng → Xả ra nguồn tiếp nhận (Kênh tiêu Mã Găng – Con Voi).

b) Xử lý mùi: Nắp đậy hố thăm của bể tách rác thô và bể điều hòa được làm kín hoàn toàn để ngăn mùi phát sinh (tr.31-TMCN). Mùi phát sinh tại bể điều hòa được xử lý tại tháp xử lý mùi bằng vi sinh (tr.31-TMCN).

c) Xử lý bùn: Bùn từ bể lắng sinh học được hồi lưu liên tục về ngăn tiếp nhận thiếu khí với lưu lượng điều chỉnh theo chất lượng nước thải đầu ra để tham gia quá trình khử nitrat và phân hủy bùn. Bùn sau khi phân hủy được xe Công ty Môi trường đô thị hút định kỳ, ước tính chu kỳ hút bùn 2 năm/lần (thuyết minh tại mục 3.4.1.3-tr.19,20-TMCN).

Nhận xét:

1. Phương án công nghệ kết hợp công nghệ hóa lý và sinh học (theo nguyên lý AO) là phù hợp về nguyên tắc đối với thành phần và tính chất nước thải công nghiệp của Cụm công nghiệp mà chủ đầu tư và tư vấn lựa chọn, đảm bảo đầu ra đạt cột A-QCTĐHN 02:2014/BTNMT trong điều kiện thiết kế đúng, vận hành đúng quy trình.

2. Tiếp thu ý kiến Hội đồng, chủ đầu tư và đơn vị tư vấn đã thực hiện các bổ sung, điều chỉnh sau:

- Đã làm rõ tiêu chí lựa chọn công nghệ của dự án (mục 3.1-tr6-TMCN).
- Đã bổ sung các đường tuần hoàn nội vùng vào sơ đồ công nghệ (tr11-TMCN).
- Đã bổ sung làm rõ hệ thống xử lý mùi (tr.31-TMCN).

3. Khuyến nghị: Để nước thải sau xử lý đạt QCTĐHN 02:2014/BTNMT cột A ($K_q=0,9$; $K_f=1,1$) và có thể tái sử dụng nước thải thì có thể bố trí bể lọc cát sau quá trình xử lý sinh học.

⁴ Với thống số trung bình: $BOD_5 = 185 \text{ mg/l}$, Amoni (tính theo Nitơ) = $47,9 \text{ mg/l}$, TSS = 120 mg/l (Phiếu phân tích số 85-5218/KQPT/2022 ngày 05/4/2022).

III. Công trình xây dựng và thiết bị chính

1. Việc tính toán các công trình của trạm xử lý đã được trình bày (tr.22-33.TMCN)³. Danh mục thiết bị chính (Tên, thông số kỹ thuật chính, xuất xứ, số lượng) đã được liệt kê (tại Bảng -tr-34-40.TMCN)

2. Tiếp thu ý kiến Hội đồng, chủ đầu tư và đơn vị tư vấn đã thực hiện các bổ sung, điều chỉnh sau:

- Đã bổ sung tính toán khối tích 3 ngăn của bể điều hòa (tr.22-25.TMCN).

- Đã tính toán lại khối tích bể AO, bể thiếu khí, bể khử trùng (tr.25-28-TMCN).

- Đã giải trình mục đích việc chia nhiều ngăn của bể thiếu khí.

- Đã bổ sung tính toán và thiết bị bơm tuần hoàn dòng NO_3^- (tr.32-TMCN).

- Đã bổ sung tính toán cho bể xử lý hiếu khí và giá thể (MBBR) (tr.28-31-TMCN).

- Đã bổ sung tính toán bể nén bùn (tr.28-TMCN).

- Đã tính toán lại nhu cầu oxy (tr.28-30-TMCN).

- Đã chỉnh sửa thời gian lưu thủy lực của bể khử trùng (tr.19-TMCN).

- Đã lựa chọn lại thiết bị sục khí sau khi xác định lại nồng độ oxy.

- Đã trang bị tháp xử lý mùi cho các ngăn bể kín.

- Đã bổ sung thông tin về vận hành hồ sơ cố, cụm xử lý hóa lý (tr.41-TMCN) và mô tả chi tiết nguồn tiếp nhận nước thải sau xử lý.

3. Một số khuyến nghị:

- Không nên bố trí giá thể cố định tại bể thiếu khí.

- Bổ sung giải pháp khuấy trộn nước, bùn tuần hoàn với nước đầu vào.

- Việc xây dựng bể lắng II chỉ có 01 đơn nguyên không đảm bảo độ tin cậy theo yêu cầu.

- Bể chứa bùn sinh học nên chia 2 ngăn gồm ổn định bùn (có sục khí) và nén bùn để giảm tối đa thể tích bùn cần hút, tiết kiệm chi phí xử lý bùn.

- Nên bổ sung máy khuấy ngăn xử lý anoxic.

- Cần tận dụng tối đa nguyên tắc tự chảy trong thiết kế cao trình, mực nước trong các công trình để giảm bớt số bơm.

- Bổ sung thêm thiết bị để duy trì lưu lượng đầu vào như: lưu lượng kế kết hợp biến tần cho bơm đầu vào; DO sensor và biến tần để duy trì nồng độ DO trong bể hiếu khí.

- Cần trang bị thêm thiết bị bổ sung dinh dưỡng cho hệ thống.

- Cần nhắc trang bị các thiết bị điều khiển, tự động hóa cho hệ thống.

³ Gồm: Bể điều hòa; Bể phản ứng hóa lý; Bể lắng hóa lý; Bể thiếu khí; Bể hiếu khí; Bể lắng sinh học; Bể khử trùng; Bể chứa bùn; Hệ thống xử lý mùi.



IV. Một số vấn đề khác có liên quan

Tiếp thu ý kiến Hội đồng, chủ đầu tư và đơn vị tư vấn đã thực hiện các bổ sung, điều chỉnh sau:

1. Đã rà soát lại chi phí vận hành, chi phí điện năng, đã tính toán lại lượng hóa chất sử dụng⁶ theo hướng giảm so với tính toán ban đầu (tr.45-TMCN).
2. Đã rà soát điều chỉnh, bổ sung bản vẽ cao trình mực nước vào các mặt cắt.

V. Nhận xét, đánh giá tổng hợp

1. Hồ sơ đã xác định được mục tiêu xử lý, tính toán công suất, đề xuất công nghệ, danh mục công trình xây dựng và danh mục thiết bị dự kiến đầu tư, tính toán được chi phí vận hành. Chủ đầu tư đã tiếp thu ý kiến của Sở Khoa học và Công nghệ, bổ sung, làm rõ một số nội dung trong hồ sơ.

2. Phương án công nghệ lựa chọn (kết hợp công nghệ hóa lý và sinh học theo nguyên lý AO) là phù hợp về nguyên tắc đối với thành phần và tính chất nước thải công nghiệp của CCN Xà Cầu mà chủ đầu tư và tư vấn lựa chọn, đảm bảo đầu ra đạt cột A-QCTĐHN 02:2014/BTNMT trong điều kiện thiết kế đúng, vận hành đúng quy trình.

3. Trong quá trình triển khai tiếp theo đề nghị chủ đầu tư cần rà soát kỹ lưỡng thông số nước thải đầu vào phù hợp với thực tế để hệ thống hoạt động hiệu quả theo phương án công nghệ đã lựa chọn và các khuyến nghị đã nêu trên trên.

Một số ý kiến trên Sở Khoa học và Công nghệ gửi đề chủ đầu tư biết và lưu ý trong quá trình thực hiện /

Nơi nhận:

- Như trên;
- Đ/c Giám đốc Sở (để b/c);
- Sở Xây dựng (để ph/h);
- Cty CP TV và XDMT/TNT Việt Nam;
- Lưu: VT, QLCN_(ch).

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Quốc Hà

⁶ Gồm: PAC, NaOH, Polymer, hóa chất khử trùng (Javen), hóa chất chỉnh pH (tr.40-TMCN).

